

NGUYEN HIEN LE

**NHỮNG
VẤN ĐỀ
CỦA
THỜI
ĐẠI**

NGUYỄN HIỀN LÊ



downloadsachmienphi.com

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA
THỜI ĐẠI

TỦ SÁCH "HỌC LÀM NGƯỜI"

Download Ebook Tại: <https://downloadsachmienphi.com>

LỜI MỞ ĐẦU



— Sự bùng phát của nhân số trong nửa thế kỷ nay kinh khủng ra sao ?

— Tài nguyên của địa cầu sắp kiệt ?

— Bao lâu nữa nhân loại sẽ đói ?

— Bao lâu nữa trái đất không còn ở được nữa vì họa nhiễm độc ?

— Có nên đổi quân dịch ra dân dịch, ngưng sự chế tạo vũ khí để chống nạn đói không ?

— Nhân loại đã trải qua những thời đại nào ? Thời đại hậu kỹ nghệ đã bắt đầu chưa ?

— Tới cuối thế kỷ này thế giới sẽ ra sao ?

— Những phát minh nào đã làm thay đổi hẳn xã hội ?

— Có chiến tranh nguyên tử không ? Nếu có thì hậu quả ra sao ?

— Thế kỷ thứ XXI sẽ thấy những ác mộng nào ?

— Nhân loại sẽ đi về đâu ? vân vân...

Đó là những vấn đề của thời đại mà mọi dân tộc phải chung sức nhau giải quyết ngay từ bây giờ nếu không thì quá trễ.

Trong tập này chúng tôi dùng những tài liệu mới nhất của những nhà bác học có uy tín nhất trên thế giới để giúp độc giả nhận định cho rõ thời đại của chúng ta rồi suy ngẫm, tìm một lẽ sống, một lối sống cho dân tộc, cho chính mình. Tiếng súng đã tạm im trên dãy non sông của chúng ta. Bây giờ là lúc chúng ta, hạng người có học thức trong bất kỳ ngành hoạt động nào, phải nhìn xa để định một hướng đi, tự làm chủ mình, may ra khỏi bị lôi cuốn trong cơn lốc của thế giới.



Sài Gòn ngày

downloadsachmienphi.com

Sa-Đéc, Oct 2, 2015

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

HAI NGUY CƠ TRƯỚC MẶT CỦA NHÂN LOẠI

Người ta thường ví Khoa Học với một lưỡi dao bén, nó rất có lợi mà cũng rất có hại tùy ta biết dùng nó hay không. Lời đó không đúng hẳn.

Lẽ thứ nhất: cái hại của nó không phải chỉ tại ta không biết dùng nó, mà nhiều khi còn dính liền vào cái lợi, nghĩa là hễ có lợi thì tất nhiên phải có hại, không sao tránh được, dù ta có hết sức khéo dùng chẳng nữa. Trong bài *Năm 2.000* (1) chúng tôi đã kể một số « ác mộng » của thế kỷ XXI do những tiên bộ của các máy điện tử, của môn sinh vật học gây nên. Những ác mộng

(1) Coi ở sau.

ây còn xa vời, độc giả có thể chưa tin, nên tôi xin lấy một thí dụ trước mắt : sự phát triển của cơ giới khiến sự sản xuất các dụng cụ, máy móc tăng lên rất mạnh, gây cho nhân loại cái tâm trạng, cái *nhu cầu*, phải tiêu thụ cho nhiều, một cách phí phạm để có thể tiếp tục sản xuất được, nếu không thì máy phải nghỉ, thợ phải nghỉ. Đó là một điều hại vì khi con người sống chỉ cốt để hưởng thụ, để tiêu thụ, thì một số giá trị tinh thần mất đi, cuộc đời hóa bận rộn, không nhàn nhã, thanh thoi nữa, mất sinh thú. Mà cái hại đó dính chặt vào cái lợi : hễ sản xuất mạnh thì tự nhiên phải tiêu thụ mạnh, không sao tránh được.

Lẽ thứ nhì : khi ta thấy một con dao bén quá, hại hơn là lợi, ta có thể bỏ nó đi, dùng một con dao khác cùn hơn ; còn Khoa Học thì có ai dám bỏ nó đi, không dùng nó nữa không ? Có ai dám tộp nó lại không ? Có ai dám đề nghị : môn năng lực hạch tâm, môn điện tử, môn sinh vật học... đã tiến tới mức đó là đủ rồi, quá đủ rồi, thôi đừng nghiên cứu, phát triển nữa không ? Bay được 2.000 cây số giờ là mau quá rồi, không

cần tìm cách bay 5.000 — 6000 cây số giờ làm gì nữa không? Ngay đến các khí giới hạch tâm nguy hại cho nhân loại không biết bao nhiêu mà kể, có quốc gia nào dám đề nghị đừng chế tạo thêm, cải thiện thêm nữa không? Thành thử Khoa Học như một đứa con rất đĩnh ngộ của ta, ta bảo gì nó làm này nhưng lại rất tinh quái, cứ lôi kéo ta hoài, ta hồn hên chạy theo nó mà không sao ngừng lại được. Cả những khi thấy tai họa ngay trước mắt. Mỗi phát minh tặng cho ta được một số lợi ích thì lại gây một số tai họa; để trừ tai họa này, ta lại phát minh nữa, rồi phát minh mới lại gây tai họa mới, riết rồi ta phải đôi phó với Khoa Học hoài, đó là điều kiện của sự tiến bộ, nhưng cũng chính là ngõ cụt — nếu không phải là con đường đưa xuống vực thẳm — của nhân loại. Tiến hoài, tiến hủy để tới đâu đây? Khoa Học Thực Nghiệm mới khai sinh từ khoảng hai trăm năm nay, nhưng tiến vượt bậc, thì chỉ mới từ thế chiến thứ nhì mà nhìn tương lai rất gần ở cuối thế kỷ này, chúng ta cũng đã ngợp rồi (1), thử tưởng tượng

(1) Cõi bài « Năm 2000 » đã dẫn.

trong hai trăm năm nữa thôi, Khoa Học sẽ lôi cuốn chúng ta tới đâu? Tới đâu? Hiện nay cứ hai ba chục năm, vì sự tiến bộ của Khoa Học, Kỹ Thuật, mà đã có bao nhiêu văn đề phải đặt lại, từ gia đình, xã hội, luật pháp tới giáo dục, khiến một học giả đã nói: «Bây giờ sống 60 năm thì được thầy ba thế giới»; thành thử con người cứ phải thích sống hoài với những thay đổi trong xã hội, không lúc nào có cái tâm trạng an ổn, thần kinh lúc nào cũng kích thích (sở người bị bệnh thần kinh vì vậy tăng lên rất đáng ngại ở Âu, Mỹ); mới bây giờ mà đã vậy thì hai trăm năm nữa thời đời sống sẽ ra sao? Mỗi lần nghĩ tới, tôi lại mừng rằng được sinh trong một xứ lạc hậu ở thế kỷ XX, còn giữ được ít nhiều lối sống của ông cha, còn chông cựa được ít nhiều với sự lôi cuốn của cơ giới.

Từ lâu lắm rồi, đã có một số người cảnh cáo nhân loại về cái họa của Khoa Học; hai nhà nổi tiếng nhất gần đây là Aldous Huxley và George Orwell, nhưng họ đều là những văn nhân có óc trào phúng ít nhiều, không làm cho chúng ta tin hẳn. Theo chỗ

chúng tôi được biết thì lời cảnh cáo đầu tiên đáng cho chúng ta tin và làm cho chúng ta lo ngại là cuốn *Population, Resources, Environment* của nhà W.H. Freeman — San Francisco, 1970; bản Pháp dịch: *Population, Ressources, Environnement* của nhà Fayard — Paris, 1972.

Tác giả, Paul và Anne Ehrlich đều là những nhà bác học, giáo sư và phụ giảng ở đại học Stanford — California — về môn «écologie» (1) đã nghiên cứu rất kỹ về các vấn đề nhân số, tài nguyên và hoàn giới (1) rồi diễn thuyết tại một trăm rưởi đại học, cả trên các đài phát thanh, truyền hình để cảnh cáo nhân loại về hai cái hại ngay trước mắt, cần phải giải quyết gấp, tức sự tăng gia nhân số quá mạnh và sự không khí, nước, đất bị nhiễm uê (pollution), cả hai cái hại ấy đều là hậu quả của sự tiến bộ Khoa Học.

Khi viết tác phẩm trên, ông bà Ehrlich còn nhờ hằng chục nhà bác học chuyên môn

(1) Tôi sẽ giảng hai danh từ này trong một đoạn sau.

về địa chất, sinh vật học, canh nông, dân số... coi lại, chỉ trích để ông bà sửa đổi.

Vậy tiếng nói của ông bà cũng là tiếng nói chung, của giới khoa học Âu Mỹ.

SỰ BỘC PHÁT CỦA NHÂN SỐ VÀ NẠN ĐÓI (Explosion démographique)

Chưa có gì cho ta biết được loài người xuất hiện vào thời nào, có thể là từ khoảng 600.000 năm tới 1.600.000 năm trước đây; mới đầu chỉ sống bằng săn mồi và hái trái cây, rồi vào khoảng 8.000 năm trước công nguyên, nghĩa là cách đây khoảng 10.000 năm mới biết trồng trọt, và từ đó nhân số mới bắt đầu tăng. Các nhà bác học tính rằng lúc đó, nhân số vào khoảng 5.000.000, tăng đều đều, tới đầu công nguyên được khoảng 200 hoặc 300 triệu; tới năm 1930 được hai tỉ, năm 1969 được ba tỉ rưỡi.

Muốn thấy mức tăng gia ra sao, không gì bằng tìm xem thời gian để nó tăng lên gấp đôi là bao lâu. Xin đọc giả coi bảng bên đây:

Vào khoảng 8.000 năm trước C.N, nhân số tăng gấp đôi trong 1.500 năm

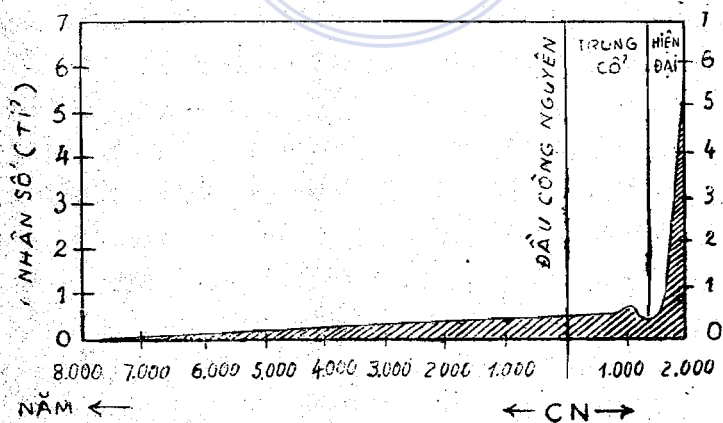
—	1.650	—	sau	—	—	200	—
—	1.850	—	—	—	—	80	—
—	1.930	—	—	—	—	45	—
—	1.975	—	—	—	—	35-37	—

Nghĩa là mới khoảng một trăm năm nay, nhân số tăng lên rất mau, hiện nay hai lần mau hơn năm 1950, gần sáu lần mau hơn năm 1650. Như vậy nhờ:

— Những tiên bộ về canh nông, kỹ nghệ.

— Những tiên bộ về y khoa khiến cho tử suất giảm đi. Những điểm ấy ai cũng biết, nên tôi nghĩ không cần phải nhắc lại.

Nhưng những con số trong bản trên vẫn không cho chúng ta nhận định được mau và rõ ràng bằng đồ biểu dưới đây:



Ta thấy đường biểu diễn qua thời hiện đại bỗng vọt lên, nhất là vào khoảng đầu thế kỷ XX trở đi, nó gần như dựng đứng. Các nhà chuyên môn trong cơ quan kinh tế và xã hội Liên Hiệp Quốc tính rằng tới năm 2.000 (nghĩa là chỉ trong 23 năm nữa), thế giới sẽ có :

ít nhất : 5.449 triệu người

trung bình : 6.130 triệu người

nhiều nhất : từ 6.994 triệu tới 7.522 triệu người

Làm giảm tử suất đi mà tăng tuổi thọ lên là một cái lợi lớn của Khoa Học, nhưng cái lợi ấy kéo theo một cái hại khác : khi nhân số tăng lên quá một mức nào đó thì thực phẩm không đủ để nuôi mọi người, nhân loại sẽ đói, luật cạnh tranh để sinh tồn sẽ rất gay go, người ta sẽ phải chém giết nhau để kẻ nào mạnh được sống, kẻ yếu bị diệt. Gaston Bouthoul, nhà xã hội học nổi danh ở Pháp hiện nay trong cuốn *Le phénomène guerre* (Hiện tượng chiến tranh), Payot — 1962, bảo nhân loại có bản năng tự sát, mà nguyên nhân các cuộc tự sát đại qui mô, tức chiến tranh, là để lập lại sự thăng bằng

về nhân khẩu (équilibre démocratique) và ông nhận thấy rằng ít nhất là trong các thế kỷ đã qua, cứ sau một thời có nạn nhân mãn là có một chiến tranh lớn để loài người chết bớt đi, để đỡ phải dùng chính sách giết trẻ con. Ngay triết gia Bergson năm 1936 cũng viết : « Cứ để cho nữ thần Ái Tình Venus hành động thì chúng ta sẽ thấy thần Chiến Tranh Mars xuất hiện »; nghĩa là loài người sinh sản nhiều quá, sinh suất cao, tử suất thấp, thì sẽ có chiến tranh.

Các nhà bác học đã tính nhân số cứ tăng theo cái mức hiện nay — nghĩa là cứ 35 năm lại tăng gấp đôi — thì một ngàn năm nữa, nó sẽ vượt một tỉ tỉ (1.000.000.000.000.000.000) người, nghĩa là cứ mỗi thước vuông đất, nổi cũng như chìm, sẽ có hai ngàn người. Không thể vô lý như vậy được. Dĩ nhiên số người sẽ phải bị hạn chế bằng bất kỳ cách nào; và một số nhà bác học đoán nó sẽ ngưng lại, không tăng nữa ở cái mức từ 10 đến 50 tỉ.

Tác giả cuốn *Population, Ressources, Environnement* bảo phải bắt đầu hạn chế gấp ngay từ bây giờ thì may ra mới kịp, vì loài

người hiện nay đã đói rồi, sắp thiếu tài nguyên rồi. Vậy là mới được hưởng cái lợi của Khoa Học trên một thê kỷ thì bây giờ chúng ta đã phải lo « đòi phở » với nó.

Viết về nạn đói của nhân loại ở thê kỷ XX này, ở kỷ nguyên mà người ta gọi là « kỷ nguyên tiêu thụ » (ère de consommation) hay « kỷ nguyên thừa thãi » (ère d'abondance) này thì mấy trăm trang cũng không đủ. Tôi chỉ xin đưa ra vài con số.

Theo ủy ban cố vấn về Khoa Học cho Tổng Thống Mỹ năm 1967 thì 20 phần trăm dân số của các quốc gia kém phát triển (những quốc gia này gồm hai phần ba nhân số trên thê giới) rõ ràng là thiếu ăn, 60 phần trăm đủ ăn nhưng không biết cách dinh dưỡng, nên thiếu chất bổ, đặc biệt là chất *protide*. Như vậy là có tới một nửa nhân loại thiếu ăn hoặc ăn không đủ chất bổ. Có nhiều nhà bác học khác lại bảo có tới hai phần ba nhân loại « đói », và mỗi năm có từ mười tới hai chục triệu người « chết đói ». Con số này có vẻ như quá đáng nhưng sự thực thì không. Không phải vì nhịn đói lâu quá mà chết, mới gọi là « chết đói ». Những người vì

thiếu ăn, ốm yếu, khi bị bệnh, không chống nổi với bệnh mà chết thì cũng gọi là chết vì thiếu ăn, vì đói. Hiểu theo nghĩa ấy thì tôi tưởng con số hai chục triệu trên kia còn thấp quá. Có thể nói ít nhất là tám chục phần trăm nông dân ở Bắc Việt thời tiền chiến suốt năm phải ăn rau, nửa năm phải ăn độn khoai hay ngô, cả năm chỉ có độ ba chục ngày (những ngày giỗ, tết) mới được ăn thịt, đều là đói cả, dù có người không phải nhịn một bữa nào. Và những người chết hồi dưới bốn mươi tuổi, năm mươi tuổi thì chín phần mười chết vì thiếu ăn, vì đói.

Có một điều chúng ta không thể ngờ được là ngay ở nước phú cường nhất thế giới, nước Mỹ, mà cũng có hàng triệu người đói, phải nhịn bữa tối, tại những miền Texas, Louisiane, Kentucky, một phần ba trẻ em dưới sáu tuổi ốm yếu, xanh xao, có đura bụng ỏng nữa vì không được ăn đủ chất bổ. Họ đói không phải vì nước họ không sản xuất đủ thực phẩm mà vì người ta lo chề tạo vũ khí bỏ đói họ.

Tình trạng đói ấy ở các nước kém phát

triển Á, Phi và Châu Mỹ La Tinh từ sau thế chiến tới nay chỉ tăng lên chứ không giảm. Nhiều nước không phải chịu nạn chiến tranh như Việt Nam chúng ta, mà cũng càng ngày càng đói thêm : trước thế chiến họ còn xuất cảng gạo hay lúa mì được, bây giờ họ phải nhập cảng. Vì mức tăng gia sản xuất những thực phẩm ấy không đủ bù mức tăng gia nhân sò. Dân sò ở những nước ấy cứ hai mươi lăm năm tăng lên gấp đôi, họ rán phát triển canh nông mà vẫn không đuổi theo kịp được. Mục *Một ngày quốc tế* (báo Đại Dân Tộc) ngày 18-6-73 đăng tin : Nạn đói trầm trọng đang đe dọa thế giới. Ba mươi sáu nước Á, Phi, sẽ chết đói vì hạn hán hay lụt lội khiến cho mất mùa.

Bắc Mỹ và Âu Châu không đủ lúa gạo để cứu họ. Thái Lan không chịu bán gạo ra nữa, để dành tiêu thụ trong nước, cho nên Ấn Độ, Bangladesh, Phi Luật Tân, Indonésia đương lo. Còn Đại Hàn thì vẫn giữ lệnh cấm bán cơm tại các tiệm ăn và khuyên dân ăn độn ngô hay khoai để tiết kiệm gạo. Tin đó làm cho tôi nhớ lời của Vũ Trọng Phụng:

« Làm người mà được ăn cơm thì sướng quá ».

Ngay như Nga, đất đai rộng làm vậy mà sau nửa thế kỷ phát triển canh nông và kỹ nghệ, vẫn thiếu lúa mì phải mua của Tây Âu, và bây giờ mua của Mỹ.

Vậy kỹ nguyên của chúng ta không đáng gọi là kỷ nguyên thừa thãi ; chỉ thừa thãi đối với một số ít người thôi, cao lắm là một phần ba nhân số trên thế giới, còn đối với hai phần ba kia, phải gọi là kỷ nguyên thiếu thốn, kỷ nguyên đói.

Đáng lo nhất là nạn đói này, không lâu đâu, chỉ khoảng hai chục năm nữa, sẽ rất nguy hại, vô phương giải quyết, nếu nhân số cứ tăng đều đều như hiện nay.

HẾT ĐẤT TRỒNG TRỌT RỒI

Nhiều người tin rằng địa cầu còn rất nhiều đất hoang. Đúng vậy. Theo ủy ban cố vấn Khoa Học của Tổng Thống Mỹ, thì diện tích đất có thể trồng trọt được là 3,18 tỉ héc-ta, khoảng 24 phần trăm diện tích đất không bị băng phủ, mà năm 1967, chưa

được một phần ba diện tích ấy — nghĩa là mới có khoảng một tỉ héc-ta — đã trống trọt; trên hai tỉ héc-ta kia còn bỏ hoang.

Nhưng không phải đất nào hiện nay còn bỏ hoang cũng có thể trống trọt được. Sự thực, tất cả những đất nào có thể trống trọt được trong hoàn cảnh kinh tế hiện tại đều đã trống trọt hết rồi. Còn những đất chưa trống trọt, nay muốn khai phá thì tồn kém vô cùng. Không thể cứ chia lô, phát cho dân nghèo, trợ cấp họ một số vốn rồi ít năm sau sẽ thấy những cánh đồng mơn mơn hết. Phải có những nhà chuyên môn nghiên cứu xem đất có màu mỡ không, có thể đưa nước vào được không; phải đắp những đường đất hoặc đào kinh để khai thông, phải trừ phèn, trừ muối, đào bỏ những rễ cây và phiến đá...

Người ta đã tính sơ sơ, phải tồn cho mỗi héc-ta trung bình là 5.000 quan, tức nửa triệu bạc Việt Nam hiện nay. Cứ cho rằng như vậy mỗi héc-ta sẽ nuôi được hai người thì thế giới sẽ phải bỏ ra 140 tỉ quan mỗi năm chỉ đủ để nuôi số người tăng thêm

mỗi năm (1). Mà có phải khai phá một năm là đã có huê lợi liền đâu. Phải kể năm năm hoặc mười năm, nghĩa là phải đầu tư từ 700 tỉ tới 1.400 tỉ quan ngay từ bây giờ. Những nước kém phát triển không có nổi sò vốn ấy; còn những nước phú cường có chịu chung sức nhau giúp các nước nghèo 1.400 tỉ quan riêng về việc phát triển canh nông không?

Đó là xét những đất có thể khai phá được. Còn nhiều miền khai phá chỉ thất bại chứ không sao thành công được. Chẳng hạn Nga đã thất bại ở miền Kazakstan (Trung Á) năm 1954 về việc trồng lúa; Anh thất bại ở Tanzanie về việc trồng đậu phụng ngay sau thê chiến vừa rồi. Lưu vực sông Amazone ở Ba Tây, phần lớn miền Tây Bá Lợi Á và Châu Úc cũng không thể trồng trọt được. Ở Nam Việt, đừng nói miền Cà Mau, miền U Minh, ngay Đồng Tháp Mười cũng không phải là dễ khai phá, vì nạn lụt mỗi năm, nạn phèn, nạn chuột. Nửa thê kỷ trước, người Pháp đã nghiên cứu đất đai,

(1) Không hiểu ông bà Ehrlich tính ra sao, theo tôi số đó chỉ đủ nuôi nửa số người lãng thêm thôi.

địa thê, tính đào nhiều kinh tháo nước và rửa phèn, nhưng phải bỏ dở tới hai lần, rồi cuộc canh đồng rộng 800.000 héc-ta đó vẫn còn bị cỏ lát ngự trị, chủ điền nào mạo hiểm khai phá một khu lớn vài trăm héc-ta cũng sạt nghiệp sau vài ba năm, chỉ những nông dân thận trọng làm nho nhỏ vài ba chục công, từ ven đồng lần dần vào trong, là thành công được, nhưng cũng phải trả một giá rất đắt, chịu cực khổ luôn năm sáu năm rồi đất mới thành điền, có huê lợi đủ ăn. Người ta thường quá tin huyền thoại đất hoang nào cũng mau phát. Sự thực thì đất bỏ hoang là đất xấu, nếu không xấu thì đã được trồng trọt từ lâu rồi.

Muốn khai phá một miền hoang thì phải tháo nước ra (như Đổng Thập Mươi) hoặc đưa nước vô. Trường hợp sau thường xảy ra hơn. Mà việc đưa nước vô cũng rất tốn kém. Thí dụ điển hình là Ai Cập. Để đưa nước vô những đất khô cạn xa sông Nil, Ai Cập đã vay tiền Nga, xây đập Assouan, phí tổn rất cao. Rồi cuộc khi xây xong thì sở ruộng trồng trọt thêm được không đủ để nuôi số dân tăng lên trong thời xây cất.

Mà người ta còn ngại rằng chỉ trong một trăm năm thôi, hồ nhân tạo ở phía trên đập sẽ bị bùn cát lấp, mà đập hóa ra vô dụng.

Công việc rửa phèn, rửa muối cũng không dễ dàng gì, phải những nước giàu có mới dám nghĩ tới.

Trường hợp sa mạc Sahara mới thiên nan vạn nan : phải đổi nước biển thành nước ngọt (Khoa Học chưa kiếm được cách nào rẻ tiền) rồi đào những kinh ngang dọc thật lớn đưa nước vào lòng sa mạc.

Tóm lại trong hiện tình thế giới, rất khó tăng diện tích trồng trọt được, gắng sức lắm cũng không đủ bù vào mức tăng nhân số. Đã vậy mà số đất màu mỡ, đã khai phá từ lâu lại cứ mỗi ngày mỗi giảm vì bị thị trấn xâm lấn. Người ta đã tính rằng khi dân số Californie tăng lên được 1000 người thì 96 héc-ta đất ruộng biển thành đất xây cất nhà cửa, đường sá... Tới năm 1960, ở Californie, có trên một triệu héc-ta đất ruộng mất đi như vậy, và tới năm 2020, con số đó sẽ tăng lên tới 5 triệu héc-ta, tức một nửa số đất trồng trọt được của tiểu bang ấy.

CUỘC CÁCH MẠNG XANH

Không tăng diện tích trồng trọt được thì còn một cách nữa là tăng năng suất trồng trọt. Gần đây người ta đã khua chiêng gõ mõ rất ồn ào về cuộc «cách mạng xanh», nghĩa là về việc dùng nhiều phân bón và nhất là dùng những giống lúa mới năng suất cao.

Dùng phân hóa học để bón thì có lợi thật, năng suất tăng lên mạnh, nhưng cái hại của nó cũng lớn lắm: lúa, trái cây, rau cỏ, ngay cả đất đai, sông ngòi có thể bị nhiễm độc, do đó gà, vịt, trâu bò, cá tôm cũng bị nhiễm độc lây (trong một đoạn sau chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này).

Có những giống lúa mới như lúa Thần Nông một năm có thể trồng được ba mùa, mà nhiều hột hơn các giống cũ. Năm sáu năm trước, một nông dân ở Cần Thơ trồng thử năm sáu công lúa Thần Nông trong hai năm mà làm giàu, mừng quá, viết bốn chữ đại tự «Thần Nông gia bảo» treo trong nhà. Nhưng mấy năm nay người ta đã bớt hăng hái rồi: thử lúa đó không phải trồng ở đâu cũng được, nó đòi nhiều nước, nhiều phân, bắt ta phải chăm nom rất kỹ, lại dễ

bị sâu ăn, nên phải dùng nhiều thuốc giết sâu, mà những thuốc này rất độc, chắt độc nhiễm vào rễ, lá, vào hoa và hạt lúa, có hại cho người tiêu thụ. Lại thêm lúa ăn không ngon, bị nhiều người chê (1).

S. Gouchtchev và M. Vassiliev trong cuốn *La vie au 21^e siècle* (Buchet Chastel — 1964) còn kể những chất kích thích sự sinh trưởng của cây cối, chẳng hạn làm cho những cây cà chua, lê, táo đâm rễ nhiều, mau lớn, mau có trái và trái mau chín. Những chất ấy hình như chỉ mới thí nghiệm ở Nga, kết quả chưa biết ra sao — có tồn tiến quá không, có hại gì không, trái cây có kém ngon không... — nhưng có điều chắc chắn là năm nay Nga vẫn phải mua nhiều lúa mì của Mỹ.

BIÊN, CỨU TINH CỦA NHÂN LOẠI ?

Khoảng hai chục năm trước, khi xét nạn đói của nhân loại, một số báo chí khuyến

- (1) Các dân tộc kém phát triển mà có văn hóa từ lâu thường kén ăn, hễ có phương tiện thì muốn ăn cho ngon ; còn Mỹ, Âu trái lại, chỉ muốn ăn đồ hộp, uống nước trái cây cho đỡ tốn công mà đủ chất bổ, để rồi lười học làm việc.

chúng ta cứ vững tâm : khi đất không còn đủ sức nuôi chúng ta nữa thì còn có biển mà diện tích rộng gấp ba đất ; biển là một kho thực phẩm vô tận, tha hồ cho chúng ta vớt lên mà ăn, nó sẽ là cứu tinh của nhân loại. Nhưng đó cũng là một huyền thoại nữa.

Nguồn lợi thứ nhất là cá : chúng ta có thể thu hoạch được tới 150 triệu tấn cá mỗi năm. Trăm rưỡi triệu tấn cá thì được bao nhiêu triệu tấn thức ăn ? 50 triệu hay 100 triệu tấn. Chia cho 6, 7 tỉ người vào cuối thế kỷ này thì mỗi người được bao nhiêu ký thức ăn mỗi năm ? Còn như muốn thu hoạch được hơn số 150 triệu tấn thì phải bắt cả những cá nhỏ, những *plancton*-sinh vật nhỏ li ti trong biển. Bắt những loại ấy chẳng những không bỏ công mà còn làm cho số cá lớn giảm đi vì chúng là thức ăn của các loài cá lớn. Hiện nay vài loài cá như cá voi màu lam (*baleine bleue*) và loài jubarte (1) đã gần tuyệt chủng vì bị săn bắt quá. Biển không phải là một kho vô tận, cần phải hạn chế

(1) Một thứ cá voi rất lớn có hươu, có mỏ ở các biển gần Bắc Cực.

hoặc kê hoạch hóa sự đánh cá thì sò cá mới không giảm đi, cũng như từ đời thượng cổ Mạnh Tử đã khuyên dân tộc Trung Hoa hạn chế sự đồn rùng và bắt cá nước ngọt vậy.

Còn việc «trồng trọt» ở biển thì đã thí nghiệm rồi, nhưng kết quả chưa đáng kể. Ở Nhật người ta đã nuôi sò, một sò cá biển, và một sò hải tảo (rong) ăn được ; phí tổn còn cao quá, mà món hải tảo ăn lại không ngon. Rốt cuộc không phải là một giải pháp trong một thời gian gần đây được.

THỨC ĂN TÂN TẠO

Các nhà bác học đã tìm cách cấy những cơ thể rất đơn sơ có một tế bào thôi (organisme monocellulaire) trên một thực thể là dầu lửa, mà sản xuất được những chất có nhiều *protéine*. Theo lý thuyết thì những *protéine* ấy độ mười năm nữa có thể ăn được, chưa biết là có lợi hay không.

Người ta còn hy vọng từ dầu lửa rút ra được cả mỡ, đường, và nhiều thức ăn khác nữa. Nghe nói bèo Nhật Bản (tức lục bình) cũng chứa *protéine*, chưa hay đã có cách rút ra được chưa.

Một số nhà bác học còn nuôi cái mộng tìm ra được phép photosynthèse (1) của hóa công mà biến không khí, nước và thán khí thành thức ăn như thiên vậy. Nhưng chuyện đó còn xa vời quá, mà nạn đói thì lại gấp, chỉ trong hai chục năm nữa sẽ là một mối nguy lớn cho nhân loại.

NHỮNG TÀI NGUYÊN KHÁC CỦA TRÁI ĐẤT

Tôi chắc có nhiều vị độc giả theo triết lý «trời sinh voi trời sinh cỏ» và cứ vui vẻ hưởng thụ, tới đâu hay đó. Triết lý đó với triết lý «đời của cua ngoáy, đời cáy cáy đào» giúp chúng ta đỡ được những bệnh mất ngủ, đau tim, đau bao tử của người phương Tây. Nhưng làm voi chúng ta cũng nên biết trong khu rừng của chúng ta còn bao nhiêu cỏ, và làm cua chúng ta cũng nên biết tới đời cáy còn có chỗ nào để đào không. Vì nếu không nghĩ tới những chuyện đó mà tìm cách giải quyết thì thế giới sẽ lộn xộn lắm,

(1) Do tác động của ánh sáng, thán khí trong không khí bị phân tích mà sinh ra các chất hydrate de carbone trong lá cây...

ăn ngủ không yên dẫu, chứ đừng nói tới chuyện hưởng thụ.

Hiện nay hai phần ba nhân loại thiếu ăn; rồi đây khắp thế giới sẽ thiếu những tài nguyên căn bản. Vì không có một tài nguyên thiên nhiên nào là vô tận, có lẽ chỉ trừ không khí mà không khí do sự phát triển của khoa học, cơ giới lại đang bị nhiễm uế (coi một đoạn sau).

Chúng ta hiện chưa thiếu các nguồn năng lực, nhưng đã tới lúc phải hạn chế bớt, đừng nên phí phạm quá, đừng « ăn vào vồn » nữa. Chỉ chừng ít trăm năm nữa, các mỏ than, mỏ dầu lửa, mỏ hơi tự nhiên sẽ kiệt. Các mỏ dầu lửa sẽ kiệt trước hết, và chúng ta phải lấy dầu lửa ở một thứ điệp thạch (schiste bitumeux), cách đó sẽ khó khăn, tốn kém lắm.

Năng lực do các nguồn thủy điện (courant hydroélectrique) có thể còn dùng được lâu, nhưng như tôi đã nói, muốn có năng lực đó, phải xây đập, mà hồ nhân tạo ở phía trên đập trong vài trăm năm sẽ bị bùn cát lấp cạn.

Mặt trời là một nguồn năng lực vô tận

thật, nhưng lại bất tiện ở điểm phải dùng những kính lớn quá để tập trung tia sáng mặt trời : người ta đã tính muốn có một luồng điện đủ dùng cho một thị trấn một triệu rưỡi người (bằng nửa Sài Gòn — Chợ Lớn) phải có một cái kính lõm diện tích là ba mươi hai cây sô vuông.

Thủy triều cũng tạo được năng lực, nhưng không được bao nhiêu, chỉ để dùng tạm ở bờ biển thôi.

Người ta hy vọng có thể dùng năng lực hạch tâm, nhưng tạo ra năng lực ấy là việc rất tốn kém, và bắt buộc dĩ lắm mới phải dùng. Và lại còn phải xét những nhà máy tạo năng lực hạch tâm một khi phổ biến, sẽ làm cho đất đai, không khí nhiễm uế ra sao nữa.

Nguy nhất là nhân loại sắp có thể thiếu nước. Điều đó chắc làm cho nhiều độc giả ngạc nhiên. Nước là một tài nguyên đổi mới hoài, làm sao mà thiếu được ? Biển là cái hồ chính để chứa nước. Người ta tính mỗi ngày biển bốc hơi thành 875 cây sô khối (km³) nước. Khoảng 775 cây sô khối nước đó thành mưa lại trút xuống biển ;

còn khoảng 100 cây sô khôì do gió đưa vô đất liền. Nhưng các sông lớn, sông nhỏ chảy vô biển mỗi ngày 100 cây sô khôì, như vậy không khác gì hơi nước bốc ở biển lại trở về biển hết, còn đất chỉ được hưởng sô nước mưa do hơi nước bốc ở trên đất thôi, sô này vào khoảng 160 cây sô khôì mỗi ngày.

Nhưng nước ngọt tuy luân lưu trên đất và dưới đất, mà sô lượng lưu trữ không phải là bất tận. Mà con người dùng nhiều nước kinh khủng. Thức ăn nào của ta cũng do cây cối mà ra : sôu bọ ăn cây cối, cỏ; cá ăn lại sôu bọ ; rồi người ăn lại cá. Trâu bò ăn cỏ ; rồi người lại ăn thịt bò, uống sữa bò. Cho nên có người đã bảo : « Thịt nào cũng là cỏ cả », nghĩa là nguồn gốc do cây, cỏ cả.

Cây cỏ cần rất nhiều nước : một bông lúa mì hút từ đất rồi làm cho bốc hơi 200 lít nước trong thời gian nó sinh trưởng. Muốn sản xuất một ký lúa mì, phải mất khoảng 500 lít nước ; một ký gạo cần gấp 3, gấp 4 sô nước đó, từ 1.500 tới 2.000 lít nước ; một ký thịt cần từ 20.000 tới 50.000 lít nước. Kỹ nghệ còn cần nhiều nước hơn nữa : để chế

tạo một chiếc xe hơi, từ trước tới sau, trực tiếp hay gián tiếp, phải cần tới 400.000 lít nước. Năm 1900, mỗi người Mỹ dùng trung bình 2.000 lít nước mỗi ngày ; năm 1960, số đó tăng lên 6.000 lít, mà còn tăng lên nữa, sẽ tới 8.000 lít năm 1980.

Tiêu thụ nhiều nước như vậy, nên số nước lưu trữ đã giảm rồi. Georg Borgstrom tính rằng người Âu tiêu thụ nước tới 3 thì thiên nhiên chỉ hoàn lại cho họ được 1. Nghĩa là họ tiêu lạm vào vốn. Tình cảnh ấy sẽ xảy ra trong nhiều miền khác vì dân số tăng lên thì việc trồng trọt cũng tăng lên. Như Ấn Độ chẳng hạn, phải đào thêm giếng để có nước trồng lúa. Trong một năm, từ tháng 7 năm 1968 tới tháng 6 năm 1969, chính phủ Ấn đào thêm 2.000 cái giếng, tư nhân đào thêm 76.000 cái. Lại thêm nữa, trong thời gian đó, họ đặt thêm 246.000 máy bơm mới. Như vậy thì nguồn nước lưu trữ trong đất làm sao chẳng cạn lán. Rồi đây, nhân số cứ tăng theo mức ngày nay 30 — 35 năm lại gấp đôi, thì chẳng bao lâu nhân loại sẽ đói và khát nước. Bà mẹ của chúng ta —

đất — không đủ sức nuôi chúng ta nữa. Lúc đó mới làm sao ?

Chúng ta sẽ phải dặt díu nhau lên Cung Trăng, Hỏa Tinh, Kim Tinh... chẳng ? Cứ cho rằng những hành tinh đó ở được, hoặc khoa học sẽ làm cho ở được đi, thì cái việc di dân lên đó cũng không là dễ dàng. Bây giờ mỗi chiếc thuyền không gian chỉ chở được ba bốn người. Thí dụ sau này, nhờ tiên bộ, nó có thể chở được một trăm người; muốn chở hết số người dư trên trái đất — khoảng 70 triệu người mỗi năm—phải phóng 2.000 chiếc thuyền không gian mỗi ngày, năm này qua năm khác.

Ngay cái việc di dân từ nước này qua nước khác trên trái đất cũng tồn kém kinh khủng rồi, huống hồ là di dân lên các hành tinh. Chúng ta đừng nên mơ ước chuyện đó nữa. Không có cách nào giải quyết được hết các nỗi khó khăn, nguy nan do luật tăng dân số gây nên đâu. Chỉ còn có cách này: phải làm sao cho nhân số tới một lúc nào đó dừng lại, đừng gia tăng nữa.

Đó là cái hại thứ nhất do khoa học, mà chúng ta phải đối phó trước hết.

SỰ NHIỆM UẾ CỦA HOÀN GIỚI

Cái hại thứ nhì là sự nhiễm uế của hoàn giới. Danh từ Pháp *environnement*, Anh *environment* là một danh từ mới để trở cảnh giới thiên nhiên trong đó chúng ta sống: đất đai, sông ngòi, không khí, cả những sinh vật trong đó nữa. Hình như danh từ ấy chỉ để dùng trong môn *écologie*. *Écologie* là một khoa học rất mới, nghiên cứu cơ thể sinh vật liên quan với cảnh giới chung quanh, với hoàn giới, chẳng hạn sự nhiễm uế của không khí, đất cát... tai hại tới cơ thể ra sao.

Chúng ta đã dùng tiếng ngoại giới để dịch tiếng *monde extérieur*, tiếng hoàn cảnh để dịch tiếng *entourage*, *ambiance*, cho nên tôi đề nghị dùng tiếng hoàn giới để dịch tiếng *environnement*. Giới hay cảnh thì nghĩa cũng như nhau. Việc tạo tiếng mới nhiều khi chỉ là một qui ước, chứ cấu cho hoàn toàn xác đáng, hữu lý thì không được. Cứ mỗi người dịch một cách đi, ít lâu sau, cách nào được dân chúng chấp nhận sẽ đứng vững, còn những cách khác sẽ bị loại bỏ.

Còn tiếng *écologie* tôi đề nghị dịch là

sinh giới học (1) tức lấy chữ «sinh» trong «cơ thể sinh vật» ghép với chữ «giới» trong «hoàn giới».

KHÔNG KHÍ NHIỄM UẾ

Chỉ từ sau thế chiến vừa rồi, chúng ta mới chú trọng đến phép thở, các cách vệ sinh, nhất là các sách Yoga đều dạy ta cách thâm hô hấp, cho nó là điều kiện căn bản của sức khoẻ, của sự tu dưỡng nữa. Nhưng khi biết cách thở thì chúng ta không còn không khí trong sạch để hít nữa, da thịt chúng ta không còn được một làn không khí mát dịu mơn trớn nữa.

Nạn nhiễm uế đáng ngại nhất của nhân loại hiện nay là nạn không khí nhiễm uế. Do sự phát triển của kỹ nghệ, dân số trong các thị trấn càng ngày càng tăng; hiện nay 70 phần trăm người Mỹ sống trong các thị trấn; mà tại các nước kém phát triển, từ 1950 đến 1960 dân số thị trấn tăng lên 55 phần trăm. Ở Ấn Độ, chỉ trong nửa đầu thế kỷ

(1) Écologie do ngữ căn *éco* là chỗ ở, *logie* là khoa học, vậy cũng có thể dịch là *sinh thể học* (thê là ở, đậu lại)

XX, dân số trong các thị trấn đã tăng lên gấp đôi rồi, năm 1960, chiếm 20 phần trăm tổng số người Ấn. Sự tăng gia ấy mỗi năm một mạnh. Ở Nam Việt chúng ta, có lẽ một nửa dân số sống ở thành thị; Cam Pu Chia có bảy triệu dân thì hai triệu sống ở Nam Vang. Đó là hậu quả của chiến tranh.

Hòa bình trở lại, một số người tản cư ra thành trở về đồng ruộng, còn một số quen sống ở thành mười, mười lăm năm rồi, sẽ ở lại luôn.

Có thể nói hiện nay có tới non nửa nhân số trên địa cầu sống ở thành thị. Mà không có thành thị nào không bị không khí nhiễm uế. Sài Gòn may mắn gần như quanh năm không có sương mù, nên ít thấy cái hại của sự nhiễm uế ấy. Trái lại, tại những đô thị nhiều sương mù như Londres, khói (smoke) các nhà máy, các xe hơi... phun ra bị lớp sương mù (fog) chặn không cho thoát lên cao, và hai cái đó trộn với nhau thành một lớp đặc người Anh gọi là smog (do sự rút ngắn của hai tiếng smoke và fog) khiến cho đi ban ngày ngoài đường, cách một hai

thước không thấy gì cả, và những người nào hơi yếu là ho xù xụ hết.

Người Anh còn nhớ đại họa do *smog* gây ở Londres năm 1952. Chỉ trong hai hôm từ 5 tới 7 tháng chạp, *smog* làm cho tại nhiều khu trong thành phố, đứng cách nhau một thước mà không trông thấy nhau. Có nhiều người đi trên bờ sông Tamise vì vậy mà té xuống sông. Lần đó có tới khoảng 4.000 người chết vì *smog*.

Không khí nhiễm uế làm cho ánh sáng mặt trời giảm tới 40 phần trăm ở Chicago, làm cho các đồ ni lông mau hư, đồ sắt mau sét, lớp sơn mau nứt, mùa màng bị hủy hoại nhiều và con người chết sớm. Mà hiện nay không phải chỉ không khí các thành thị là nhiễm uế mà thôi ; các nhà khí tượng học cho rằng không khí trên khắp địa cầu nhiễm uế ít nhiều rồi, đã có một lớp u ám bao phủ trái đất vì không khí bị nhiễm uế. Và năm 1968, một hội nghị của UNESCO sau khi nghiên cứu đã kết luận rằng chỉ hai chục năm nữa mà thôi là địa cầu bắt đầu không thể ở được nữa vì sự nhiễm uế của không khí.

Gây ra sự nhiễm uế ấy là xe hơi và nhà máy. Tại Mỹ người ta đã tính, 90 triệu xe chạy bằng máy trút vào không khí mỗi năm 66 triệu tấn oxyde de carbone, 12 triệu tấn hydrocarbures, 6 triệu tấn oxyde d'azote, vân vân...

Các nhà máy làm không khí nhiễm uế nhiều nhất là nhà máy giấy, nhà máy dạ kim, nhà máy lọc dầu lửa, nhà máy hóa học. Ở Mỹ, mỗi năm những nhà máy ấy tuôn ra 2 triệu tấn oxyde de carbone, 9 triệu tấn oxyde de soufre, 3 triệu tấn oxyde d'azote vân vân. Dầu mazout là nạn thứ ba. Sau cùng còn cái nạn đọt rác nữa. Tổng cộng có trên 140 triệu tấn chất ô uế tuôn vào không khí, và mỗi người Mỹ, bất kỳ trai gái, già trẻ, mỗi năm phải hít gần 750 ký chất ô uế, *trung bình mỗi ngày hai ký.*

Tác động của các chất ô uế ấy là làm cho con người thiếu máu, ngột thở, tim hồi hộp. Chất oxyde de carbone làm cho huyết sắc tố (hémoglobine) không giữ (fixer) được dưỡng khí (óc-xy). Người nào sống luôn tám giờ trong một không khí chứa 8 phần triệu oxyde de carbone thì hại cũng như

mắt nửa lít máu. Ở trong các thành thị lớn, khi bị kẹt xe lâu, có người đầu óc choáng váng, mắt mờ, buồn nôn, hoặc đau bụng là vì phải hít nhiều oxyde de carbone quá.

Chất oxyde de soufre gây ra chứng ho, ngứa cổ họng, nghẹt thở.

Tôi không muốn kể thêm những hậu quả tai hại tới sức khỏe của các chất khác như anhydride sulfureux, oxyde d'azote, hydrocarbures..., có thứ làm cho bệnh suyễn tái phát, có thứ làm cho bệnh cancer dễ phát. Tôi nghe nói ở Đài Bắc, nhiều người hề ra đường là đeo một cái băng che mũi miệng, y như các nhân viên y tế trong phòng giải phẫu. Và một ông bạn tôi đã muốn chế tạo thứ băng đó để bán cho dân Sài Gòn, vì không khí Sài Gòn còn bị nhiễm uế hơn không khí Đài Bắc nhiều: dân đông hơn, xe hơi, xe honda nhiều hơn mà các đồng rác cũng nhiều hơn.

Một lần nữa ta lại thấy Khoa Học tạo được cái lợi này thì đồng thời gây cái hại khác, trị được những bệnh cũ thì lại phát sinh ra những bệnh mới. Nó lôi kéo ta, bắt

ta phải đối phó với nó hoài, không khi nào được nghỉ.

NƯỚC NHIỄM UẾ

Nhà tôi ở gần cầu Trương Minh Giảng. Mỗi lần phải qua cầu, nhất là trong mùa nắng, nhìn con rạch ở dưới cầu tôi tởm quá. Nước đen và hôi như nước trong các điều bát thuốc Lào. Làm sao các người ở trong các nhà sàn cất lên ra lòng rạch chịu cho nổi được? Mà trường Đại Học Vạn Hạnh tại sao lại lựa vị trí trên bờ rạch ấy, đòi diện một khu chứa rác ở ngay cuối cầu?

Tôi nghe nói ngay con sông Seine ở Paris cũng có nhiều chỗ rất dơ, không thể dạo mát ở trên bờ được nữa. Cách đây khoảng mười năm một bài trên tạp chí Selection du Reader's Digest kể rằng một cái bể nọ (tôi quên tên) bị khách du lịch tới xả rác, trút đồ dơ, khiến cá phải chết, và dân trong miền không còn nước sạch để uống nữa. Thậm chí nước biển ở những chỗ có nhiều nhà máy hoặc có bãi tắm tốt cũng nhiễm uế. Người Nhật nhận thấy rằng

những bao ni-lông khách du lịch liệng xuống biển, chìm xuống như lớp rong biển, làm cho rong chết lụi dần. Theo báo Đại Dân Tộc ngày 7-7-73 thì họ dường bị cái nạn nước nhiễm chất độc thủy ngân PCB (Polychlorinated Biphenyl) của các xưởng chế tạo hóa phẩm, và vì vậy chính phủ đã phải khuyên dân chúng ăn ít cá tôm đi. Hậu quả là 11.000 tiệm bán cá đã phải đóng cửa và 8.000 ngư phủ biểu tình. Còn chất độc trong không khí còn nguy hơn nữa, đã làm cho rất nhiều người Nhật ho, đau mắt, đau phổi.

Nước là nguồn sống của loài người, mà trong một số thành thị, nước không đủ để uống. Người ta phải hứng nước đã dùng rồi lọc lại, tẩy uế để dùng nữa, và tác giả cuốn *Population, Ressources, Environnement* bảo có nơi người ta lọc đi lọc lại 7, 8 lần thành thử người cuối cùng phải uống thứ nước đã dùng cho 7, 8 người trước ! Có ai tưởng tượng được điều đó không ?

Dùng nhiều lần như vậy thì dù được lọc kỹ, dù được khử uế bằng chất chlore, nước cũng không thể sạch được, uống vào dễ mắc bệnh sưng gan (hépatite) do vi trùng gây ra.

Nhà bác học Mỹ Joshua Lederberg, được giải thưởng Nobel 1958 về sinh lý học và y học đã báo tính cách khử trùng của chất chlore đáng cho chúng ta nghi ngờ. Nhưng bây giờ người ta vẫn chưa tìm được chất nào khác để thay nó.

Nguyên nhân chính của sự nhiễm uế cũng là do dân số các thị trấn tăng lên quá, nhà máy mọc lên nhiều quá. Nhà máy trút ra sông rạch đủ các chất độc như acide sulfurique, phénol, benzène, ammoniac, vân vân... Các phân hóa học có chất nitrate, các thuốc giết trùng, giết cỏ làm cho đất nhiễm uế, rồi khi mưa xuống, những chất ô uế ấy lại chảy xuống sông, rạch, hồ (1). Nguy hơn nữa là chúng còn thâm xuống đất, làm dơ những mạch nước trong lòng đất, mà có cách gì tẩy uế được những mạch nước này đâu.

Phải kể thêm những nước dơ trong nhà chảy ra các ống cống, rồi từ ống cống chảy ra sông, rạch. Ở nhà quê, dân thừa

(1) Báo ở Sài Gòn 8-5-73 đăng tin, Đa Lạt có 150 người chết và mấy ngàn người đau vì uống phải nước nhiễm uế. Tin ấy còn đáng ngờ nhưng hiện tượng nhiễm uế có thật.

thớt, nước dơ đổ xuống sông thì ánh nắng mặt trời chỉ trong ít lâu là tắt uề được hết. Ở thành thị, dân đông quá, cách tắt uề tự nhiên đó không đủ, nên người ta phải thanh lọc nước sông rồi mới dùng được; nhưng còn cá ở dưới sông cũng bị nhiễm uề, mà dân thành thị lại rất thích ra bờ sông câu cá.

NẠN RÁC

Một vấn đề cực kỳ nghiêm trọng là đồ rác thành đồng ở ngoài trời, tại chung quanh, có khi tại giữa đô thị nữa để lấp những chỗ trũng. Chúng ta đều đã được mục kích các đồng rác Mỹ ở những nơi có người Mỹ đóng, nghĩa là tại ngoại ô tất cả các thành phố lớn nhỏ ở miền Nam này. Thật là ghê tởm, thứ cặn bã của văn minh đó. Tội nghiệp những kẻ phải moi những đồng rác hôi thúi ấy để kiếm ăn. Tội nghiệp hơn nữa là những gia đình sống trong những chòi bằng ván thông, thiếc ở ngay bên cạnh những đồng rác ấy. Quanh năm họ phải hít hơi độc đồng rác tiết ra, phải chịu cái nạn ruồi, nhặng, chuột sinh sôi nẩy nở trong

đồng rác rưởi xâm chiếm nhà họ. Đi qua những nơi ấy tôi thường nghe những điệu hát từ trong máy thu thanh phát ra. Tiếng hát đã chẳng làm cho tôi vui mà chỉ làm cho tôi buồn vô hạn. Cái lợi và cái hại của khoa học hòa với nhau một cách mật thiết: giọng du dương của Thái Thanh, Khánh Ly với giọng vo ve của những đàn ruồi nhiều tới nỗi chỉ quờ tay cũng bắt được vài ba con. Và tôi mong hòa bình trở lại, người ta được về đồng ruộng sông cuộc đời của ông cha chúng ta, không có đèn điện, không có đồ hộp, không có máy thu thanh, nhưng được ăn những mớ rau tươi, những con cá tươi, được hít không khí trên bờ sông thoang thoảng hương cau hương xoài và được nghe tiếng gà gáy, tiếng chim ríu rít trên cành. Mấy năm nay, nửa tháng tôi không ra khỏi nhà một lần, chính vì sợ những đồng rác đó.

Ở Mỹ người ta tính mỗi năm phải liệng đi 55 tỉ hộp thức ăn, 26 tỉ ve, hộp lớn nhỏ bằng thủy tinh, thiếc, bảy triệu xe hơi, và sô rác đủ thứ chỉ riêng trong các thành thị thôi cũng đã lên tới 150 triệu tấn. Chẳng bao lâu nữa, mỗi một người Mỹ, lớn bé,

già trẻ, sẽ trút một tấn rác mỗi năm. Mà trút đi đâu? Trút vào 12.000 chỗ đổ rác mà các cơ quan xã hội của họ bảo có tới 94 phần trăm hại cho vệ sinh công cộng. Chỉ có cách đốt rác là hơn cả, nhưng cũng có hại là làm cho không khí bị nhiễm uê.

Người ta đã nghĩ cách đánh thuê mỗi hộp la ve hoặc ve nước ngọt một quan để khuyến khích người mua dùng xong đem trả hộp hay ve cho tiệm, chứ đừng liệng đi. Còn xe hơi thì rồi đây người ta sẽ buộc phải chề tạo cho ít nhiễm uê không khí, mà có thể tháo ra thành từng bộ phận sửa chữa, sơn phết, đánh bóng lại được để dùng lại mà đừng cho vào «nghĩa địa xe hơi». Nhưng việc sửa chữa đó ở Mỹ lại tốn kém hơn mua đồ mới, nên có người đã đoán rồi đây Mỹ phải «nhập cảng» hạng thợ này từ Nam Mỹ cho rẽ một chút.

CÁC CHẤT TRỪ SÂU BỌ

Từ sau thế chiến, người ta dùng rất nhiều chất trừ sâu bọ, Cái lợi trông thấy

liền, chẳng hạn dùng bột DDT muỗi, ruồi, rệp... giảm đi, và con người bớt được một số bệnh. Nhưng cái hại cũng rất lớn mà gần đây người ta mới nhận ra.

Tôi lấy thí dụ chất DDT, chất người ta dùng nhiều nhất và từ lâu nhất, được nghiên cứu kỹ nhất. Ngày nay người ta thấy chất đó trong mỡ của con người (trên 12 phần triệu), cả trong sữa đàn bà nữa (trên 5 phần triệu). Nều sữa bò mà cũng có 5 phần triệu DDT thì người ta đã cảm bán khắp nước Mỹ rồi. Mà sữa đàn bà còn chứa nhiều chất hydrocarbure polychloré khác nữa. Như vậy chúng ta đã bị nhiễm độc tới mức đáng ngại rồi.

Tại vài nơi ở Mỹ, loài cá cũng bị nhiễm độc như vậy.

Người Ấn ở Delhi bị nhiễm độc nặng nhất : 26 phần triệu, có lẽ vì nơi đó người ta thường dùng DDT để trừ sâu bọ có thể làm hại các kho trữ thức ăn.

Ở Thụy Điển, trẻ bú mẹ bị nhiễm DDT quá cái mức cơ thể chúng có thể chịu được. Ở Anh, Mỹ, Úc cũng vậy. Hiện nay người ta vẫn chưa biết hậu quả sẽ tai hại

cho chúng ra sao.

Người ta chỉ mới biết rằng nùng độ (degré de concentration) của DDT (và của các chất độc trừ sâu bọ khác) cứ mỗi tầng lại tăng lên. Tôi xin giải thích. Thí dụ chúng ta đổ một lít thuốc độc vào một triệu lít nước rồi khuấy cho thật đều, thì nùng độ chất độc trong nước đó là một phần triệu. Tại một hồ nọ, nước không biết bị nhiễm độc từ hồi nào, nhưng rong trong hồ có một nùng độ DDT là 0,08 (nghĩa là 8 phần trăm của một phần triệu, hoặc 8 phần trăm triệu); một loại ốc ăn thứ rong đó, bị nhiễm độc không phải ít hơn mà nhiều hơn: 0,26; một loại cá lại ăn thứ ốc nhỏ đó, lại bị nhiễm độc nặng hơn; rồi con vịt ăn con cá này, bị nhiễm độc nặng hơn nữa, nùng độ tới 3,57, trên 40 lần nùng độ của rong. Và chúng ta ăn con vịt đó, sẽ bị nhiễm độc nặng gấp mấy nữa; cứ càng tiến lên thì nùng độ càng tăng.

Một thí dụ điển hình là hồ Clear ở Californie. Từ lâu người ta thường lại đó câu cá, và gần đây nó là nơi nghỉ mát, du lịch. Có một hồi, một loại ruồi nhỏ sinh sản rất mau ở ven hồ. Năm 1949 người ta xịt thuốc

DDD (một biến phẩm của DDT, ít độc hơn), độ độc là 0,02 phần triệu diệt được gần hết ruồi. Năm 1954 người ta xịt lần thứ nhì, rồi năm 1957 xịt lần thứ ba. Lần này người ta nhận thấy loài ruồi ấy và khoảng 150 sâu bọ khác có sức đề kháng thuốc DDD rồi. Chúng ta nên nhớ thêm rằng hai tuần sau khi xịt thuốc, nước hồ không còn một dấu vết thuốc nào cả.

Sau những lần xịt 1954 và 1957, rất nhiều con grèbe (vịt nhỏ) chết vì chắt độc, càng về sau càng nhiều. Con nào sống sót thì không đẻ được. Từ 1950 đến 1961, không có một con grèbe con nào nở cả; tới năm 1962 mới có được mỗi một con grèbe con. Người ta tìm nguyên do, và thấy chỉ tại chắt DDD. Nước bị nhiễm độc có 0.02 phần triệu, nhưng các plancton (sinh vật nhỏ li ti ở dưới nước) bị nhiễm độc 250 lần nhiều hơn; loài ếch nhái bị nhiễm độc 2.000 lần nhiều hơn, một loại cá gọi là poisson lune bị nhiễm 12.000 lần nhiều hơn, còn loại vịt grèbe ăn cá poisson lune bị nhiễm tới 80.000 lần nhiều hơn, tức: $0,02 \text{ phần triệu} \times 80.000 = 1600 \text{ phần triệu DDD}$.

Cái hại của các thuốc trừ sâu bọ cứ mỗi tầng một tầng như vậy, còn cái lợi thì cứ mỗi năm mỗi giảm: trong chuyện kể trên các sâu bọ trong 8 năm—từ 1949 đến 1957—đã có sức đề kháng thuốc rồi, thuốc hóa vô hiệu. Tác giả *Population, Ressources, Environnement* còn bảo rằng ở Mỹ, mặc dầu dùng rất nhiều thuốc trừ sâu trong ngành trồng trọt, mà suất bách phân thiệt hại mùa màng hai chục năm gần đây không giảm. Vì sâu bọ quen với thuốc, có sức đề kháng rồi. Người ta đã phải nhận rằng «hầu hết các kế hoạch dùng thuốc trừ sâu bọ đã thất bại.» Đó là một sự lầm lẫn bi đát nhất của nhân loại, vừa tổn tiền, vừa hại cho sức khỏe con người.

Người ta dùng bừa bãi thuốc DDT tới nỗi khắp thế giới đâu đâu cũng thấy dấu vết của nó, hầu hết các sinh vật đều bị nhiễm độc của nó. Người ta thấy nó trong mỡ của người Mỹ, người Ấn Độ, người Do Thái, người Esquimau, trong mỡ các con xí nga (pingouin), các con hải báo (phoque) ở Bắc Hải, có lẽ cả trong mỡ bụng của bạn và của tôi nữa, sao khỏi được. Nhiều loại

chim ăn thịt đẻ trứng mà ấp không được vì vỏ trứng mềm quá hoặc mỏng quá. Tai hại thay chim không sinh sản được, mà loài ruồi, thì sinh sản mạnh hơn trước; người ta nhận thấy chung quanh các xường chề tạo thuộc DDT ruồi nhiều hơn đâu nữa, lúc nhúc!

Một đồn điền trồng bông ở trên bờ biển Pérou dùng rất nhiều thuốc trừ sâu (DDT và hai thứ khác nữa), mấy năm đầu, năng xuất tăng lên gấp rưỡi, nhưng sáu bảy năm sau, có *nhiều loại sâu xuất hiện*, hoàn toàn mới lạ, không ai biết, và năng suất sụt xuống chỉ bằng ba phần tư hồi không dùng thuốc trừ sâu. Như vậy thì còn ai dám dùng loại thuốc đó nữa. Thanh niên Pháp hiện nay kiếm mua những trái cây, rau không bón bằng chất hóa học, không xịt bằng thuốc trừ sâu. Một số nông dân miền Hậu Giang cũng đã ngán trồng lúa Thần Nông vì loại đó cần nhiều thuốc trừ sâu quá, mà càng trừ thì sâu lại càng nhiều. Riêng nhà tôi, mấy năm nay không dùng thuốc xịt muỗi nữa: thà để cho muỗi hút máu còn hơn là mang chất DDT trong da thịt.

MỘT CÁI HẠI KHÔNG AI ĐOÁN TRƯỚC ĐƯỢC RA SAO : HỆ THỐNG SINH GIỚI (ÉCOSYSTÈME) MẤT QUÂN BÌNH

Tôi xin lấy một thí dụ đơn giản nhất. Cây cỏ trong một đầm lầy, loài dê và loài chim sáo cánh đỏ. Chim sáo ăn dê, dê lại ăn cây cỏ. Ba loài đó hợp thành một hệ thống sinh giới nhỏ nhất. Nếu ta bắn chết nhiều chim sáo thì loài dê sẽ bớt bị giết mà sinh sản nhiều hơn, ăn cây cỏ nhiều hơn và cây cỏ trong đầm riết rồi sẽ trụi, dê không còn gì ăn, cũng sẽ chết. Như vậy là phá thê quân bình của sinh giới ấy. Tóm lại, bất kỳ một sự thay đổi nào trong một mắt dây chuyền đó cũng có hậu quả tai hại tới toàn thể hệ thống.

Trong thiên nhiên, sự thực phức tạp hơn nhiều. Hễ ta diệt một loài A thì những loài B, C làm mồi cho loài A sẽ sinh sôi nảy nở, mà những loài D, E làm mồi cho B, C sẽ bị diệt ; nhưng rồi B, C sinh sôi nảy nở thì một loài khác M chẳng hạn sống nhờ ăn thịt B, C sẽ có nhiều thức ăn, mà phát triển mạnh lên, trở lại làm hại cho B, C và cho

một loài nào khác nữa, vân vân... Và các nhà bác học (1) nhận xét rằng, hệ thống càng phức tạp thì càng dễ giữ được thế quân bình.

Bây giờ chúng ta trở về vân đề các thuộc trừ sâu bọ và xét tác động của chúng tới thổ địa. Đất không phải chỉ là một đám đá vụn, mà còn là những hệ thống sinh giới phức tạp vô cùng. Trong một miền rừng ở Bắc Caroline, người ta tính có đến 300 triệu động vật nhỏ không có xương, sống trên một héc-ta ; tức khoảng 30.000 con trên một thước vuông. Những sinh vật li ti (microflore) còn nhiều hơn nữa : trong một gram đất ruộng có tới hai triệu rười vi khuẩn (bactérie) cùng một loại, 400.000 nấm, 50.000 rong (algue) và 30.000 nguyên sinh động vật (protozoaire).

Những thực vật, động vật và vi khuẩn ấy đều cần thiết cho sự mầu mỡ của đất. Chúng tác động lẫn nhau và tạo một sự quân bình. Nay ta dùng một thứ thuộc trừ sâu bọ, thuộc có thể ngấm vào trong đất, tổn

(1) Như Robert Mac Arthur.

tại đền mười năm sau, giết một số sinh vật nào đó mà làm mất sự quân bình của hệ thống đi đất sẽ hết mẫu mỡ. Tôi lấy một thí dụ dễ hiểu : ai cũng biết rằng đất nào có giun (trùn) là đất tốt. Nếu thuốc trừ sâu bọ cũng làm cho giun chết nửa thì đất sẽ hóa xấu.

Đồn cây trong rừng cũng có thể phá tan một hệ thống sinh giới. Một số động vật ăn lá cây, trái cây, núp dưới bóng cây, vì đồn rừng mà sẽ chết và những loài ăn thịt chúng cũng sẽ chết. Biết bao sa mạc không do thiên nhiên, mà do loài người gây ra. Như sa mạc Sahara lớn nhất thế giới một phần là « sản phẩm » của người Phi Châu : cho gia súc vô phá phách quá, đồn rừng, mà không biết đưa nước vô ; hiện nay sa mạc vẫn cứ tiến về phía Nam, mỗi năm thêm mấy cây sô trên một chiều dài mênh mông, mà người ta không tìm cách ngăn chặn lại.

Cây rừng bị đồn thì nước mưa đổ xuống xoi mòn đất mạnh, lớp mỏng mẫu mỡ trên mặt đất, phải mấy chục ngàn năm mới thành, nay chỉ một mùa mưa là trôi đi hết, loài vật và loài người sẽ đói.

Các thuốc trừ cỏ và làm rụng lá cây còn tai hại hơn là lưỡi búa đồn rừng rất nhiều, tai hại vô kể.

(K.D bỏ 382 chữ)

NGUY HẠI PHÓNG XẠ CỦA CÁC KHÍ GIỚI HẠCH TÂM

Trong bài *Năm 2.000* tôi đã kể qua những nguy hại nảy rồi (những nơi bị bom nguyên tử sẽ bị nhiễm độc mà thành đất hoang trong khoảng mười ngàn năm; Nga và Mỹ mỗi nước sẽ mất từ 2 tới 150 triệu người), nên ở đây tôi chỉ ghi thêm rằng dù không có chiến tranh nguyên tử thì nội việc đua nhau chế tạo khí giới hạch tâm cũng đáng ngại lắm. Ủy ban nguyên tử lực ở Mỹ đã tìm cách đem các chất cặn bã phóng xạ do sự chế tạo các khí giới ấy, chôn trong các mỏ muối đã khai thác hết. Giải pháp ấy tốt. Nhưng cứ theo mức độ chế tạo hiện nay thì và năm 2000 sẽ có trên 3000 chiếc cam nhông sáu tấn suốt ngày, suốt năm chở các cặn bã đó tới nơi chôn vùi. Chỉ một chiếc bị tai nạn thôi là đủ cho dân chúng cả một nước

hoảng hốt. Lại thêm hiện nay chưa có cách nào ngăn các nhà máy hạch tâm làm cho không khí chung quanh không nhiễm những chất *isotope* mà nung độ mới đầu rất thấp cứ càng ngày càng tăng lên, có thể đã nguy hại cho nhiều miền rồi...

TIẾNG ĐỘNG

Mãi gần đây người ta mới nhận định được một thứ «nhiễm độc» mới của không khí, tức tiếng động. Vấn đề được đưa lên hàng đầu khi người ta thấy một số thanh niên sau khi nghe lâu một thứ nhạc *rock* phát thật lớn tiếng, hóa ra điếc, không phải điếc trong một lát, mà điếc hoài. Rồi người ta lại lo ngại về tiếng nổ nhưc óc của các phi cơ siêu thanh.

Người ta đo tiếng động theo một đơn vị gọi là *décibel*. Chẳng hạn tiếng gió ào ào trong lá cây là 20 *décibel*, tiếng nói chuyện hơi ồn ào là 60 *décibel*, tiếng xe hơi chạy là 70 *décibel*, tiếng máy bay phản lực cất cách, hoặc tiếng liên thính nổ gần là 120 *bécibel*.

Những tiếng động 50 — 55 *décibel* có thể làm cho ta khó ngủ, và sáng tỉnh dậy

thầy mệt mỏi. Tiếng động 90 decibel làm hại bộ thần kinh, có thể gây ra bệnh loét bao tử, huyết áp cao.

Ở Mỹ nhiều người đã phàn nàn về tiếng máy bay. Một trong những người tiên phong về hàng không, ông Wolfgang Langewiesche năm 1969 viết bài *Làm ơn im lặng cho!* đăng trong tạp chí *Air Facts* của các phi công, trong đó có câu này: « Tôi cho tiếng máy bay là thứ tiếng nên thơ nhất thế giới..., tiếng của một cuộc mạo hiểm lớn lao nhất của loài người. Mặc dầu vậy, cũng phải bắt nó ngưng lại đi ».

Sài Gòn là thành thị nhiều xe gắn máy, nhiều xe Honda nhất thế giới, cho nên cũng là thành thị ồn nhất thế giới. Có ai làm thông kê xem đã có bao nhiêu người ở Sài Gòn đau bao tử, huyết áp cao vì tiếng động? Và nhà cầm quyền có ai nghĩ làm bớt tiếng động cho dân không?

III BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ

Tóm lại Khoa Học tặng loài người rất nhiều lợi ích, nhưng mỗi lợi ích luôn luôn

kèm theo một bất lợi — nếu không muốn nó là một tai họa — mà đa số những bất lợi ấy không xuất hiện liền, có khi vài chục năm sau, cả trăm năm sau loài người mới nhận định ra được, lúc đó mới tìm cách đối phó; muốn đối phó lại phải dùng tới khoa học, nghĩa là tìm một phát minh khoa học để trị một hậu quả bất lợi của khoa học (chẳng hạn tìm cách ngừa thai để giảm bớt nhân số); rồi mỗi phát minh mới có lợi về phương diện này lại có hại về phương diện khác, lại phải tìm cách đối phó nữa... cứ như vậy cho tới vô cùng. Nói cách khác, khoa học lôi kéo ta hoài, không cho ta nghỉ, nhờ vậy mà chúng ta rất mau tiến bộ về khoa học, nhưng cũng vì vậy mà nhân loại không còn làm chủ mình nữa, càng ngày càng bận rộn; càng ngày càng thấy tuy thừa thãi đủ thứ mà vẫn không sướng vì xã hội không ổn định, thay đổi hoài, tốc độ thay đổi một ngày một mau, và cá nhân lúc nào cũng lo lắng, phải tìm cách thích ứng với hoàn cảnh mới, nếu không thì bị đào thải.

Theo tác giả *Population, Ressources, Environnement* thì hai nguy cơ lớn nhất hiện

nay của nhân loại — do khoa học gây nên — mà chúng ta phải đối phó gấp trong hai chục năm sắp tới là:

— nạn nhân mãn

— nạn hoàn giới nhiễm uê.

CHẶN ĐỪNG NẠN NHÂN MÃN

Nhân số trên địa cầu hiện nay trên ba tỉ rưỡi người rồi, khoảng hai chục năm nữa sẽ lên tới gần 6 tỉ. Tài nguyên thê giới không đủ cung cấp cho bấy nhiêu miệng ăn. Hai phần ba thê giới đương thiếu ăn, rồi đây sẽ đói dài dài.

Muôn tránh nạn nhân mãn thì phải định một nhân số sao cho có nhiều lợi nhất mà ít hại nhất (population optimale). Muôn vậy phải biết tài nguyên của mình ra sao, mình muốn gì và mình sống trong hoàn cảnh xã hội ra sao.

Tôi lấy thí dụ một cặp vợ chồng mới cưới. Lợi tức của họ mỗi tháng là 60.000 ngàn đồng và họ muốn sống ở Sài Gòn, hoặc phải sống ở Sài Gòn. Họ không có cha mẹ phải nuôi, anh em phải giúp đỡ. Họ muốn định

nhân số lợi nhất cho gia đình họ, nói nôm na là họ muốn có mấy đứa con. Không có đứa nào thì họ sống phong lưu lắm, nhưng đời sẽ buồn. Có một đứa lỡ nó chết yếu thì cảnh cũng sẽ cô độc. Có ba đứa thì nuôi nổi đây (vì lúc đó có thêm chút ít phụ cấp con nũ) nhưng sống không được ung dung mà khó cho chúng học những trường tốt nhất được. Và suy đi tính đi, họ cho có hai đứa con là vừa. Vậy nhân số lợi nhất trong gia đình họ theo quan niệm của họ là bốn người (hai vợ chồng, hai đứa con).

Nguyên tắc giản dị như vậy, mà đem áp dụng cho một nước thì rất rắc rối: phải tính tài nguyên của quốc gia, sự khai thác tài nguyên, sự phát triển các kỹ nghệ (thí dụ miền Nam chúng ta nếu chỉ có 500.000 người thì không thể khai phá hết đất đai, không thể phát triển kỹ nghệ được, nước sẽ nghèo, mà nếu có một trăm triệu người thì tài sẽ đói); phải định mức sống tối thiểu hay trung bình cho dân, mà làm sao cho đại đa số dân chấp nhận mức sống đó (hạn chế xe hơi, xe gắn máy là điều dễ, nhưng chỉ cho phép mỗi người dân được mua bao

nhieu thươc vãi, ăn bao nhiêu thịt, đi coi hát bóng bao nhiêu lần trong một tháng vân vân... thì phải một chính phủ rất độc tài mới làm nổi); khó khăn nhất là một quốc gia không thể sống cô độc giữa thế giới mà phải chịu rất nhiều ảnh hưởng, hạn chế, của các quốc gia khác, không thể nào đi ngược trào lưu của thế giới được. Ấy là chưa kể khuynh hướng chính trị: chúng ta hiếu hòa hay hiếu chiến, nếu hiếu chiến thì cần có nhiều dân, nhiều cây thịt đỡ đạn.

Tiền lên cương vị quốc tế, thì định một số người lợi nhất cho toàn thể thế giới là một chuyện lý thuyết để bàn chơi chứ không thiết thực.

Một nhà bác học Mỹ, ông H.R. Hulett ở Đại Học Stanford đã tính thử như vậy: thí dụ mức sống của người Mỹ bậc trung hiện nay là mức sống vừa phải, bình thường mà loài người cần đạt được, thì với những tài nguyên và hệ thống canh nông, kỹ nghệ của thế giới bây giờ, số người trên địa cầu không nên vượt quá một tỉ. Mà hiện nay nhân số đã trên ba tỉ rưỡi, phải giết hết các người già và trẻ con sơ sinh đi chăng? Cho nên

ông bà Ehrlich bảo chỉ còn cách kiểm soát gấp sự sinh dục (birth control) cho nhân số đừng tăng lên nữa.

Chúng ta nên phân biệt hai từ ngữ mới này :

— Kê hoạch hóa gia đình (planning familial) dùng cách ngừa thai (contraception) hay phá thai để hạn chế số con tùy theo ý muốn của cha mẹ ; đây là vấn đề tư nhân mặc dầu cũng ảnh hưởng lớn tới nhân số trong nước, trên thế giới, nếu được phổ biến.

— Kiểm soát sinh dục (cũng có tác giả gọi là điều hòa — regulation — sinh sản) có tầm rộng lớn hơn và có tính cách bó buộc : quốc gia đặt ra những luật bắt dân phải hạn chế sinh dục để cho nhân số ở dưới một mức nào đó ; sau này có thể có một cơ quan quốc tế đủ uy quyền bắt quốc gia nào cũng phải theo một « chính sách sinh sản » chung để thế giới khỏi bị nạn nhân mãn, vì nếu một nước, chẳng hạn Pháp, hạn chế sinh dục, trong khi các dân tộc chung quanh như Đức, Ý, Y Pha Nho vẫn sinh sản mạnh, thì nạn nhân mãn trên thế giới đã chẳng giải quyết

được, mà còn nguy cho Pháp nữa : Đức hay Ý mà dân số lớn gấp đôi, gấp ba Pháp, nếu không xâm lăng Pháp bằng võ bị thì cũng xâm lăng bằng kinh tế hoặc bằng sự di dân, nghĩa là dân nghèo Đức hay Ý sẽ tìm mọi cách vô Pháp lập nghiệp, sinh nhai, gây rất nhiều vấn đề rắc rối cho Pháp.

Sự ngừa thai đã có từ thời loài người sơ khai. Kinh Cựu Ước nhắc đến cách *coitus interruptus* (rút dương vật ra trước khi xuất tinh); người Ai Cập thời thượng cổ dùng lá cây hoặc miếng vải để làm nút chặn tử cung. Khi lỡ có thai rồi, họ phá thai ; phá thai mà thất bại, lỡ sanh con rồi, họ giết con ; khắp thế giới đâu đâu cũng có nạn giết trẻ sơ sinh, hiện nay ngay ở phương Tây, cũng vẫn còn.

Đã có nhiều bài báo và vài ba cuốn sách Việt viết về các phương pháp ngừa thai từ trước tới nay : rút dương vật ra trước khi xuất tinh, bơm thuốc diệt tinh trùng vô âm hộ, « áo tơ » (condom), dùng nắp bít tử cung, cách tính ngày không thể thụ thai được của Ogino và Knauss, và mới hơn cả, vòng xoắn, hoàn thuốc (pilule) progestine và

oestrogène ; ấy là không kể phương pháp giải phẫu khiến cho đàn ông hoặc đàn bà vĩnh viễn không sinh sản được.

Hằng ngàn nhà bác học khắp thế giới đương tìm những phương pháp công hiệu hơn, giản dị hơn. Ở Mỹ người ta đương chế tạo hoàn thuốc « sáng hôm sau », gồm một phân lượng khá cao oestrogène. Giao cầu đêm trước, sáng hôm sau uống thì sẽ không thụ thai. Vậy thực ra nó không phải là cách ngừa thai mà là một cách « trị liệu khẩn cấp », gần như phá thai.

Lại còn cách chích progestine nữa : đáng lẽ ngày nào cũng phải uống một hoàn thuốc thì chỉ cần ba tháng hay sáu tháng chích một mũi thuốc. Nghe nói cách này đương được cải thiện, và người ta còn hy vọng có thể cấy một viên thuốc nhỏ vào dưới da mà ngừa thai được mười, hai mươi năm.

Có hoàn thuốc cho đàn bà rồi, người ta nghĩ cách chế hoàn thuốc cho đàn ông, ngăn ngoại thận sinh sản tinh trùng trong một thời gian, khoảng ba mươi ngày. Chưa rõ hậu quả cách này có đáng ngại không.

Chắc chắn chỉ mười năm nữa, vấn đề ngừa thai sẽ được khoa học giải quyết một cách hoàn hảo.

Hiện nay tại các nước phát triển, sự ngừa thai đã được phổ biến và mức tăng gia hằng năm (*croissance annuelle*) đã giảm nhiều. Theo một tài liệu Liên Hiệp Quốc, bác sĩ Pierre Simon trích dẫn trong cuốn *Le contrôle des naissances* (Payot 1966) thì năm 1964—1965, mức tăng gia hằng năm của vài nước lớn như sau :

Tây Đức	1,3 phần trăm
Pháp	1,2 —
Y Pha Nho	0,8 —
Anh	0,8 —
Huê Kỳ	1,6 —
Gia Nã Đại	2,1 (vẫn còn cao)
Nhật	0,9 —

Ta nên nhớ mức tăng gia đó ở các nước kém phát triển thường là trên 2,5 phần trăm, có nước trên 3 phần trăm, 4 phần trăm nữa, như :

Nicaragua	3,5 phần trăm
Costa Rica	4,5 —
Phi Luật Tân	3,2 —

Haute Volta (Phi Châu) 3,3 phần trăm
Cũng tài liệu trên cho biết mức tăng gia
hằng năm của Bắc Việt là 3,4 phần trăm,
của Nam Việt là 3,7 phần trăm; nhưng
con số thường được chấp nhận cho Nam
Việt hiện nay là 2,5 phần trăm, và cứ giữ
mức 2,5 phần trăm này thì chỉ trong 30 năm
dân số Nam Việt sẽ gấp đôi, nghĩa là tới
cuối thế kỷ, miền Nam chúng ta sẽ có
khoảng 35 triệu người.

Các phương pháp ngừa thai đã được
khuyến khích, phổ biến ở nhiều nước kém
phát triển như Ấn Độ, Thái Lan, Thổ Nhĩ
Kỳ, Mã Lai Á, Singapour, Maroc, Đài Loan,
Nam Hàn... Ở Nam Việt, mười năm trước,
sự kế hoạch hóa gia đình còn bị cấm, nhưng
mới năm ngoái hay năm này, nó đã được
khuyến khích chứ chưa được phổ biến: một
ông bạn cho hay theo luật mới, gia đình
có một đứa con rồi mà muốn hạn chế sinh
dục thì cũng được phép (trước kia phải có
ít nhất ba đứa con); lại thêm những gia
đình đông con thì từ đứa thứ tư trở lên
không được phụ cấp nữa. (?)

Nhưng vì nạn đói đã khấn cập, nên

biện pháp trên chậm quá, không cứu nguy cho nhân loại được ; phải có một biện pháp mạnh hơn, biện pháp điều hòa hóa dân số. Chính quyền phải bắt buộc mọi gia đình hạn chế sinh dục, bằng cách :

— Định lại thuế lợi tức sao cho những người độc thân và những gia đình ít con được lợi.

— Đánh thuế nặng những gia đình đông con như ở Singapour.

— Có thể không cấp nhà cho những gia đình đông con.

— Trường lệ những người kết hôn trễ (trên 25 tuổi), những cặp vợ chồng cưới nhau 5 năm rồi mà chưa có con ;

— Cương quyết hơn nữa, bắt người cha nào đã có hai hay ba đứa con phải chịu một cuộc giải phẫu để vĩnh viễn không sanh con được nữa ; hoặc phải chịu cho nhân viên y tế cấy một viên thuốc dưới làn da để không sanh con được trong một thời gian ;

— Có người còn đề nghị pha một chất vào nước uống để người uống hết sinh sản được.

Nói thì dễ, giải quyết bằng Khoa Học

cũng dễ, nhưng làm sao giải quyết được những rắc rối, xáo trộn về chính trị, xã hội do những biện pháp ấy gây ra ? Dù thực hiện được *ngay bây giờ* thì cũng phải hai chục năm sau mới có kết quả. Nạn đói vẫn đe dọa nhân loại.

TRỪ SỰ NHIỄM UẾ CỦA HOÀN GIỚI

Vấn đề này tương đối dễ giải quyết hơn. Ở Mỹ, đã có một số xí nghiệp không đợi chính phủ nhắc nhở hay bó buộc, tự tìm cách sử dụng các hơi độc phát ra và bán những phó phẩm (sousproduit) ô uế ấy ; nếu không được vậy thì cũng rán diệt trừ tất cả các căn bã có độc để cho không khí, nước khỏi bị nhiễm uế. Từ nay, đến năm 1980 may ra nhân loại giải quyết được vấn đề này.

Người ta cũng đang nghĩ cách sửa đổi hết các kiểu xe hơi để đỡ tốn xăng, không khí đỡ nhiễm uế. Có lẽ xe hơi và động cơ sau này sẽ nhỏ bớt đi. Chưa biết chừng người ta còn chế tạo xe hơi chạy bằng điện nữa.

Việc sửa các máy bay cho bớt ồn ào là điều khó hơn vì nước lớn nào cũng muốn đứng đầu thế giới về việc sản xuất các máy bay vừa bay thật nhanh vừa chở được nhiều, mà hạng máy bay này ồn quá, rất có hại cho bộ thần kinh. Có lẽ mỗi quốc gia nên cấm không cho những máy bay đó bay qua không phận của mình, chỉ cách đó mới có hiệu quả.

Sự cấm dùng những phân bón hóa học, những thuốc trừ sâu bọ gặp nhiều trở ngại cũng lớn. Những chất ấy phần lớn là phó phẩm của kỹ nghệ dầu lửa, mà các công ty dầu lửa lớn ở Âu, Mỹ quyền hành còn lớn hơn vua chúa thời xưa. Họ bỏ tiền mua chuộc một bọn khoa học gia giả hiệu để bênh vực sự dùng các chất hóa học đó ; họ mua chuộc được cả báo chí, chính quyền ; lại thêm một số nông gia chỉ khi nào thấy rõ cái hại cho lợi tức của họ, tức cho năng suất, thì mới chịu thôi dùng phân hóa học và các thuốc trừ sâu bọ ; còn như sự hại về sức khỏe, tính mạng của người tiêu thụ thì họ bất chấp. Và lại đã dùng những chất ấy trên mấy chục năm rồi, nay nhất đán bỏ đi thì họ hoảng sợ

cũng như người què bầy lâu nay phải chông nạng mà bồng mất nạng. Lại thêm trên một cánh đồng rộng, chỉ một chủ điền bỏ thuốc trừ sâu còn các ruộng chung quanh vẫn dùng thì tai hại cho người đó vô cùng. Phải nhất loạt cùng bỏ mới được.

Vì những nỗi khó khăn ấy nên ông bà Ehrlich đề nghị chính phủ Mỹ thành lập một bộ mới, gọi là bộ *Nhân Số và Hoàn Giới* (Population et Environnement) trùm cả bộ Nội Vụ, bộ Y Tề, Sở Thông Kê, quyền hành rộng rãi, chỉ tùy thuộc Tổng Thông thôi, và có nhiệm vụ kiểm soát mọi kế hoạch của quốc gia (đặc biệt của bộ Canh Nông, bộ Kiên Thiết, nha Thiết Kê Đô Thị, bộ Giao Thông) và của tư nhân mà thầy có thể làm nhiệm vụ không khí, sông rạch, thổ địa. Bộ tiếp xúc cả với bộ Giáo Dục nữa để dạy dỗ quần chúng, vì trong mọi sự cải cách lớn lao, ý thức của đại chúng quan trọng nhất; mà cuộc cải cách tác giả đề nghị đây chẳng những rất lớn lao, lại còn khẩn cấp nữa; nó là vấn đề *sinh tử của nhân loại*. Chỉ trong hai chục năm nữa, một là chúng ta phải

thắng được khoa học, hai là khoa học sẽ diệt chúng ta.

Ý THỨC CỦA ĐẠI CHÚNG

Mục sư Martin Luther King bảo: « ... nạn nhân mãn, tai họa của thời hiện đại, có thể diệt được bằng những phương pháp chúng ta đã phát minh và những tài nguyên chúng ta hiện có. Chúng ta có một ý niệm rõ ràng về giải pháp rồi, chỉ còn thiếu một ý thức của toàn thể nhân loại về sự cấp bách của vấn đề; phải thông tin và giáo dục mấy tỉ con người điều đứng về nạn nhân mãn để cho họ có được ý thức này. »

Đúng vậy, phải làm sao cho họ hiểu rõ rằng chỉ hai chục năm nữa thôi, họ sẽ chết đói nhan nhản ra nếu không chặn đứng được nạn nhân mãn, cho họ hiểu rằng đặt cho họ một vòng xoắn hoặc cho họ một hộp hoàn ngữ thai, là tạo được nhiều hạnh phúc cho họ hơn là tặng họ một vạn bạc để làm ăn.

Nhưng theo tôi, giảng cho họ hiểu được còn là chuyện dễ, làm sao cho họ theo

được đúng mới là chuyện khó. Một người Mỹ khuyên một giáo sư Ấn Độ dạy những phương pháp ngừa thai cho đại chúng, để họ có kế hoạch trong sự sinh sản. Giáo sư Ấn Độ đáp:

— Ông xét coi, họ thiếu thôn đủ thứ: ăn thì ăn độn, mặc thì rách rưới, ngủ thì ở vỉa hè; họ không có một lạc thú gì cả, ngoài cái *thú giao hoan*, họ không có một quyền hành gì cả, ngoài cái *quyền làm cha*. Mà ông lại muốn đem cái lô gích khả kính của phương Tây ra để truất cái thú duy nhất (1), cái quyền duy nhất đó của họ ư?

Lời đó làm tôi nhớ lời một nông dân già ở quê tôi, tại Sơn Tây, cách đây non nửa thế kỷ. Hồi đó, ông ta mới chưa đầy ngũ tuần mà khom lăm, nhất là mắt gần đui, nhưng bà vợ vẫn cứ để gần như năm một, và cứ ba đứa thì may mắn lắm nuôi được một. Bà ta phàn nàn với mọi người rằng ông chống không cho mình « nghỉ ». Một hôm bác tôi ôn tồn khuyên ông ta hạn chế bớt lại,

(1) Phương pháp ngừa thai không làm mất cái thú này.

nếu không « chân thủy chân hỏa » sẽ kiệt, mắt sẽ đui hần. Ông ta đáp :

— Tôi không được ăn ngon, mặc đẹp, như người ta, cũng chẳng có danh vọng gì, ở đời chỉ còn cái thú ày, nếu bỏ nó thì còn sống làm gì nữa ?

Tâm lý người nghèo ở đâu cũng như nhau.

Chính vì vậy, vì mức sống dân Ấn thấp quá, đời sống cực khổ quá, cho nên mặc dù chính phủ hết sức tuyên truyền, khuyến khích, giúp đỡ dân dùng các phương pháp ngừa thai, mà kết quả gần như sò không : sinh suất chẳng giảm được lầy một phần ngàn.

Ở nhật trái lại, sinh suất giảm rất mau : năm 1951 sinh suất là 25,4 phần ngàn.

— 1954 — còn 20,1 —

— 1957 — 17,2 —

và Nhật trước kia là một dân tộc sanh đẻ nhiều nhất, nay đẻ vào hạng ít nhất. Chỉ tại dân Nhật đã có một mức sống khá cao, bình dân Nhật chẳng những có học mà còn được hưởng nhiều lạc thú ngoài cái lạc thú duy nhất của nông dân Ấn và Việt kể trên.

Cũng vì lẽ đó mà dân chúng Âu, Mỹ chẳng cần khuyến khích cũng tự động dùng rất nhiều thuốc ngừa thai.

Vậy, tại những xứ kém phát triển như nước mình, muốn cho dân chúng nhận định được rõ vấn đề và theo đúng được lời khuyên của chính quyền thì phải phát triển kinh tế cho dân có một nền giáo dục căn bản và một mức sống khá khá trước đã ; nhưng muốn phát triển kinh tế cho có hiệu quả thì phải giảm mức tăng gia nhân sô, bằng cách hạn chế sinh dục. Rõ là cái vòng luẩn quẩn.

Về vấn đề chặn nạn nhiễm uê của hoàn giới thì cũng vậy, đại chúng phải nhận định được cái họa của khói nhà máy, khói xe hơi, xe máy dầu, của các thuốc trừ sâu bọ, của tiếng động..., mà muốn nhận được thì phải có một sô kiềm thức, một nhân sinh quan, một lối sống mới ; muốn vậy lại phải phát triển kinh tế trước đã, mà muốn phát triển kinh tế phải mở nhiều nhà máy, dùng nhiều xe hơi, xe cam nhông, dùng nhiều chất hóa học, nghĩa là hoàn giới lại bị nhiễm uê nhiều hơn nữa. Cũng cái vòng luẩn quẩn nữa.

Nói vậy không có nghĩa là sự giáo dục hoàn toàn vô dụng, nó phải đi đôi với sự phát triển kinh tế, và phải trợ lực cho những biện pháp mạnh tay của chính quyền.

Paul và Anne Ehrlich khuyên chúng ta, nhất là các dân tộc đã phát triển phải :

— Thay đổi tâm trạng, thay đổi hân thái độ đối với một số giá trị thời đại ; sống cho lành mạnh thì mới sung sướng, chứ không phải cứ tiêu thụ cho nhiều mà là sung sướng, chẳng hạn bớt dùng xe hơi, xe máy dầu đi như dân Phần Lan.

— Bỏ cái thói tính tổng sản lượng quốc gia để định một nước nào văn minh, tiên bộ hơn nước nào ; lối tính đó rất tai hại, nó khiến người ta sản xuất sao cho thật nhiều, rồi tiêu thụ một cách phí phạm, không nghĩ tới sức khoẻ của dân (bị nhiễm độc), tới sự khánh kiệt của tài nguyên thế giới.

— Những nước phát triển mạnh nên tiêu thụ bớt đi, phân phát tài sản một cách công bình hơn.

— Ngưng ngay công việc chế tạo vũ khí

hạch tâm, và bỏ ra 20 phần trăm (1) tổng sản lượng quốc gia để giúp một cách bất vị lợi các quốc gia kém phát triển, như vậy liên tiếp trong mười, mười lăm năm.

Còn các nước kém phát triển thì ông bà cảnh cáo :

— Đừng đại dột đua đòi các nước Âu, Mỹ; họ bỏ chúng ta quá xa rồi, không làm sao bắt kịp được họ hết, dù họ có tận tình giúp đỡ chúng ta thì cái hồ giữa họ và ta cũng càng ngày càng sâu thêm thôi. Nhật Bản mà không duy tân ngay từ năm 1870, đợi tới bây giờ mới chạy theo Âu, Mỹ thì cũng lẹt đẹt như chúng ta chứ không hơn được. Nhiều lắm là chúng ta chỉ có thể thành những quốc gia « bán phát triển » (semi développé) nghĩa là chỉ phát triển vừa vừa thôi, không sao theo kịp Mỹ. Ta cứ nghĩ từ sau thế chiến tới nay, non ba chục năm rồi mà các nước Á Châu — ngay cả những nước không bị chiến tranh — cũng không sản xuất nổi đủ gạo ăn, phải nhập cảng của Mỹ, thì còn hy vọng gì được nữa! Chúng ta cứ

(1) Có tác giả lại bảo chỉ từ 1 đến 3 phần trăm là đủ.
Coi bài Năm 2000.

20 hoặc 30 năm dân số tăng lên gấp đôi, thứ hỏi trong 20-30 năm đó có thể cắt được gấp đôi nhà ở, trường học, đường đường, đường sá, cầu cống, nhà máy... hơn ngày nay không; dù có được thì cũng chỉ mới giữ được mức sống hiện nay thôi. Thề thì chúng ta phải có một lối sống riêng, bỏ những cái gì xa xỉ đi, bớt nhập cảng hay chế tạo xe du lịch đi mà dùng nhiều xe buýt hơn, đừng mỗi năm may cả chục bộ áo nữa, đừng cứ vài ba năm mỗi nhà lại thay một máy khâu thanh nữa, vân vân. Ý kiến đó cũng chính là đề nghị của tôi tám năm trước trong cuốn *Một niềm tin*. Chúng ta nên nghĩ rằng phát triển kinh tế tới một mức nào đó (ai cũng đủ ăn, đủ mặc, được học hành, đau ốm có thuốc uống...) thì có thể coi là đủ rồi; mà không phải càng phát triển thì con người càng văn minh, càng có hạnh phúc đâu.

— Chúng ta nên tạo những tiêu chuẩn mới về giá trị: coi trọng sự tương đối bình đẳng, tương đối quân bình về tài sản giữa các tầng lớp dân chúng; coi trọng một đời sống lành mạnh, giản dị, trong một khung cảnh thiên nhiên không bị nhiễm uế; coi

trọng đạo đức, tài năng hơn tiền bạc; bỏ
lỗi dân chủ tiền bạc của phương Tây, thứ
dân chủ gian manh như vụ Watergate ở Mỹ
năm 1972, mà tìm một lỗi dân chủ sao cho
những người nghèo nhưng có đức có tài,
được dân để cử ra lãnh việc nước; nhất là
không ganh đua với nước nào cả về võ bị,
không gây chiến với ai hết, giảm số binh
lính tới mức tối thiểu: Nhật và Tây Đức là
những nước chiến bại mà lại phát triển
kinh tế mau hơn các nước chiến thắng Anh,
Pháp, Nga phần lớn là nhờ đồng minh
không cho họ thành lập quân đội, chế tạo
vũ khí; cái rủi chính là cái may của họ.

Sau cùng tôi xin nhắc lại lần nữa: nguy
cơ đã gấp rồi, nếu không đổi phó ngay từ
bây giờ thì hai chục năm nữa sẽ trễ quá,
không cứu vãn được nữa. Việt Nam chúng
ta may mắn hơn Ấn Độ và Phi Luật Tân,
Đại Hàn, có nhiều tài nguyên hơn, nhưng
không nên vì vậy mà ý lại, cho rằng không
có gì đáng lo cả. Tôi không biết bao lâu nữa
mình mới khỏi phải mua gạo của Mỹ, và
bao lâu nữa không khí, sông rạch ở Saigon
này mới hết bị nhiễm uế. (KD bỏ 21 chữ)

Nhưng tôi biết chắc rằng cứ theo mức tăng gia nhân số hiện nay thì hai chục năm nữa cả Bắc lẫn Nam sẽ có từ 60 tới 70 triệu dân, bỏ xa dân số Pháp, Ý, mà sự phát triển của mình thì, như ông bà Ehrlich đã nói, không sao bắt kịp họ được.

Saigon ngày ... 1973

Vì hoàn cảnh, hiện nay chúng ta còn phải giữ một số quân đội khá lớn, nhưng ai cũng mong hòa bình mau được văn hồi, mà cái ước vọng muôn thuở của nhân loại vẫn là :

Yên đặc chú giáp tác nông khí,
Nhật thôn hoang điển ngư đặc canh.

Đỗ Phủ

(Sao không đúc giáp làm nông khí,
Mỗi tác đồng hoang lúa mơn xanh).

Cho nên chúng ta nên mừng rằng thanh niên ở một nước cựu thực dân đã ghét chiến tranh mà muốn dùng thời gian quân dịch để giúp đỡ các nước kém phát triển. Bao giờ phong trào đó lan được khắp thế giới thì nhân loại mới thực là văn minh.

THANH NIÊN PHÁP NGÀY NAY MUỐN GÌ ? CÓ MỘT PHONG TRÀO PHẢN CHIẾN ĐỀ CHỐNG NẠN ĐÓI ?

Một cuộc phỏng vấn :

Năm 1966 ông Maurice Davranche làm một cuộc phỏng vấn về thanh niên Pháp. Cuộc phỏng vấn ấy có thể gọi là kín nhem, âm thầm, không kèn không trống, không đăng báo, không hô hào trên đài phát thanh, đài truyền hình, chỉ dùng những phương tiện rất tầm thường và nhờ sự giúp sức của một số học sinh, sinh viên, giáo sư có nhiệt tâm. Vậy mà kết quả mỹ mãn, tầm quan trọng lại rất lớn về phương diện xã hội ; có thể vượt phạm vi nước Pháp nữa, nên ông cùng với Georges Foucharđ gom góp các câu trả lời, phân tích, phê bình, viết thành cuốn *Enquête sur la jeunesse*, được nhà Gallimard xuất bản năm 1968 trong loại sách *Idées actuelles*.

Ông in trên sáu ngàn tờ phỏng vấn như sau :

HỌ TÊN TUỔI
Địa chỉ
Trường Lớp

Trước mỗi câu hỏi dưới đây, bạn ghi một số từ 1 tới 4, tùy theo sự quan trọng của vấn đề (1 là quan trọng nhất, rồi tới 2, 3, 4):

Số Bạn thích làm việc trong một phần nghỉ hè để có tiền tiêu khiển, hay thích xin tiền cha mẹ?

Số Bạn thích thi hành quân dịch như từ trước tới nay hay thích tình nguyện phục vụ dân sự (volontariat civil) tại các xứ kém phát triển để dự phần chống nạn đói trên thế giới?

Số Bạn có chơi thể thao ở ngoài trường học không?
 Có — không. Môn nào?
 Nếu có thì, đối với bạn, kiếm được một sân vận động có đủ dụng cụ có phải là một vấn đề không?

Số Bạn thích những môn tiêu khiển nào nhất?

.....
 Bạn chơi một mình hay tập thể?

.....

Bạn có dự vào hoạt động của các
« Nhà Thanh Niên » hoặc của một
tổ chức thanh niên không ?

Có — không.

Nếu không thì tại sao ?

.

Theo bạn, thanh niên còn quan tâm tới
những vấn đề nào khác nữa ?

Người ta phân phát trên sáu ngàn tờ
và thu được 4.710 thư trả lời, khoảng 75
phần trăm, như vậy là kết quả rất mỹ mãn—
bình thường người ta chỉ hy vọng được
50 phần trăm trả lời thôi. Điều này chứng tỏ
rằng thanh niên rất sốt sắng với những vấn
đề nêu ra.

Trong số 4.710 thư trả lời này, có :

78 phần trăm là thư của con trai

22 phần trăm là thư của con gái

Tác giả quên cho biết gửi bao nhiêu tờ
cho con trai, bao nhiêu tờ cho con gái.

Cũng trong số 4.710 thư trả lời này

học sinh trung học chiếm đa số : 50
phần trăm.

rồi tới học sinh và sinh viên kỹ thuật : 33 phần trăm.

sau cùng là sinh viên đại học : 16 phần trăm.

Thanh niên ở Paris chiếm 39 phần trăm, ở ngoại ô Paris chiếm 34 phần trăm, ở tỉnh 27 phần trăm.

Vậy xét về phương diện thông kê thì những thư trả lời không đại diện được cho thanh niên Pháp; chỉ đại diện cho học sinh và sinh viên, con trai ở Paris và vùng lân cận Paris thôi, vì số con gái trả lời ít quá, số thanh niên ở tỉnh cũng ít quá.

Tuy nhiên tác giả cho rằng những thanh niên đã trả lời thuộc vào các giai cấp xã hội khác nhau, các miền khác nhau, lại không quen nhau, mà đưa ý kiến về những vấn đề của chính họ, như vậy có thể coi là họ đã phát biểu nguyện vọng của đại chúng.

Thích môn tiêu khiển nào ?

Tôi sẽ tóm tắt rất sơ lược ý kiến thanh niên Pháp về hai câu hỏi dưới ghi trên bảng, vì chính họ cũng cho là không quan trọng.

— *Thích môn tiêu khiển nào?* (Quan trọng hạng 3, theo họ). Họ đáp:

● thích nhất thể thao, nhưng lòng thích này giảm đều đều từ 14 tới 20 tuổi.

● rồi thích đọc sách (vì vậy mà loại sách bỏ túi bán rất chạy).

Nhưng tới tuổi 19, số thanh niên đọc sách sụt hẳn xuống (từ 33 phần trăm năm 18 tuổi, chỉ còn 13 phần trăm năm 19 tuổi và 10,7 phần trăm năm 20 tuổi). Có lẽ vì tuổi đó họ thi tú tài hay lên đại học, phải chăm cổ học, không có thì giờ đọc sách nữa, mà có đọc, cũng chỉ đọc loại « xã hội », « loại tối nhất », tức loại trình thám.

Một điều đáng cho chúng ta ngạc nhiên: người ta vẫn ngại hát bóng và truyền hình cạnh tranh tai hại với sách, báo, sự thực chỉ có 20 trên 4.710 thanh niên là thích truyền hình. Tác giả đoán rằng tại họ không muốn tiêu khiển chung với gia đình trước màn ảnh truyền hình, mà muốn tìm thú tiêu khiển ở chỗ khác.

Sau hai thú tiêu khiển : thể thao và đọc sách đó, tới hát bóng, rồi đi chơi với bạn, khiêu vũ, nghệ thuật, du lịch.

— *Về thể thao* (họ cho là quan trọng thứ tư), có tới 3526 (74,8 phần trăm) thanh niên không chơi ở ngoài trường học, chỉ có 1184 (25,2 phần trăm) là chơi; vậy mà ở các mục trên, có tới 1478 thanh niên tuyên bố thích thể thao. Có sự sai biệt như vậy, có lẽ vì một số thanh niên thích chơi nhưng không có thì giờ để chơi.

Vậy thể thao không phải là một nguyện vọng căn bản của thanh niên, họ chỉ coi là môn để « xả hơi » thôi; đại đa số đòi xây hồ tắm cho họ (Các nhà thầu xây cất nên nhớ điểm này).

— Một điểm đáng mừng là thanh niên còn quan tâm tới các vấn đề quốc tế 13 phần trăm, chính trị 12,6 phần trăm (câu hỏi cuối cùng trong bảng), trái lại họ rất ít quan tâm tới vấn đề xã hội 3,5 phần trăm, về thời trang lại càng ít nữa: 1,6 phần trăm (điểm cuối này họ có khác thanh niên V.N. không ?)

Muôn làm việc để có tiền tiêu vật

Điểm thanh niên Pháp — cả nam lẫn nữ — đồng ý nhau nhất, cho là quan trọng

nhật (ghi vào sổ 1) là muốn làm việc trong nghỉ hè để kiếm tiền bỏ túi :

80,3 phần trăm con trai, 89,6 phần trăm con gái, kể chung cả trai và gái thì là 82,4 phần trăm đều mong được thoát ly gia đình một phần nào về kinh tế, ngay từ hồi 14 tuổi. Có lẽ chưa bao giờ có một sự đồng tâm lớn lao như vậy giữa bọn trẻ.

Đây là những lý do họ đưa ra :

— Để có tiền đi nghỉ hè.

« Chúng tôi là hai đứa con trai 16 tuổi, chúng tôi muốn làm việc từ 27-6 tới 27-8 để có tiền đi chơi xa trong vụ hè »

« Nếu là tiền ba má tôi cho, thì tôi ngại không muốn tiêu. Cho nên tôi nhất định làm việc để kiếm sổ tiền ấy, đó là vấn đề tự ái.»

Bức thư nào cũng lặp lại những lời như vậy :

« Phải kiếm lấy tiền để tiêu, để khỏi phải trình cha mẹ mình tiêu vào những việc nào...»

« Không thể lúc nào cũng ngửa tay xin tiền cha mẹ được.»

«Cha mẹ không thể trả hết mọi món được.»

— *Để có tiền mua* những cái họ thích : sách, đĩa hát, máy hát, máy thu âm, quần áo, xe hơi cũ, vân vân...

— Một số muốn làm việc vì ở không buồn quá, vì muốn nhân dịp được biết những «chân trời lạ», vì muốn giúp đỡ cha mẹ nghèo, vì muốn thực hành những hiểu biết của mình, phát triển khả năng của mình, hiểu đời hơn (những điều học trong sách không thể đào tạo được hoàn toàn tư cách con người).

Họ hăng hái tình nguyện làm «bất kỳ công việc gì, bất kỳ ở đâu». Tác giả đã kê trên 60 công việc họ đã làm, từ việc giữ em, ủi quần áo, sửa ống khóa, đèn việc dịch, thông ngôn, vẽ, sửa đồ điện... Có một cậu tình nguyện tắm rửa thầy ma để lãnh mỗi đêm một trăm quan nữa !

Phong trào đòi có việc làm ấy mạnh mẽ vô cùng, không có cách nào ngăn chặn được; mà cũng chưa có cách nào thỏa mãn được. Có rất nhiều bức thư than thở vì cảnh mặt ít ruồi nhiều :

«Tôi đã tốn công kiếm việc nhiều lần rồi mà không có kết quả.»

«Ba tháng nay tôi kiếm một việc để làm trong tháng bảy mà không được».

«Tôi đã gửi thư cho nhiều ngân hàng và sở bưu điện, đâu đâu cũng đặc nghẹt rồi».

.

Những xí nghiệp lớn nào thường dùng thanh niên trong vụ nghỉ hè, đều nhận được nhiều đơn xin việc quá (500 chỗ làm thì có tới 5.000 — 6.000 lá đơn), nên ngay từ tháng hai đã yết thị rằng không cần người nữa. Họ dành chỗ cho con cháu các nhân viên trong xí nghiệp, hoặc cho những thanh niên đã làm việc trong các vụ hè trước. Vì họ ngại dùng người mới lắm. Họ bảo dùng các cậu các cô ấy trong ba tháng hè thì công việc của hãng bị xáo trộn trong bốn tháng. «Các cậu các cô ấy không biết việc mà lại tự cap tự đại, cho mình là học cao, có sáng kiến hay, rồi tự ý sửa đổi cách thức làm việc và sửa bậy, tới khi vạch lỗi cho họ thấy thì họ cười.»

Nhưng có hãng lợi dụng phong trào đó, dùng sinh viên để thay một số thợ đình

công hoặc một số nhân viên họ không ưa, do đó gây nhiều rắc rối trong xã hội.

Phong trào đó mỗi ngày một bành trướng, chứ không thể nào giảm được (một thanh niên trình độ tú tài đã đòi chính quyền phải tạo ngay ở Paris 40.000 công việc nửa buổi (mi temps) dành ưu tiên cho sinh viên), mà chính quyền làm ngơ, không biết tới.

Tác giả đề nghị phải tổ chức, hướng dẫn, kiểm soát phong trào, làm thông kê xem có bao nhiêu công việc (công và tư) có thể giao cho thanh niên, lựa hạng thanh niên nào giao cho công việc nào, dạy nghề cho họ trong một thời gian ngắn.

Ở nước ta, chỉ trong ít năm nữa, vấn đề cũng sẽ đặt ra; nhà cầm quyền nên chuẩn bị ngay từ bây giờ.

Một điểm nữa đáng cho bộ giáo dục và các phụ huynh sinh viên lưu ý: Tôi không rõ ở Mỹ, Nhật, Đức... ra sao, chứ ở Pháp, sinh viên hiện nay rất khó kiếm việc làm thêm như trên tôi đã trình bày, cho nên cái mộng vừa đi làm vừa học rất khó thực hiện. Theo Maurice Davranche và Georges Fou-

chard thì những thanh niên có chí lắm cũng chỉ chịu đựng được hai năm rồi đành bỏ học, nếu không thì đau nặng, học không được mà làm việc cũng không được nữa.

Vậy khi cho một sinh viên du học thì gia đình sinh viên và bộ Giáo Dục phải cùng nhau chịu trách nhiệm cung cấp đủ tiền cho sinh viên học xong nghề ; nếu tự xét không cung cấp nổi thì đừng cho đi ; nhất là cho đi được một hai năm rồi, bỗng đổi hồi suất, khiến cho gia đình sinh viên phải lúng túng, sinh viên phải chịu thiếu thốn, cực khổ, thì có hại cho sinh viên vô kể, và tỏ ra mình thiếu tinh thần trách nhiệm.

Muốn đổi quân dịch thành dân dịch

Sau việc kiểm tiền bỏ túi tiêu vật, thanh niên Pháp quan tâm nhất tới vấn đề quân dịch, và coi bản dưới đây, độc giả sẽ thấy họ rất đồng lòng phản chiến, chán đi lính rồi, không thích thi hành quân dịch, mà đòi thay 16 tháng quân dịch bằng 16 tháng tự nguyện phục vụ dân sự (volontariat civil) mà tôi sẽ gọi tắt là 16 tháng dân dịch :

*Thích dân dịch**Thích quân dịch*

Trai 66,8 phần trăm 24 phần trăm

Gái 52,1 — 7,9 —

Kể chung trai và gái 63,7 — 20,6 —

Có 15 phần trăm thanh niên không có ý kiến.

(KD bỏ 843 chữ)

Hết thấy đều muốn đem sở học của mình giúp đỡ các dân tộc nhược tiểu về mọi ngành hoạt động : canh nông, y tế, kỹ nghệ, công nghệ... Hết thấy đều muốn giúp người, muốn cho đời sống của mình có một ý nghĩa, đều hướng về thế giới thứ ba, tức các nước kém phát triển. Tâm trạng đó, tự họ có chứ không do một giới nào răn thuyết phục họ. Tác giả tin rằng phong trào quần chúng này sẽ có ảnh hưởng rất lớn tới tương lai gần đây của nhân loại, sẽ gây những xáo trộn chưa hề có tới sự tương quan giữa các nền văn minh. Nó mới phát sinh đây, nhưng sẽ mỗi ngày một mạnh lớn, mà sự phát triển thế giới từ nay không thể coi là trách nhiệm riêng của một nhóm kỹ thuật gia nữa ; đại

chúng đã đòi dự vào thì phải dùng sức của đại chúng (1).

MỘT LỜI HỒ HÀO

Hiện nay sự giúp đỡ thế giới thứ ba, đã không đủ, lại vụng phân phát, lăm lăm, vị lợi, kết quả rất bi quan. Thế chiến chậm dứt trên một phần tư thế kỷ rồi, mà khắp Á Châu, Phi Châu, Nam Mỹ, đâu đâu dân chúng cũng đói. Không kể những nước bị nạn chiến tranh như Việt Nam, Cam Pu Chia, Lào, ngay những nước được hưởng cảnh thái bình như Phi Luật Tân, Miên-Điện... mà canh nông phát triển cũng không đủ để bù sự tăng gia dân số, thành thử nạn đói còn nguy hiểm hơn trước thế chiến nữa.

Vậy mà các nước giàu có chỉ giúp 40 tỉ quan Pháp cho các nước nghèo, trong khi họ tiêu 700 tỉ quan vào vũ bị. Nghĩa là người ta bỏ ra 1 tỉ để chống nạn đói và 17 tỉ rưỡi để chém giết nhau hoặc chuẩn bị chiến

(1) Ở nước ta, thanh niên học thành tài rồi có thể về nông thôn phục vụ nông dân để thay nhiệm vụ quân dịch.

tranh, hoặc xúi các nước khác chém giết nhau.

Tác giả bảo phải gào hét lên tại khắp thế giới, trong mọi trường học, mọi công sở, tư sở, hăng, xưởng, phải đặt thành bài hát để hát ở mọi nơi cho người ta nhớ, nghe tới chán ngấy rằng :

1 tỉ cho sự sống — 17 tỉ cho sự chết.

Tờ báo nào, bản thông tin nào cũng phải in lên hàng đầu :

1 tỉ cho sự sống — 17 tỉ cho sự chết

Khi chúng ta đóng thuế thì chúng ta phải nạp :

1 tỉ cho sự sống — 17 tỉ cho sự chết.

Dù lúc làm việc, hay lúc ăn lúc ngủ, luôn luôn văng vẳng bên tai chúng ta :

1 tỉ cho sự sống — 17 tỉ cho sự chết.

(K.D bỏ 838 chữ)

Sài Gòn. 1973

Nguyễn Hiền Lê

NĂM 2.000

Các sách Thánh Matthieu, Thánh Marc, Thánh Luc (Tân Ước) đều báo trước sẽ có

lúc tận thế; và ngày phán xét cuối cùng, những người tốt sẽ được sống lại, những kẻ xấu sẽ vĩnh viễn chết, sách Mặc Thị Lục (Apocalypse) còn bảo lúc đó trời đất sẽ thay đổi hẳn, không còn biển nữa. Nhưng không sách nào nói bao giờ sẽ tận thế. Theo Thánh Marc thì chúa Ki Tô bảo chỉ Thượng Đế biết được điều ấy thôi và giữ bí mật, không khai thị cho ai cả. Vậy mà không biết do đâu, các tín đồ Ki Tô giáo thời Trung Cổ tin chắc rằng năm 1.000 là năm tận thế, khiến cho cuối thế kỷ thứ X, một làn sóng kinh hoàng lan tràn khắp Châu Âu: Nhiều người phân phát của cải cho kẻ nghèo, dắt vợ con lên núi ở, suốt ngày đêm tụng kinh, đợi ngày phán xét cuối cùng, hy vọng được Thượng Đế thương tình; nhưng cũng có nhiều kẻ khôn hơn, nghĩ còn sống được ngày nào thì cứ tận hưởng thú trần tục đi, còn kiếp sau ra sao, chỉ là chuyện viễn vong, chẳng cần quan tâm tới. Rồi tới cuối năm 1.000 mọi người đều ngạc nhiên, mừng rỡ như được tái sinh: vậy mà chưa tận thế chứ, trời đất có thay đổi gì đâu, biển cũng vẫn còn, mà chẳng ai bị phán xét lần

cuối cùng cả. Người ta lại đồn với nhau: không phải năm 1.000 thì sẽ là năm 2.000.

Hiện nay chỉ còn 27 năm nữa là tới năm 2.000 mà chẳng còn ai lo lắng về chuyện tận thế nữa. Hồi hai trái bom nguyên tử nổ ở Hiroshima và Nagasaki, cũng có một số người nghĩ rằng thứ khí giới tàn phá kinh khủng đó xuất hiện thì sắp đến lúc tận thế rồi: vào cuối thế kỷ chứ không xa, chưa biết chừng mà đúng vào năm 2.000 đây. Nhưng từ mười năm nay Nga theo chủ trương xét lại, cộng sản và tư bản muốn sống chung hòa bình với nhau thì chẳng còn ai chuẩn bị cho lúc tận thế nữa mà chỉ chuẩn bị cho thế kỷ XXI; người ta tin rằng từ nay tới đó sẽ có những biến chuyển lớn lao, và người ta đưa nhau dự đoán những biến chuyển đó sẽ ra sao.

Thực ra thì 40 năm trước, đã có một số học giả dự đoán tương lai, như H.G. Wells, Aldous, Huxley, G. Orwell... Tác phẩm của mấy nhà này có tính cách trào phúng, nếu không thì cũng chứa nhiều thành kiến, chỉ nên đọc để tiêu khiển hoặc để suy ngẫm về sự đời thôi. Một số nhà khác như

Jean Fourastié, căn cứ vào các dữ kiện xã hội, kinh tế mà suy đoán, công trình có tính cách khoa học, đáng tin hơn. (Le grand espoir du 20^{ème} siècle, La civilisation de 1975, Histoire de demain, Les 40.000 heures, Essai de morale prospective...)

Nhưng mới từ mười năm nay phong trào dự đoán tương lai ấy dâng lên mãnh liệt ; quan trọng hơn nữa là các nước Âu Mỹ đã thành lập năm sáu cơ quan để nghiên cứu các vấn đề về tương lai. Ở Pháp có nhóm *Prospectives* do Gaston Berger chủ xướng, và nhóm *Futuribles* do Bertrand de Jouvenel điều khiển. Ở Anh Hội Đồng Nghiên Cứu Khoa Học Xã Hội (Social Science Research Council) đã thành lập ủy ban cho ba chục năm sắp tới. Ở Mỹ, có tổ chức Tài Nguyên Cho Tương Lai do Fondation Ford tài trợ; có Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật và Khoa Học; có Viện Hudson do Herman Kahn điều khiển. Dự đoán về tương lai đã thành một môn học gọi là Futurologie : Tương Lai Học.

Sở dĩ phong trào dâng lên như vậy, nguyên nhân chính là từ sau thế chiến tới nay, bất kỳ ngành nào (công cũng như tư)

trong bất kỳ nước nào, người ta cũng lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để thực hiện từng bước một ; mà muốn lập kế hoạch thì phải đoán trước tương lai, ví dụ phải đoán trước mười năm nữa, sẽ có bao nhiêu trẻ em vô lớp mẫu giáo, dân số sẽ vào khoảng bao nhiêu, phải sản xuất bao nhiêu lúa gạo, đường sữa để khỏi phải nhập cảng mà còn có thể xuất cảng được nữa... Nguyên nhân phụ là người ta bị ám ảnh vì con số 2.000 (năm 2.000), cũng như mười thế kỷ trước người Âu bị ám ảnh vì con số 1.000. Tới năm 2.000, không có tận thế đâu, nhưng qua thế kỷ XXI, sẽ có những thay đổi lớn lao, người ta nghĩ thế.

Vì vậy cuối năm 1965, Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật và Khoa Học Mỹ thành lập một ủy ban, gọi là Ủy Ban năm 2.000 mới đầu gồm 30 học giả, hợp tác với Viện Hudson (Hudson Institute). Ít năm sau Ủy Ban thành lập tám nhóm làm việc, mỗi nhóm nghiên cứu một vấn đề: hậu quả xã hội của các máy tính ; chiến tranh hạch tâm ; chính trị quốc tế ; hậu quả của các tiên bộ về sinh

vật học ; xã hội hậu kỹ nghệ (post-industrial) vân vân.

Qui tắc làm việc của họ là về mỗi vấn đề phải nghiên cứu kỹ lưỡng những dữ kiện hiện có để dự đoán xem trong 10, 20, 30 năm nữa, có những biến chuyển nào (cả tốt lẫn xấu) có thể tin rằng gần như chắc chắn ; lại có những biến chuyển nào có thể xảy ra được chứ không chắc chắn để kịp để phòng, chuẩn bị từ bây giờ. Nói cách khác, về mỗi vấn đề, họ đưa ra trước hết một dự đoán bình thường, không làm cho ngạc nhiên (projection sans surprise), và nhiều dự đoán đặc trưng (type) có thể xảy ra trong những hoàn cảnh nào đó.

Những dự đoán của họ được gom lại thành một cuốn nhan đề là *The year 2.000* do Viện Hudson xuất bản năm 1967, và được nhà Robert Laffont ở Paris dịch, xuất bản năm 1968, nhan đề là *L'an 2.000* (Năm 2.000). Bản dịch này gồm 500 trang khổ lớn 15 x 24, rất nhiều biểu (talleau) và đồ biểu (graphique).

Trong bài này, chúng tôi giới thiệu sơ sài ít dự đoán ; để những bạn nào mới 30

tuổi trở xuống có thể tưởng tượng thế giới mình sẽ được sống trong tuổi già vào năm 1990—2000, chưa biết chừng có thể chuẩn bị cho thời đó được nữa; còn những vị trên 60 tuổi, không có hy vọng sống tới lúc đó thì, cũng có cơ hội suy tư về sự « tiền hóa nguyên tử » của thế giới mà so sánh với thời mình còn trẻ cách đây nửa thế kỷ.

Đây là lời giới thiệu của nhà Robert Laffont :

« Lần này là lần đầu trong lịch sử, nhân loại có thể thăm định được những động lực điều khiển vận mạng mình, liệt kê những động lực ấy, để duy trì chúng hoặc đổi hướng của chúng. Do đó, cuốn Năm 2.000 phải là Thánh Kinh của tất cả những người muốn có thể suy nghĩ về tương lai, trong 10, 15, 30 năm nữa. Đây là cuốn sách đầu tiên khiến sự dự đoán tương lai bước từ kỷ nguyên của thầy bói qua kỷ nguyên của các nhà bác học. Nó sẽ là một trong những cuốn sách kích thích nhất, chưa biết chừng nó chính là cuốn kích thích nhất của trọn thế kỷ XX nữa ».

I.— THẾ GIỚI TỪ NAY TỚI CUỐI THẾ KỶ

Dưới đây là một dự đoán bình thường, tương đối không có tính cách chính trị (apolitique), « không có gì ngạc nhiên » (sans surprise), trong trường hợp các « quốc gia cũ » không có biến chuyển gì mạnh.

1.— Thế giới sẽ tiếp tục tiến theo những khuynh hướng căn bản có từ trước về nhiều phương diện (chẳng hạn nhân số tăng, thành thị tăng lên, đông hơn, sự giáo dục tăng lên, phương tiện tàn phá tăng lên, các hoạt động sơ đẳng — canh nông — và nhị đẳng — công nghệ, kỹ nghệ — giảm đi...)

2— Một nền văn hóa « hậu kỹ nghệ » (post-industriel) sẽ xuất hiện. Điểm này tôi sẽ giới thiệu riêng trong một đoạn sau.

3— Kỹ nghệ sẽ phát triển ở khắp thế giới.

4— Thế giới sẽ hóa ra nhỏ : càng ngày nhân loại càng thấy cần phải tập hợp lại thành từng khu vực, miền, (hoặc tập hợp lại thành một khối cho khắp địa cầu) để kiểm soát vũ khí, kỹ nghệ, thương mại, nhân số, cách dùng các nguồn lợi thiên

nhiên, cách chống sự nhiễm uế của không khí, nước, đất...

5 — Càng ngày người ta càng coi trọng « ý nghĩa », « mục đích » của hành động.

6 — Có nhiều xáo động trong các quốc gia mới và có lẽ cả trong các quốc gia đang khởi sự phát triển.

7 — Có thể có những phong trào quần chúng chủ trương có một đảng cứu thế hạ trấn.

8 — Nhật Bản lại « nhô » lên một lần nữa, có thể thực sự thành cường quốc thứ ba trên thế giới.

9 — Châu Âu và Trung Hoa lại phát triển thêm tới một mức nào đó.

10 — Một số quốc gia thành những cường quốc bậc trung, như Ba Tây, Mễ, Tây Cơ, Pakistan, Indonésie, Đông Đức, Ai Cập.

11 — Mỹ, Nga suy một cách tương đối.

12 — Có thể không còn những vấn đề « sinh », « tử » về kinh tế, chính trị trong các quốc gia cũ (nghĩa là sẽ tương đối ổn định).

Bình thường thì như vậy, nhưng Ủy ban cũng cho rằng có thể có những thay đổi

bắt ngờ tại những quốc gia cũ, mà tôi tóm tắt dưới đây vài nguyên nhân chính :

- 1 — Chiến tranh và xâm lăng.
- 2 — Nội loạn và cách mạng.
- 3 — Độc tài (tàn sát)
- 4 — Khủng hoảng kinh tế.
- 5 — Sản xuất rất nhiều máy, gọi là « tận thê » hoặc « gần như tận thê », những máy ấy sẽ rẻ tiền.

6 — (KD bỏ 7 chữ), chế độ phát xít tái hiện.

7 — Xung đột : về chủng tộc, giàu nghèo, đông tây.

8 — Trung Hoa tiến rất mạnh về kinh tế (mỗi năm tăng trung bình 10 phần trăm).

9 — Liên Hiệp Quốc hoặc các tổ chức quốc tế khác phát triển mạnh.

10 — Xung đột tâm lý do những kỹ thuật, triết lý mới gây ra.

Nhân số tính theo tăng suất trung bình:

	Năm 1975	Năm 2000
Phi	398 triệu	779 triệu
Á	2343 triệu	3701 triệu
Âu	732 triệu	886 triệu
Úc	16 triệu	25 triệu

Mỹ 575 triệu 998 triệu
 Cả thế giới 4064 triệu 6389 triệu
 Sản lượng quốc gia tính theo đầu người:

	Năm 1975		Năm 2000
Phi	174 Mỹ kim 1965	227 Mỹ kim 1965	
Á	214 —	577 —	
Âu (kể cả Nga)	1976 —	5055 —	
Úc	2510 —	4310 —	
Bắc Mỹ	3403 —	6255 —	
Nam Mỹ	413 —	695 —	

Nhưng nhân số không tăng hoài theo mức như trên, vì như vậy thì trong 1000 năm nữa, nhân số sẽ lên tới 558 tỉ, điều đó không thể xảy ra được. Ủy ban cho rằng trong vài thế kỷ nữa, nhân số phải đứng lại trong khoảng từ 10 tỉ tới 50 tỉ. Tuy nhiên, điều đó không chắc chắn, còn tùy nhiều yếu tố hiện chúng ta chưa được biết, như cách dinh dưỡng sau này. Ủy ban cũng ghi thêm rằng, có tác giả bảo tăng suất của nhân số trên thế giới lúc này đã bắt đầu giảm rồi, và có thể tới năm 2000 nhân số sẽ đứng.

Khắp thế giới, các thị trấn mọc lên như nấm, và những thị trấn lớn hiện nay bành trướng rất mạnh. Vào khoảng 2000, Mỹ sẽ

có ba thị trấn khổng lồ (mégalo-pole) mà Ủy Ban gọi là :

— Boswash lan từ Boston tới Washington, gồm khoảng một phần tư dân số Mỹ (có thể tới 80 triệu người)

— Chippits ở chung quanh miền hồ lớn, từ Chicago tới Pittsburg. (Khoảng 40 triệu người).

— Sansan ở bờ biển Thái Bình Dương, từ San Fracisco tới Santa Barbara (khoảng 20 triệu người)

Ở Anh thì trọn miền Đông Nam sẽ thành một thị trấn khổng lồ ; ở Nhật thì cả một dãy từ Tokyo tới Osaka cũng sẽ thành một thị trấn khổng lồ. Tới cuối thế kỷ, từ 80 đến 90 phần trăm số người trên thế giới sẽ sống trong các thị trấn.

Ở Nam Việt, tôi xin phép được bắt chước Ủy Ban đưa ra một dự đoán : Thành phố Sài gòn — Chợ Lớn sẽ nuốt Gia Định, Biên Hòa và Long An, và tôi đề nghị đặt tên cho thị trấn khổng lồ đó là Hòa-An (có nghĩa là từ Biên Hòa tới Long An). Những đất cát dọc theo các xa lộ Sài gòn — Biên Hòa, Sài gòn — Long An vài chục năm nữa

sẽ lên giá kinh khủng. Nhưng tôi xin thưa trước : vị nào đầu cơ mua những đất đó mà không có lời thì trách Ủy Ban năm 2000 chứ đừng trách tôi.

Tới năm 2000, thế giới sẽ chia làm sáu nhóm *kinh tế* :

1— Nhóm hậu kỹ nghệ từ lâu rồi, gồm Mỹ, Nhật, Gia Nã Đại, Pháp, Tây Đức, vãn vãn...

2— Nhóm mới bắt đầu hậu kỹ nghệ, gồm Anh, Nga, Ý, Áo, Đông Đức, Do Thái, Úc, vãn vãn...

3— Nhóm đại chúng tiêu thụ mạnh, gồm Y Pha Nho, Ba Lan, Hy Lạp, Argentine, Đài Loan, Bắc Hàn, Nam Hàn, Mã Lai Á, vãn vãn...

4— Nhóm kỹ nghệ hóa rõ rệt, gồm Mễ Tây Cơ, Chí Lợi, Cuba, Bắc Việt, Nam Việt, Thái Lan, Phi Luật Tân, Ba Tư, vãn vãn...

5— Nhóm mới kỹ nghệ hóa được một phần gồm Ba Tây, Pakistan, Trung Cộng, Ấn Độ, Indonésie, Ai Cập, vãn vãn...

6— Nhóm tiền kỹ nghệ, lạc hậu nhất, mới kỹ nghệ hóa được một chút ; trọn Châu

Phi trù Nam Phi, các nước nhỏ ở Á và Châu Mỹ La Tinh...

Như vậy nước mình, mặc dầu bị trên một phần tư thế kỷ chiến tranh mà sẽ vượt được Ba Tây, Ai Cập, cả Trung Cộng nữa, đáng hãnh diện đây chứ? Không bị chiến tranh tàn khốc này thì chắc mình đứng ngang hàng với Y Pha Nho, Ba Lan, Hy Lạp, có thể hơn Đại Hàn, Đài Loan được.

II XÃ HỘI HẬU KỸ NGHỆ

Bây giờ chúng tôi xin giảng thế nào là xã hội hậu kỹ nghệ. Theo Ủy Ban, xã hội này có những đặc điểm như sau :

1— Lợi tức tính theo đầu người khoảng năm chục lần lớn hơn trong xã hội tiền kỹ nghệ.

2— Hoạt động kinh tế có tính cách dịch vụ nhiều hơn là sản xuất. Nghĩa là những hoạt động tam đẳng (dịch vụ như thương mại, chuyên chở, văn hóa, giáo dục...) nhiều hơn hoạt động sơ đẳng (sản xuất thực

phẩm) và nhị đẳng (sản xuất đồ dùng) (1)

3 — Các xí nghiệp tư không còn phát minh được nhiều canh tân bằng các cơ quan của quốc gia nữa.

4 — Lợi tức và mức sống lên cao tới tột độ rồi ngưng.

5 — Hiệu năng (efficacité) không được coi là quan trọng nhất nữa.

6 — Thương mại kém quan trọng so với các công vụ và hoạt động xã hội.

7 — Thê giới « thu hẹp » lại.

8 — Người ta học hỏi nhiều hơn mà cách dạy cũng cải tiến rất mau.

9 — Ý muốn thành công, lên cấp, giảm đi trong giai cấp trung lưu.

10 — Người ta ít nghĩ tới cái lợi quốc gia, nghĩa là tinh thần quốc gia suy đi (Hiện nay ở Pháp đã có hạng « thanh niên không biên giới » rồi — jeunesse sans frontière).

11 — Người ta chỉ lo hưởng lạc, sống

(1) Cõi bài « Kỹ nguyên tiêu thụ và nghề cầm bút » của chúng tôi — Bách Khoa số Tết và số Tân Niên Quý Sửu... Ở Mỹ hiện nay chỉ có 5 phần trăm số người hoạt động là làm nghề nông, 15 phần trăm làm trong kỹ nghệ, còn 80 phần trăm làm dịch vụ.

với đầy đủ tiện nghi, tinh thần tôn giáo kém, nhưng tinh thần nhân bản tăng.

12 — Máy điện tử (I.B.M) phổ biến khắp thế giới ; chẳng những các cơ quan chính quyền, các xí nghiệp dùng mà tư nhân cũng dùng nữa. Không phải là gia đình nào cũng có máy điện tử, nhưng ai cũng có thể đóng tiền dùng máy điện tử của thành phố như ngày nay chúng ta dùng máy điện thoại công cộng.

13 — Sờ giờ làm việc sẽ giảm đi. Có thể:

— Mỗi tuần lễ chỉ làm việc bốn ngày, mỗi ngày 7 giờ rưỡi.

— Mỗi năm làm việc 39 tuần, nghĩa là mỗi năm chỉ làm có 147 ngày (tổng cộng 1.100 giờ), còn nghỉ 218 ngày.

Như vậy là có thể bỏ ra :

40 phần trăm sờ ngày làm nghề nghiệp.

40 phần trăm sờ ngày làm một việc ngoài nghề nghiệp.

20 phần trăm nữa chẳng làm gì cả, nằm dài ra nghỉ ngơi.

Hậu quả là những giá trị «buộc-gioa» (bourgeois) — tức gắng làm việc để thành công, cho mình và gia đình được vẻ vang,

phong lưu ; dè dặt về tài chánh, biết lo xa, cần kiệm — sẽ sụp đổ hết.

Từ trước loài người vẫn phải tranh đấu để có miếng ăn, cho nên vẫn đề kinh tế bao giờ cũng quan trọng, khẩn thiết nhất ; lúc đó (khi tới giai đoạn hậu kỹ nghệ), vấn đề kinh tế được giải quyết rồi, con người khỏi phải tranh đấu, khỏi phải lo lắng, tính toán, mà lại có nhiều thì giờ rảnh quá, sẽ đâm hư đi ; đa số chẳng quan tâm gì tới việc nước, cũng chẳng muốn trau dồi đức hạnh, tài năng nữa, mà loại sách Học Làm Người chắc không còn ai đọc, những danh từ « thành công », « đặc lực » sẽ thành xấu xa như những danh từ « làm biếng », « ý lại » ngày nay.

Có thể con người sẽ ích kỷ hơn nhiều, mà những hình thức ngây thơ nhất của chủ nghĩa cá nhân sẽ xuất hiện.

Theo Ủy Ban, vào khoảng năm 2.000, đời sống ở Mỹ sẽ dễ dàng quá, bất kỳ người nào hơi thông minh một chút, làm khơi khơi, tà tà, cũng kiếm được từ 1 đến 2 ngàn Mỹ Kim (1965) mỗi tháng ; thành thử một anh chàng đại lãn nào, cũng có thể lại xin bà con, bạn bè

vài ba ngàn Mỹ Kim mỗi năm, như vậy khỏi đói rét rồi, và quanh năm có thể nằm dài ra nghe nhạc, nhìn ti vi. (Hiện nay có những hippie Mỹ đi xin và có thể sống với 10 Mỹ Kim mỗi tuần, tức 600 Mỹ Kim một năm).

Cha mẹ lúc đó sẽ không có lý do gì để bắt con cái phải siêng học, vì chẳng siêng học thì lớn lên cũng đủ sống; hơn nữa đức siêng năng lúc đó sẽ bị coi là lạc hậu, là một tật xấu nữa. Ganh đua với ai? và để làm gì đây?

Ủy Ban còn ngại rằng thanh niên sẽ dùng nhiều chất ma túy hơn, mà những chất này sẽ tinh vi, tiên bộ phi thường, rẻ tiền nữa. Do đó mà tội ác, li dị, bệnh thần kinh, tự tử sẽ tăng lên mạnh.

Sẽ có một hạng người thích sống nghèo, thích ăn xin (như bọn hippie ngày nay), và được xã hội trợ cấp rộng rãi. Sự «sống nghèo» lúc đó sẽ thành một triết lý hấp dẫn, chưa biết chừng cao thượng nữa.

14 — Một đặc điểm nữa của thế giới hậu kỹ nghệ là văn hóa có tính cách «sensate mới». Tiếng Anh «sensate» này do Sorokine tạo ra cách đây khoảng mười năm và thực

khó dịch : nó gồm những ý niệm trần tục, thực tế, vật chất, hưởng lạc.

Sorokine phân biệt bốn thời đại trong lịch sử nghệ thuật. (Coi cuốn *Social and Cultural dynamics* của ông — New York 1962):

— Nghệ thuật «ideational» — cũng lại là một danh từ mới tạo nữa — có tính cách siêu nhiên, siêu nghiệm, siêu giác, tôn giáo, tượng trưng, tĩnh, trịnh trọng, vô danh, theo truyền thống, bất biến. Tôi không biết Sorokine muốn trở thứ nghệ thuật thời nào, chỉ đoán chứ không chắc chắn đúng, rằng nó thuộc về thời Trung Cổ Châu Âu.

— Nghệ thuật có lý tưởng (idéaliste) có tính cách anh hùng, cao thượng, ái quốc, đạo đức, tô điểm, bổ ích. Tôi đoán đây là thứ nghệ thuật hiện thức ở thế kỷ XIX

— Nghệ thuật «sensate», có tính cách bình phàm, tự nhiên, vui, lý thú, gợi tình, mĩa mai, hợp thời, duy vật, thương mại... Tôi cũng đoán đây là thứ nghệ thuật hiện thời thịnh hành ở Pháp (như Françoise Sagan), ở Đức (như Barbara Noak), ở Đài Loan (như Quỳnh Dao).

— Nghệ thuật «sensate» mới, mà tôi

đoán là nghệ thuật hip-pi; nó có tính cách ồn ào, tàn bạo, phản kháng, thối nát, cực đoan, kích thích (chỉ tìm cảm giác thôi), suy đồi, kiêu cách, lai căng, xấu xa, khiêu dâm, chủ trương hư vô, phô trương, phóng thích, chua cay, tởm...

Về hai văn hóa « sensate » và « sensate mới », Ủy Ban đưa ra vài nhận định tôi nghĩ cần ghi lại.

Văn hóa « sensate » tuy lúc này mới cực thịnh ở Phương Tây, nhưng thực ra nó có manh nha từ bảy, tám thế kỷ trước, và tiền hoài không ngừng. Có nhiều thời nhà cầm quyền hoặc giới thượng lưu muốn ngăn chặn nó lại như thời Cải Cách Tôn Giáo, thời Thanh Giáo (nữ hoàng Victoria) ở Anh, cả những thời Mussolini, Hitler, Staline cầm quyền nữa. (1)

Xét chung thì đại chúng có khuynh hướng thích văn hóa sensate hơn là giới trung lưu và thượng lưu. Ở nước mình

(1) Ở Trung Hoa những thời đại tương đương có lẽ là những khi có phong trào phục cổ, và gần đây, là hồi Trưởng Giới Thạch cầm quyền ở Hoa Lục.

cũng vậy, đại chúng thích những chuyện tiêu lâm, «giật gân», còn giới trí thức nghiêm trang hơn.

Hiện nay ngay ở Âu, Mỹ, vẫn có rất ít người thưởng thức nổi văn hóa «sensate récent»; và ý tưởng còn phân vân: người thì chê thứ văn hóa đó sẽ làm cho xã hội mất trật tự, khó cai trị; người thì bảo nó là một phản ứng tự nhiên, chống tinh thần duy vật, công thức hiện nay và nó báo hiệu sẽ có một tinh thần nhân bản mới, mà con người sẽ lương thiện hơn, được tôn trọng hơn. Ủy ban hy vọng rằng phong trào «sensate mới» đó trong vài ba chục năm nữa, sẽ ngừng lại hoặc thụt lui nữa. Nhưng nếu văn hóa «sensate mới» mạnh tới nỗi tạo được một nghệ thuật, một hệ thống giá trị mới, thì chẳng những gia đình mà chính quyền cũng sẽ có khuynh hướng mới.

Tôi xin lấy một thí dụ «sensate» điển hình: hiện nay nam nữ Phương Tây cho rằng hễ họ yêu nhau, thỏa thuận với nhau thì có quyền giao hoan với nhau (dù chưa cưới hỏi) miễn là đừng làm hại cho người thứ ba. Người ta cũng cho rằng hễ hai bên

đều muốn ly dị thì luật pháp phải cho họ ly dị dễ dàng. Về con cái thì hẳn có một người nào (vợ hoặc chồng, hoặc người thứ ba) sẵn sóc chúng cho đàng hoàng là được rồi. Ngay tín đồ KY Tô Giáo cũng có nhiều người chấp nhận ý kiến này, cho đó là vấn đề cá nhân, giữa hai bên với nhau, Giáo Hội mà xen vào thì bất công, lờ bịch nữa. Vậy một ý niệm sensate đã làm thay đổi hẳn quan niệm cổ truyền về gia đình, đạo đức.

Hiện nay Giáo Hội La Mã còn chống chính sách ngừa thai bằng những phương pháp không tự nhiên (như dùng vòng xoắn, uống thuốc ngừa thai) chỉ cho dùng phương pháp «nhiệt độ» của Ogino—Knauss thôi, nhất là cực lực mật sát sự phá thai; nhưng chỉ mười năm nữa, Giáo Hội tất phải im tiếng, nếu không thì chỉ làm cho tín đồ mỉm cười một cách thương hại thôi.

Về quan niệm quốc gia cũng vậy. Hiện ở Pháp đã có một hạng thanh niên không biên giới (jeunesse sans frontière) (1). Họ thấy cùng chung một văn hóa mà bị những

(1) Cõi bài Thanh niên Pháp ngày nay muốn gì ?

biên giới giả tạo do các nhà cầm quyền xưa và nay cao hứng vạch trên bản đồ để cách biệt họ với nhau, rồi vài ba chục năm một lần, người ta đẩy họ ra chiến trường làm cây thịt đỡ đạn để bảo vệ những đường hầm chầm chầm ngoằn ngoèo trên bản đồ đó, là chuyện vô lý, ngu xuẩn. Họ muốn thay chữ «Quốc Gia» bằng chữ «Âu Châu», muốn xóa biên giới, những bức tường tưởng tượng mà họ cho là ô nhục đó đi. Một ý niệm sensate đó sẽ ảnh hưởng lớn ra sao tới sự tổ chức quốc gia, ai mà có thể lường trước được? Nhưng ở các nước kém phát triển như nước mình, trong ba chục năm nữa, tinh thần quốc gia sẽ mạnh thêm lên chứ không giảm và tất cả những hoạt động giáo dục, «dân vận» sẽ nhằm vào việc đề cao lòng ái quốc, sùng bái các vị anh hùng vì nước hy sinh.

III. CANH TÂN KỸ THUẬT

Một chương lý thú trong cuốn *Năm 2000* là chương về các canh tân kỹ thuật.

Thực ra thì sẽ có nhiều canh tân lắm,

nhưng Ủy Ban chỉ lựa 100 khu vực thôi mà Ủy Ban cho rằng có từ 90 đến 95 phần trăm chắc chắn sẽ thực hiện trước năm 2000. Mỗi canh tân đó có những đặc điểm này: hoặc quan trọng tới mức có thể gây một sự thay đổi lớn lao trong những năm sắp tới (chẳng hạn dùng rocket vượt đại dương cực mau, chỉ trong hai, ba chục phút khi mà hiện nay các máy bay siêu thanh — supersonique — phải mất hai, ba giờ); — hoặc có tính cách cách lan tràn, phổ biến khắp thế giới (như y phục bằng giấy); — hoặc có thể giúp cho chúng ta chế tạo được rất nhiều vật khác nhau (như những siêu chất: supermatière); — hoặc làm tăng sức sản xuất lên rất cao; hoặc cực kỳ quan trọng cho sinh mạng con người (như những trái thận nhân tạo dễ dùng).

Vậy tuy gọi là canh tân (innovation) nhưng sự thực có thể gọi là những cách mạng, những phát minh quan trọng. Trăm canh tân ấy Ủy Ban sắp theo một thứ tự có ý nghĩa.

—25 canh tân đầu hầu hết là những tiên bộ có lợi cho nhân loại (dĩ nhiên có

những canh tân có lợi về phương diện này mà có thể có hại về phương diện khác, nhất là khi lấy nhãn quang chính trị mà xét).

— 26 canh tân kẻ đó, ích lợi không hiển nhiên, và nhiều người cho rằng nên hãm lại, đừng đem phổ biến. (Chẳng hạn những canh tân làm cho sự chèn ép các thứ khí giới hạch tâm hóa ra rất dễ dàng; hoặc những canh tân hậu quả có thể làm cho con người bị chính quyền dòm ngó suốt ngày đêm, không còn gì là đời tư nữa).

— Còn 50 canh tân cuối Ủy Ban ghi thêm vào « vì thầy lý thú ».

NHỮNG CANH TÂN CÓ LỢI

1— Tia *laser* và *maser* sẽ có nhiều áp dụng dễ đo, truyền, bắt, cắt, hàn gắn, chiếu sáng, phá hủy vân vân. Dùng tia *laser* tẩm màu, người ta có thể « tích trữ » một trăm triệu mẫu tin tức trên một miếng phim 2,5 phân vuông.

2— Có những chất rất cứng, bền hoặc chịu được những nhiệt độ rất cao.

3 — Có những chất để may quần áo rất bền (giấy, sợi hoặc plastique).

4 — Có thêm nhiều vật liệu mới để chế tạo.

5 — Có những phi cơ mới siêu trực thăng (lên thẳng rất mau) hoặc những phi cơ không lộ phản lực hay siêu thanh.

6 — Cách dùng chất nổ để gọt (emboutir) đồ sẽ có nhiều áp dụng về thương mại.

7 — Đoán thời tiết chắc chắn hơn và dài hạn hơn.

8 — Nghề trồng trọt ở miền nhiệt đới phát triển mạnh.

9 — Nhiều máy điện lực mới.

10 — Nhiều nguồn năng lực mới dùng vào sự chuyên chở trên mặt đất.

11 — Dùng máy chụp hình rất nhạy từ trên một độ rất cao có thể chụp hình mặt đất mà vẽ bản đồ, và khảo sát về địa chất.

12 — Tàu biển sẽ cải thiện nhiều.

13 — Giảm được nhiều tật do di truyền.

14 — Kỹ thuật nhương phôi (prothèse) sẽ được áp dụng rộng rãi để thay một số bộ phận trong cơ thể.

15 — Có những kỹ thuật mới để giữ cho

không khí, dòng sông, đất cát khỏi nhiễm uế.

16 — Kiểm soát được sức nặng và sự ăn ngon của con người.

17 — Có những kỹ thuật mới để đào tạo, huấn luyện người lớn.

18 — Có nhiều loại cây và động vật mới có ích cho loài người.

19 — Y sĩ tạo được sự đông miền ngăn (vài giờ hay vài ngày) cho bệnh nhân.

20 — Dùng máy tính để phân tích rồi dùng những phương pháp tự động để sản xuất những vật rời (nghĩa là không phải để sản xuất từng loạt) một cách rẻ tiền.

21 — Kiểm soát được giấc ngủ và sự nghỉ ngơi.

22 — Khoa kiến trúc rất tiên bộ, kỹ thuật rất mới.

23 — Khai thác biển: đào mỏ ở dưới đáy biển, trồng trọt, tạo năng lực...

24 — Truyền hình và phim có chiều sâu.

25 — Các việc vặt trong nhà sẽ làm bằng máy, có thể bằng máy tự động nữa.

NHỮNG CANH TÂN CÓ THỂ CÓ HẠI

Hai mươi lăm canh tân trên quả thực không có gì làm cho chúng ta ngạc nhiên cả, và chắc chắn tới cuối thế kỷ này sẽ thực hiện được gần hết. Và có một số canh tân hiện nay đã thực hiện được một phần rồi, như canh tân số 11, 14, 18. . . .

Tiếp theo là 25 canh tân nữa Ủy Ban cho là có thể có hậu quả tai hại và chính quyền nên hạn chế. Tôi sẽ không chép lại hết, chỉ lựa một số thôi :

— Các máy tự động và các máy điện tử I.B.M sẽ được phổ biến trong kỹ nghệ.

— Các kỹ thuật mới để dò xét, coi chừng và kiểm soát cá nhân.

— Kiểm soát khí hậu một cách hạn chế.

— Kỹ thuật mới mẽ, chắc chắn hơn để « dạy dỗ » và tuyên truyền về cách cư xử của con người trong đời công và đời tư.

— Truyền đạt trực tiếp bằng cách kích thích bộ óc.

— Đông miên dài hạn, hằng tháng hoặc hàng năm.

— Kỹ thuật mới tương đòi hiệu nghiệm

để chống chiến tranh du kích (và cũng có thể để cải tiến chiến tranh du kích nữa)

— Kỹ thuật mới rẻ tiền, chắc chắn hiệu nghiệm, để dùng để kiểm soát sanh đẻ.

— Thuốc mới rất hiệu nghiệm để kiểm soát sự mệt nhọc, sự nghỉ ngơi, tình cảm và cá tính con người.

— Muốn sanh trai hay gái cũng được.

— Hơn nữa có thể thay đổi cả « tính » của trẻ và người lớn: trai mà biến thành gái và ngược lại.

— Nhiều phương pháp dạy dỗ mới.

— Kéo dài đời sống thêm lên nhiều, làm cho tuổi già lùi lại.

— Thức ăn thức uống tổng hợp (synthétique), tựa như đường hóa học ngày nay.

— Thay đổi được dễ dàng nét mặt, cá màu da nữa.

— Lấy một bộ phận trong cơ thể người này cấy vào cơ thể người khác.

NHỮNG CANH TÂN LÝ THỨ

Sau cùng là 50 canh tân chưa chắc thực hiện được, nhưng lý thú, chẳng hạn như :

— Lên ở hần trên cung trăng và một số vệ tinh — Du lịch từ hành tinh này tới hành tinh khác.

— Xuồng ở hần dưới đáy biển.

— Cắt nhiều nhà cửa trong lòng đất.

— Các cửa hàng tạp hóa sẽ có thể tự động.

— Dùng thật nhiều người máy.

— Dùng những chất hóa học để cải thiện ký tính.

— Kiểm soát được các chất hóa học trong máu để trị một số bệnh điên và vài hình thức của bệnh già.

— Lấy được dầu lửa một cách rẻ tiền ở trong điệp thạch (schiste).

— Bàn bay cho mỗi người. (plate-forme volante).

— Truyền tin và truyền hình rất rẻ tiền nhờ tia sáng *laser* chẳng hạn.

— Biển nước biển thành nước ngọt một cách rẻ tiền.

— Máy tính rất phổ biến : nhiều nhà có thể chung nhau dùng để kiểm soát việc nhà, dịch sách, tìm tài liệu văn học, khoa học...;

chính quyền dùng để tìm ra tội nhân, kiểm soát sự lưu thông.

— Máy điện thoại bỏ túi, đi đâu, cũng mang theo được.

— Kích thích sự nằm mộng và có thể gọi một mộng nào đó tùy ý mình được. (thú vị thật !)

— Không cần giam tội nhân trong khám nữa vì có những cách tồi tàn để coi chừng, theo dõi, kiểm soát.

— Chiến tranh vi trùng và hóa học rất giản dị mà giết người một cách chắc chắn.

— Tạo nhiều nguyệt cầu để đêm đêm soi sáng một miền rất rộng nào đó.

— Tạo được trí khôn « thực sự ».

— Kiểm soát được gần hoàn toàn sự di truyền.

— Cho cơ thể tạm ngưng hoạt động hằng năm hoặc hằng thế kỷ.

— Thay đổi cách thờ của các loài có vú (loài người ?)

— Kéo dài đời sống tới trăm rưởi năm (lúc đó câu đầu trong truyện Kiều sẽ không đúng nữa).

— Kiểm soát được tính tình hoặc trí tuệ con người.

— Có những đường lộ khiến cho sự lái xe sẽ hóa ra tự động.

— Lẽ đường tự động, người ta khỏi phải đi.

— Thay đổi thái dương hệ (!)

— Tạo và nuôi thai trong phòng thí nghiệm.

— Thay đổi loài người.

— Tạo được sự miễn dịch suốt đời người về hầu hết các bệnh.

NHỮNG CANH TÂN ẢNH HƯỞNG LỚN TỚI XÃ HỘI

Trong số những canh tân này, Ủy Ban nhân mạnh vào 4 canh tân dưới đây vì có ảnh hưởng lớn tới đời sống xã hội vào cuối thế kỷ :

1 — *Máy tính điện tử.*

Mới khoảng mười năm trước đây một chương trình (programme) có 5.000 chỉ thị

(instruction) (1) đã là lớn lao lắm rồi. Ngày nay dùng máy tính điện tử, một người có thể điều khiển một chương trình mười lần lớn hơn, và một kíp có thể làm một công việc mười lần lớn hơn nữa, nghĩa là gồm 500.000 chỉ thị.

Mà khả năng của các máy ấy cứ hai ba năm lại tăng lên gấp mười, như vậy tới cuối thế kỷ có thể tăng lên trăm tỉ lần, một con số kinh khủng ! Cứ cho rằng nó chỉ tăng lên gấp ngàn hoặc triệu lần thôi rồi ngừng lại, thì cũng đủ cho chúng ta ngợp rồi.

Vậy chúng ta đừng vội tin những người hoài nghi chê máy tính điện tử là không thể có sáng kiến được, vì nó bị trí óc của người chế tạo ra nó hạn chế. Theo Ủy Ban thì lời năm 2000, nhiều máy tính có thể vượt được nhiều cơ năng trí tuệ của con người, có lẽ cả cơ năng sáng tạo nữa, mà lại còn có những khả năng khác loài người không có. Điều đó tuy không chắc

-
- (1) Trong bài này có nhiều thuật ngữ và cả những danh từ thường dùng nhưng ý nghĩa đã thay đổi, tôi không phải là nhà chuyên môn nên dịch có thể sai.

chấn nhưng không có gì đáng cho chúng ta ngạc nhiên.

Đành rằng máy tính là máy tính, chứ không phải là bộ óc, cơ cấu của nó khác; nhưng chính vì vậy mà nó dùng những cách thức khác ta nên khả năng của nó vượt được trí óc về một số phương diện, và nó có thể tạo ra những cái tựa như ý nghĩ, ý muốn, những phản ứng tựa như xúc động của ta.

Rồi đây người ta sẽ dùng nó mỗi ngày mỗi nhiều, và sự « hợp tác » giữa nó và chúng ta sẽ chặt chẽ tới nỗi như có tình trạng « cộng sinh » (symbiose) với nhau nữa: Có lẽ rồi mỗi nhà sẽ có một cái kệ nối với một công sở chuyên về máy tính (như máy điện thoại ngày nay nối với sở bưu điện); tại sở này có một học thẻ (fichier) cho mỗi nhà; và mỗi người có thể nhờ máy tìm cho những tài liệu mình muốn (tài liệu của riêng mình cũng như của chung mọi người như sách trong thư viện..) nhờ nó giúp mình trong việc học hành. Lúc đó, học đường và khoa sư phạm sẽ thay đổi hẳn.

Như vậy máy tính có thể coi là khí cụ căn bản của vài chục năm tới đây.

2— *Máy tự động.*

Từ lâu rồi, một số máy dùng trong nhà đã biết tự động, như máy điều nhiệt (thermostat). Nhưng mãi gần đây các máy tự động mới phát triển rất mạnh ở Mỹ, làm cho dân Mỹ lo ngại.

Người ta tính phỏng rằng những máy này làm cho mỗi tuần có từ 40.000 tới 50.000 ngàn người mất việc. Trong kỹ nghệ thép, mặc dầu người ta hạn chế sự dùng máy tự động mà từ 1953 đến 1966 đã có 600.000 ngàn người mất việc. Nhưng người ta không biết rằng những người mất việc đó kiếm được dễ dàng công việc khác vì luôn luôn có những công việc mới, do đó mà tỉ số người thất nghiệp ở Mỹ vẫn thấp.

Trong mười năm sắp tới, máy tự động sẽ lan tràn vô nhiều khu vực mới. Chẳng hạn sở bưu điện Mỹ sẽ dùng máy tự động để có thể phân phát thư rất mau: bỏ thư vào thùng hôm nay là ngày mai đã tới tay người nhận rồi, dù người này ở một nơi hẻo lánh nhất trong nước.

Trong gia đình, theo giáo sư cơ giới Meredith Wooldridge Thring ở Đại Học

Queen Mary (Londres) thì trong mười năm, hai mươi năm nữa, sẽ có người máy (robot) làm cho ta những công việc nặng nhọc, (quét nhà, cọ sàn, rửa chén, làm giường v.v...). Mỗi tên người máy đó sẽ nhớ được những lệnh bà chủ nhà ban ra, và làm được năm sáu công việc.

3— *Máy I. B. M* (International Business Machine)

Đương có phong trào sinh viên mình ở ngoại quốc đua nhau học môn Informatique. Khoa Học này mới có độ mười (?) năm nay mà ở Pháp đã có một bộ tự điển gồm 10.000 thuật ngữ riêng cho nó rồi. Đủ biết nó phát triển ra sao.

Nó là khoa dùng các máy I.B.M, mà những máy này có công dụng « ghi nhớ, phân tích và lấy ra các tin tức » để dùng. Information chúng ta dịch là thông tin; informatique chúng ta dịch là gì bây giờ được? Là ghi tin hay dùng tin?

Hiện nay chẳng những việc nghiên cứu trong khoa học, trong kỹ nghệ, thương mại chiến tranh mà ngay cả trong chính trị, người ta cũng đã dùng máy I.B.M., mà nhiều

người gọi tắt là máy điện tử (sự thực nó chỉ là một loại máy điện tử mà thôi).

Theo Ủy Ban, khoảng mười lăm năm nữa, các máy I.B.M. sẽ phát triển ghê gớm. Bất kỳ một sự kiện gì lớn hay nhỏ, công hay tư, chẳng hạn địch đã di chuyển bao nhiêu chiến sĩ về phía nào (1) ; nhà bác học nào đã tìm ra được hoàn thuốc mới nào để ngừa thai ; ông lớn nào đã chuyển bao nhiêu tiền hôm nào qua ngân hàng nào ở Thụy Sĩ, đã nói với «đào» những gì đêm nào, lúc mấy giờ, mấy phút, tại đâu ; ông X có nốt ruồi ở trên má bên nào, vân vân... hết thảy đều sẽ được máy ghi lại, phân loại rồi khi nào ta cần dùng tới thì chỉ bấm một nút là máy «trình» ngay cho ta.

Những máy ấy giúp cho Khoa Học, cho công việc kinh doanh được rất nhiều, nhưng có điểm đáng ngại là chính quyền (hoặc các tổ chức tư) có thể xâm nhập vào đời tư của chúng ta. Chẳng hạn một vị tổng thống nước nào đó, nếu muốn, có thể

(1) Trong trường hợp này máy rất có lợi, nó cho ta biết được ngay một tình trạng nào đó để ta kịp đối phó trước khi tình trạng thay đổi.

đặt nhiều hệ thống dò xét trong gia đình những người đòi lập (1) ; rồi cho máy ghi hết cả lại, để khi nào muốn « hạ » họ thì lấy ra mà dùng. Tiểu bang New York đã dùng thử những máy đó : cảnh sát ghi sổ những xe lên cầu Manhattan ; một máy tính so sánh những sổ ấy với hồ sơ các xe mà cảnh sát đương lùng bắt. Và chiếc xe chưa qua tới đầu cầu bên kia là đã bị « nhận điện », chặn lại rồi !

Khoa Học càng tiến bộ bao nhiêu, chính quyền càng có nhiều phương tiện kiểm soát, đàn áp cá nhân bấy nhiêu, và cá nhân càng biến thành con số không trước quyền lực vô biên của bộ máy cai trị. Nhưng cá nhân cũng có những phương tiện rất tinh vi để ám sát nhà cầm quyền, và nhà cầm quyền nào bây giờ đi đâu cũng phải có những biện pháp bảo vệ rất phức tạp. Cái đẹp của văn minh cơ giới !

-
- (1) Như vụ Watergate, đàn em của Nixon dò thám các hoạt động chính trị của đảng dân chủ đối lập với Nixon, trong vụ bầu cử tổng thống 1972 : thật như nhục cho Mỹ. Vụ ấy vỡ lở, Nixon xin nhận hết trách nhiệm. (K.D bỏ 13 chữ)

4 — *Những tiền bộ của khoa sinh vật học.*

Vấn đề này mới có một tầm quan trọng ghê gớm hơn nữa. Rồi đây, bằng những phương tiện y học, hóa học hoặc sinh vật học, người ta có thể thay đổi sức khỏe, tăng tuổi thọ, điều này rất đáng mừng, mặc dầu khi tuổi thọ trung bình của con người là một trăm rưỡi năm thì sẽ phát sinh rất nhiều vấn đề rắc rối cho xã hội. Đáng lo nhất là người ta có thể thay đổi cả tâm lý, định trước thể chất những đứa bé sẽ ra đời, định trước nên cho chúng sanh hay không, cho chúng là con trai hay con gái, có bộ óc hay bắp thịt vào hạng nào để sau chúng thành nhà bác học hay một lực sĩ.

Nhưng trước hết chúng ta hãy xét những tiền bộ đáng mừng đã. Bệnh đau tim ngày nay hoành hành ở Mỹ: 55 phần trăm người chết là vì đau tim. Rồi đây người ta sẽ kiếm được những thuốc mới, phương pháp mới để trị bệnh đó.

Bệnh cancer trong khoảng ba chục năm nữa cũng giảm được một nửa, nghĩa là số người khỏi bệnh sẽ tăng lên gấp đôi.

Bệnh tê thấp cũng có thể biến mất trước năm 2000.

Người ta hy vọng sẽ kiểm được những chất hóa học để kiểm soát bộ óc, trị một số bệnh điên, chứng mau quên của người già, sự dẫn độn của những đứa trẻ chậm phát triển.

Nhưng người ta có thể dùng kỹ thuật kiểm soát bộ óc ấy vào những mục tiêu không tốt đẹp ; chẳng hạn bắt một kẻ nào đó phải thú những điều xấu họ đã làm, rồi cho hẳn uồng một thứ thuốc, tựa như thứ cháo lú của Diêm Vương, khiến cho họ quên hết đã nói những gì.

Người ta lại có thể « tạo » ra những người rất thông minh và những kẻ rất dẫn độn để chuyên phục vụ, làm nô lệ cho hạng trên. Thê là có hai giai cấp rất cách biệt nhau mà giai cấp sau không bao giờ có ý nghĩ tranh đấu để cải thiện thân phận của mình, vì dĩ nhiên, giai cấp trên nắm trọn bí quyết kiểm soát bộ óc của giai cấp dưới.

— Một tiền bộ « vượt bậc » nữa : chỉ trong mười, mười lăm năm nữa thôi, một bà chủ nhà có thể lại một công sở lựa trong

một dây gói nhỏ (tựa những gói hạt giống bông Đà Lạt ngày nay) một cái thai mới được một ngày đã làm cho đông lại (congelé). Mỗi gói có một cái nhãn cho biết thai chứa ở trong sẽ thành trai hay gái, màu da, mái tóc ra sao, to lớn hay nhỏ bé, thông minh nhiều hay ít, dễ bảo hay không... Mà bảo đảm là không mắc một tật di truyền nào. Trả tiền rồi, bà đem về đưa cho bác sĩ nhờ đặt vào trong tủ cung cho tới khi nó đủ chín tháng mười ngày.

Khi nó lớn lên, thầy nó dễ bảo, nhu mì quá chẳng hạn, thì có thể nhờ bác sĩ chích cho nó những chất hóa học nào đó để nó cương cường lên, có nhiều nam tính hơn.

Có thể rằng Ủy Ban đã hơi hài hước một chút, nhưng họ tuyên bố rằng những chuyện đó có thể xảy ra được, họ cảnh cáo nhân loại phải thận trọng trong vấn đề này, nó có thể gây một cuộc đảo lộn cả trật tự xã hội đầy. Phải kiểm soát việc bán thai đành rồi; nhưng giao cho ai công việc kiểm soát, và kiểm soát theo những tiêu chuẩn nào đây? Nhà bác học Bonner đề nghị thành lập một cơ quan chuyên lãnh việc kiểm soát,

còn theo nhà bác học Simon Ramo thì phải đào tạo một giới thượng lưu gồm các kỹ thuật gia xã hội, được huấn luyện kỹ lưỡng về văn đề, nhưng rồi ông lại bảo: «Tôi không muốn cho một người bà con, bạn bè nào của tôi lãnh trọng trách quyết định trong những việc này». Trách nhiệm ghê gớm quá mà, những người có lương tâm chắc không dám lãnh thì phải vào hạng như Staline hay Hitler. Thật nguy cho nhân loại.

— Văn đề kiểm soát sinh đẻ sẽ được giải quyết một cách hoàn hảo trong mười, mười lăm năm nữa. Lúc đó ai cũng nhận sự hạn chế sinh dục là cần thiết, và khoa học sẽ tìm được những kỹ thuật giản dị, rẻ tiền, tác dụng lâu dài. Hiện người ta đã chế được những hoàn thuốc mà phân lượng rất nhỏ có thể uống hoài hoài mỗi ngày, và «hoàn thuốc sáng hôm sau», để uống một lần một thôi sáng hôm sau đêm giao cầu. Ít năm nữa người ta có thể chích hoặc cấy dưới da chất progestérone, công hiệu có thể từ một năm tới hai mươi năm.

IV DỰ ĐOÁN VỀ CHÍNH TRỊ

Những dự đoán về khoa học, kỹ thuật này đáng tin hơn cả; những dự đoán về xã hội (hậu kỹ nghệ), văn hóa cũng có thể đúng già nữa, còn những dự đoán về chính trị quốc tế dưới đây, theo tôi, chỉ là câu chuyện mạn đàm. Vì về chính trị, như một đại chính trị gia đã nói, cái gì cũng có thể xảy ra được. Không khi nào môn chính trị thành một khoa học được; khi nó thành khoa học thì không còn chính trị nữa. Dĩ nhiên chúng ta có thể rút được nhiều bài học trong lịch sử để đối phó với hoàn cảnh, nhưng không có hoàn cảnh nào giống hoàn cảnh nào, mà biến cố xảy ra nhiều khi rất bất ngờ không ai đoán trước được. Chính Lénine cũng không ngờ cách mạng Nga thành công dễ dàng, đổ rất ít máu như vậy; mà khi quân cách mạng Trung Hoa chiếm được Vũ Xương thì Tôn Văn đang ở bên trời Âu hay Mỹ nào đó.

Ủy Ban biết vậy nên rất thận trọng, đưa ra một dự đoán « không ngạc nhiên » và cả

chục dự đoán khác (họ gọi là scénario) (1), mỗi dự đoán ứng vào một giả thuyết, y như để bủa vây con mồi vậy, mà con mồi vẫn có cách thoát được.

Một sò lớn độc giả sẽ cho phần dự đoán này có tính cách « nói láo mà chơi » và chỉ đáng cho chúng ta « nghe láo chơi »; nhưng xét kỹ thì mười điều Ủy Ban đoán cũng có một hai điều tuy không đúng hẳn chữ cũng dùng được.

Tôi xin lấy thí dụ về chiến tranh Việt Nam. (Tôi nhắc lại sách in ở Mỹ năm 1967 khi Johnson còn cầm quyền.)

Nhận xét tình hình thế giới, Ủy Ban có ba lần nhắc tới Việt Nam. Một lần họ bảo nếu Mỹ thua ở Việt Nam thì phong trào Cộng Sản lại mạnh lên mà Trung Cộng sẽ chỉ huy cuộc cách mạng vô sản thế giới thứ ba. Đó chỉ là một giả thuyết, không phải là một dự đoán, mà cũng chẳng có gì đặc biệt. Một lần nữa, họ lấy chiến tranh Việt Nam làm cái cớ mà xét một thứ chiến tranh hạch

(1) Scénario chính nghĩa là chuyện phim, dàn cảnh.

tâm nho nhỏ giữa Mỹ và Trung Cộng (coi ở sau).

(K.D. bỏ 386 chữ)

CÁC CƯỜNG QUỐC

Đại khái các giả thiết chỉ có giá trị như vậy. Những nhận định của Ủy Ban về vai trò các cường quốc đáng tin được hơn nhiều.

Về Trung Cộng họ bảo :

— Trong mười hay hai chục năm nữa, Trung Cộng vẫn còn yếu (mặc dầu tiền bộ hoài về khí giới hạch tâm), không tàn công Nga, Mỹ được, nhưng Nga, Mỹ cũng nên ngại sức chống đỡ của họ.

— Dân số vĩ đại của họ là một nhược điểm chứ không phải ưu điểm.

— Kinh tế phát triển chậm, tới cuối thế kỷ vẫn còn thua Nam Hàn, Đài Loan, có lẽ thua cả Việt Nam nữa.

— Nhà cầm quyền của họ tuy tự cao tự đại, có nhiều thành kiến, bài ngoại, hung hăng, nhưng «biết điều», không dại gì gây chiến với Nga, Mỹ.

— Dân chúng không chắc đã tuyệt đối phục tùng theo Mao Trạch Đông đâu.

— Trung Cộng giúp các quốc gia nhỏ trong chiến tranh giải phóng nhưng không tận tình, những quốc gia này phải tự lực chiến đấu, đừng quá trông cậy vào họ.

Về Nga :

— Chính quyền sẽ tiếp tục hãm bớt những vụ bắt bớ của công an, mật vụ.

— Cho phép dân chúng ăn nói một phần nào.

— Đảng cộng sản Nga bớt tin sứ mạng làm lịch sử của mình.

— Khối cộng sản cứ tan rã lần lần về phương diện văn hóa, kinh tế, cả về phương diện chính trị nữa.

Về Đức :

— Vẫn còn chia hai, càng ngày Đông Đức càng thành một thực thể tự trị.

— Nga, Mỹ đều lần lần rút bớt quân ra khỏi Đông và Tây Đức.

— Tại các nước khác Âu Châu, người ta ngại sự phục hồi của Tây Đức hơn là sự tấn công của Nga Xô.

— Đông Âu lần lần nhích lại gần Tây Âu hơn là gần Nga, nhất là về phương diện văn hóa, kinh tế.

Về Nhật :

— Trước 1980, Nhật sẽ thành anh khổng lồ Châu Á, cùng với Nga và Mỹ ngăn được những tham vọng của Trung Cộng.

— Nhưng Nhật không muốn mà cũng không có cơ hội bành trướng thành một đế quốc như nửa đầu thế kỷ này nữa.

— Kinh tế của Nhật tiếp tục tiến bộ tới cuối thế kỷ, nhưng nếu vì một lẽ gì đó, kinh tế đó khủng hoảng thì nội chính sẽ thịnh lình quay qua tả hoặc qua hữu.

— Đường lối chính của họ vẫn là « ổn định và tiền triển ».

Ủy Ban cũng xét chung các nước Á Phi kém phát triển và các nước châu Mỹ La Tinh, nhưng không có gì đặc biệt.

V TÌNH HÌNH CHUNG THẾ GIỚI

Ủy Ban tin rằng từ nay tới cuối thế kỷ, các quốc gia cũ sẽ ổn định hơn trong hai

phần ba trước thế kỷ, không có gì xáo động lớn, không có thế chiến thứ ba đâu; nước nào cũng lo phát triển kinh tế, thương mại thôi.

Tuy nhiên Ủy Ban cũng đưa ra tám giả thuyết mà họ gọi là scénario.

A Thẻ giới đoàn kết, hợp tác với nhau.

Hòa bình tương đối, và thịnh vượng, vũ khí bị kiểm soát, các nước lớn nhỏ hỏi ý kiến nhau, cùng nhau giải quyết các vấn đề quan trọng. downloadsachmienphi.com

1 — Nhắm vào sự ổn định và giữ hiện trạng.

2 — Nhắm vào sự phát triển và giúp đỡ lẫn nhau.

B Thẻ giới chia rẽ, có những khôi tự chủ.

Cũng gần yên ổn và thịnh vượng bằng các thẻ giới trên, nhưng không kiểm soát được vũ khí một cách hữu hiệu, không hợp tác, phòh trí với nhau.

3 — Có một phong trào cộng sản suy vi, tan rã.

4 — Có tinh thần dân chủ tan rã, mà Cộng Sản hoạt động mạnh lên.

5 — Có tinh thần dân chủ tan rã nhưng Châu Âu và/hoặc Nhật hoạt động mạnh lên.

C Thê giới hỗn loạn :

Vô trật tự, có bạo động, nhưng không có chiến tranh lớn.

6 — Có một phong trào Cộng Sản tan rã.

7 — Có một phong trào Cộng Sản mạnh lên mà tinh thần dân chủ suy vi.

8 — Châu Âu và/ hoặc Nhật mạnh lên.

Phần này rất dài, không mấy bổ ích, lý thú, nên tôi chỉ xin giới thiệu qua loa «scénario» số 2, lý tưởng nhất. Thật là một thê giới thăng bình, đoàn kết, «bồn bệ đều anh em».

Không chia rẽ, phân biệt các nước giàu và nghèo nữa. Các tổ chức quốc tế về tài chánh, cứu trợ, thương mại, tự vệ càng ngày càng nhiều ; hơn nữa, người ta còn đồng lòng gắng sức với nhau mà thành công được trong việc phát triển thê giới thứ ba (lúc đó sẽ gọi là thê giới thứ nhì).

Trong thê giới đó vẫn còn cộng sản,

nhưng cộng sản không dữ nữa, càng ngày người ta càng coi chề độ ấy là một đường lối canh tân kinh tế, chứ không còn là một chủ nghĩa chính trị, một tín điều nữa. Cộng sản và tư bản chỉ ôn hòa ganh đua nhau về kinh tế, văn hóa thôi. Thế giới thứ ba có rất ít quốc gia thực sự cách mạng; hầu hết «thiên tả ngây thơ» (gauchisme infantile), nhất là những quốc gia nghèo nhất. Trung Cộng vẫn có thể còn xáo động, nhưng đã qua giai đoạn cách mạng hung hăng hiêu chiến rồi, mà muốn sống chung hòa bình với các nước khác, đặc biệt là với Mỹ, Nga vì những lý do thực tế — nhưng vẫn có thể một phần vì lý thuyết.

Cũng có một Liên Hiệp Quốc Tây Âu được vài quốc gia Đông Âu gia nhập. Mỹ, Nga rút hết quân về và vãn để Đức được giải quyết một cách tạm thời. Nga càng ngày càng muốn hợp tác với các nước tân tiền khác; đảng Cộng Sản vẫn cầm quyền nhưng bớt độc tài mà thường hỏi ý kiến của dân hơn.

Có sự tự do mậu dịch và có những thị trường chung Á, Phi, Châu Mỹ La Tinh;

nhờ vậy mà nhiều chương trình phát triển lớn lao sẽ thực hiện được. Nhật Bản sẽ rất tích cực đóng vai trò hướng dẫn và đầu tư trong miền Đông Á. Các nước ở Đông Âu và bờ Bắc Địa Trung Hải không còn nghèo nữa.

Tóm lại là thế giới hợp tác với nhau về kinh tế; chính trị và ý thức hệ đều phụ thuộc vào kinh tế và các giá trị nhân bản.

Nếu các nước phát triển chịu bỏ ra từ 1 tới 3 phần trăm tổng sản lượng quốc gia để giúp các nước kém phát triển mà những nước này khéo dùng số trợ cấp ấy thì chỉ trong khoảng từ mười tới ba mươi lăm năm sẽ rất tần bộ, vì sở dĩ kém phát triển là tại họ không biết dùng vốn đầu tư, chứ không phải thiếu vốn.

CÁC HỆ THỐNG QUỐC TẾ

Sách đề ra một chương dự đoán về «hệ thống quốc tế» (système international).

Ủy Ban đưa ra bảy trường hợp:

1 — Thế giới gồm nhiều khối nhỏ: Bắc Mỹ, Tây Âu, Nga, Phi, Á Rập, Ấn Độ,

Trung Hoa, vân vân... Các quốc gia trong mỗi khối đó cùng theo một chính sách an ninh, kinh tế.

2 — Cộng đồng chủ quyền : Condominium. Nga và Mỹ chia nhau làm chủ thế giới. Cũng có thể có nhiều cộng đồng hơn : ngoài Nga, Mỹ, còn Âu Châu, Trung Hoa, với sự hợp tác của Nhật Bản.

3 — Các cường quốc có thể liên minh với nhau.

4 — Các tiểu quốc có thể liên minh với nhau.

5 — Liên Hiệp Quốc có thể giữ hình thức ngày nay mà phát triển thêm.

6 — Có thể có một chính phủ liên hiệp thế giới, nhưng trường hợp này chỉ xảy ra sau một chiến tranh, một cuộc khủng hoảng làm cho nước nào cũng sợ, thấy cần phải đoàn kết với nhau.

7 — Có thể có một hay nhiều đế quốc nắm hết quyền trên thế giới.

VI CHIẾN TRANH

Chúng ta nên đề ý : trong tám «scéna-

rio» kể trên, Ủy Ban cho rằng sẽ không có chiến tranh lớn.

Nhưng trong một chương khác Ủy Ban vẫn xét những trường hợp có thể có chiến tranh hạch tâm.

Trước hết Ủy Ban đoán rằng có lẽ sẽ có:

— nhiều khi giới hạch tâm mới, có thứ rất rẻ tiền.

— nhiều thứ tia sáng «giết người» mới.

— nhiều kỹ thuật mới về chiến tranh vi trùng, hóa học.

— nhiều kỹ thuật về chiến tranh bí mật.

— những cơ khí «Doomsday» (tận thế?).

— cách khiến cho nước biển dâng lên mạnh.

— cách thay đổi thời tiết.

— nhiều hình thức chiến tranh tâm lý, hoặc cả chiến tranh cân não nữa (làm cho địch hóa điên?) mà rất rẻ tiền.

Nhưng Ủy Ban tin rằng, ít nhất là trong hiện thời, các khí giới ấy càng mạnh bao nhiêu thì thế giới càng hy vọng được hòa bình bấy nhiêu.

Hiện nay năm cường quốc đã có khí giới hạch tâm rồi: Mỹ, Nga, Anh, Pháp,

Trung Cộng ; nước thứ sáu có thể là Israél hoặc Ấn Độ, Tây Đức, Nhật Bản. Mà hễ Nhật có khí giới hạch tâm thì Đức cũng sẽ đòi có cho được ; ngược lại cũng vậy, vì hai nước đó đều là chiến bại, đồng minh cởi mở cho nước này thì phải cởi mở cho nước kia, không thì họ ganh tị nhau.

Và hai nước ấy có khí giới hạch tâm thì Ý, Thụy Điển, Thụy Sĩ cũng nổi gót họ ; rồi tới phiên Úc, Ấn, rồi cuộc tới năm 2000 có thể có 50 nước có khí giới hạch tâm : Argentine, Ba Tây, Mỹ Tây Cơ, Ai Cập, Israél, Pakistan, Indonésie, Ba Lan, Tiệp Khắc, Nam Tư, vân vân... Ủy Ban nhận rằng khí giới hạch tâm mà lan tràn gần khắp thế giới thì có thể tai hại lắm. Và hầu hết ai cũng nghĩ vậy, từ các nhà bác học, các chính trị gia tới người thường ngoài phố.

Nhưng không nhất định rằng hễ mọi nước đua nhau chế tạo thứ khí giới ấy thì há sẽ tiêu diệt nhân loại đâu. Chỉ nói được rằng nhân loại có thể sẽ vì nó mà rồi cuộc bị tiêu diệt.

Các sử gia đều cho rằng có mối liên quan giữa sự kiện đua nhau chế tạo vũ khí

và chiến tranh, sự kiện này là hậu quả của sự kiện trên. Một nhà khoa học, Lewis F. Richardson còn dùng toán học, thông kê để chứng minh điều ấy nữa. Nhưng Ủy Ban bảo có khi người ta đua nhau chế tạo vũ khí mà không xảy ra chiến tranh (rất tiếc Ủy Ban không đưa ra chứng cứ cụ thể); mà cả trong những trường hợp xảy ra chiến tranh thì cũng chưa nhất định sự kiện ấy là nguyên nhân duy nhất của chiến tranh. Sẽ không có kẻ nào mù quáng nhân nút để gây một chiến tranh hạch tâm đâu. Vì bắt buộc dĩ lắm, không thể lùi bước được, vì bị lôi cuốn, mà các quốc gia mới phải dùng thứ khí giới đó.

Với lại sự đua nhau chế tạo vũ khí không tăng hoài tới vô cùng như một đường tròn ốc đâu: hiện nay Mỹ đã giảm ngân sách về quốc phòng rồi, mà Nga cũng vậy. Hình như cả hai đều thấy việc đó tầm rồi.

Nhưng cứ thí dụ rằng Nga nhân nút mà thả bom hạch tâm xuống các thị trấn Mỹ thì hậu quả ra sao? Hậu quả là những nơi bị bom sẽ thành đất hoang nhiễm độc không thể ở được trong gần mười ngàn năm vì những chất carbone 14, strontium 90, cae-

sium 137 sẽ phóng xạ trường kỳ. Dù Nga, Mỹ có phòng vệ trước thì mỗi nước cũng sẽ mất từ 2 tới 150 triệu người, và những kẻ sống sót phải mất từ 5 tới 20 năm mới khôi phục lại được mức sống trước khi có chiến tranh.

Mà chẳng phải chỉ riêng hai nước đó bị tàn phá, cả thế giới sẽ bị họa lây nữa vì họ có đủ bom để tấn công nhau ở mọi nơi. Tuy nhiên vẫn có vài miền không bị gì cả, ngoài tác động của các chất phóng xạ. Vậy nhân loại sẽ không bị tiêu diệt.

Nhưng có điều quan trọng này cần phải xét : tinh thần những kẻ sống sót sẽ ra sao ? Cái đó còn tùy chiến tranh phát sinh trong hoàn cảnh nào, do những nguyên nhân nào, rồi chấm dứt hay tạm chấm dứt cách nào, nên không thể đoán trước được.

MỘT CHIẾN TRANH HẠCH TÂM NHO NHỎ

Trường hợp hai anh khổng lồ trút hết cả hồ lô hạch tâm ra để hạ nhau khó xảy ra lắm, còn những chiến tranh hạch tâm nho

nhỏ thì có thể xảy ra được. Ủy Ban lấy Việt Nam làm thí dụ.

Mỹ nổi quạu, xâm lăng Bắc Việt, đổ bộ ở Vinh để cắt đường mòn Hồ Chí Minh, chiếm một khu đất mà bắt Bắc Việt phải điều đình...

Trung Cộng can thiệp, gọi quân tình nguyện qua giúp Bắc Việt đuổi Mỹ đi. Mỹ trả đũa, dùng những khí giới thường, không phải hạch tâm mà tấn công những căn cứ quân sự và nhà máy nguyên tử lực của Trung Cộng. Nga can thiệp mạnh mẽ trên phương diện ngoại giao, Mỹ cứ phớt tỉnh, Đệ Thất Hạm Đội vẫn tiếp tục tàn phá miền duyên hải Trung Cộng. Trung Cộng quá tin rằng Nga không bỏ rơi đồng chí, dùng khí giới hạch tâm nhẹ tấn công hạm đội Mỹ như để tượng trưng thôi, và đánh đắm hai hàng không mẫu hạm Mỹ. Trung Cộng bảo vì tự vệ mà phải leo thang như vậy, và dọa nếu Mỹ trả đũa thì một mặt Trung Cộng sẽ dội bom xuống đất Mỹ và các căn cứ Mỹ ở Á, một mặt kêu gọi thế giới thứ ba.

Tức thì Nga cũng một mặt lên án Trung Cộng, một mặt cương quyết cảnh

cáo Mỹ đừng leo thang bằng khí giới hạch tâm : Nga sẽ sát cánh với Trung Cộng. Nhưng Mỹ cũng làm nổ hai trái bom hạch tâm nhỏ trên không phận hai căn cứ quân sự Trung Cộng. Trung Cộng bèn thả liền một trái bom hạch tâm xuống một phi trường ở Đài Loan.

Pháp, Anh, Lỗ Ma Ni đề nghị hai bên ngưng chiến, và tình nguyện đứng ra hòa giải Nga, Hoa, Mỹ. Nga, Hoa bằng lòng, Mỹ không chịu, tấn công mạnh mẽ các căn cứ Trung Cộng, nhưng bằng những khí giới thường thôi, và tuyên bố sẽ giúp đỡ mạnh mẽ chính quyền Đài Loan cả về phương diện kinh tế và vũ bị.

Vậy là Mỹ đã thua Trung Cộng như Nga trước kia thua Mỹ ở Cuba. Thề giới không ngờ Mỹ lại phản kháng yếu ớt như vậy.

Mà độc giả chắc cũng như tôi, không hiểu tại sao Ủy Ban năm 2000 gồm toàn những nhà bác học Mỹ lại cho chính quyền Mỹ đóng một vai trò chẳng đẹp đẽ gì như vậy.

VII ÁC MỘNG CỦA THẾ KỶ XXI

Tuy nhan đề sách là *Năm 2000*, Ủy Ban cũng dự đoán cả thế kỷ XXI, nhưng chỉ dự đoán những nguyên có thôi, cơ hồ như để cảnh cáo chúng ta.

Có nhiều nguy cơ : kinh tế có thể bị khủng hoảng nặng như hồi 1930, hoặc ngưng trệ ; các quốc gia Tây Âu có thể liên hiệp về kinh tế và một bọn kỹ phiệt — technocrate — lên cầm quyền sau khi lật đổ các chính khách nhà nghề, dùng một chính sách độc tài sáng suốt chống lại cả Nga lẫn Mỹ ; hoặc quần chúng vì bất mãn mà theo những phong trào mới về tôn giáo, tin rằng sẽ có Chúa Cứu Thế ra đời... Nhưng đáng gọi là « ác mộng » thì tôi chỉ thấy có hậu quả này của sự tiến bộ về khoa học, kỹ thuật : chính quyền nào cũng có thể kiểm soát từng cử động trong đời tư của cá nhân, như Aldous Huxley và George Orwell đã tiên đoán.

Ngay bây giờ người ta đã có thể ghi những rung động trên tâm kính cửa sổ mà biết được chúng ta nói chuyện gì với nhau

trong phòng kín ; người ta lại từ xa chụp được các tài liệu qua cửa sổ. Các máy ti vi để kiểm soát từ trong hay từ ngoài sẽ được phổ biến vì giá rẻ. Như trên chúng tôi đã nói, người ta có thể dùng máy điện tử (ordinateur) mà nhận diện chúng ta trong vài giây. Vào khoảng năm 2000, người ta có thể kiểm soát được mỗi hành động, mỗi lời nói của bất kỳ ai. Lúc đó có lẽ chỉ những kẻ tị phú mới có tiền hồi lộ các công chức để khỏi bị dò xét. Kẻ nào ít tiền đành phải dùng mặt hiệu để tránh được nạn đó, mà cũng chưa chắc.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Về phương diện khác, y học sẽ thay được các bộ phận trong cơ thể và gây nhiều vấn đề rắc rối về pháp luật : ví dụ một người đã thay bộ óc bằng một máy điện tử hay một bộ óc khác, sẽ còn chịu trách nhiệm về các hành động của họ nữa không ?

Khi dân số đông quá, có nạn nhân mãn, chắc chính quyền sẽ phải kiểm soát từng người, cho sanh đẻ thêm không hay phải ngưng lại, được sống trên một tuổi nào đó không, mà nếu không thì thủ tiêu bằng cách

nào? Hậu quả của những « tiên bộ » khoa học đó thật ghê gớm quá.

Người ta lại thay đổi được cá tính mỗi người có thể ở xa mà kích thích các hạch nội tuyến của ta hoặc « tiêm » cho ta một kích thích tố nào đó, bằng làn sóng điện hoặc siêu thanh. Chính quyền nào dù « độc tài một cách nhân từ » cũng sẽ dùng những phương pháp ấy. Trước kia Nga đã đưa một số nhà văn của họ vô dưỡng trí viện, mà Mỹ cũng viện lẽ nhân từ mà hành động như vậy với Ezra Pound. Lần lần người ta sẽ cho những cách đó là hợp pháp, chính đáng.

Qua thế kỷ sau, khoa học có thể tạo được con người trong phòng thí nghiệm; hạng người nhân tạo ấy có được hưởng những quyền như những người « trời sinh » không? Vấn đề đó cũng gây nhiều rắc rối lắm.

Các lực sĩ cũng có thể nhân tạo được lắm, và họ nhất định là thắng hạng lực sĩ thiên tạo. Như vậy loài người còn tin ở mình nữa không? Lúc đó đủ thứ tôn giáo kỳ cục sẽ xuất hiện để răn giải thích lại vũ trụ, chắc là công toi. Chắc sẽ có hai phe:

phe đề cao con người, mặt sát khoa học, và phe mặt sát con người mà đề cao khoa học.

Nhưng sẽ không còn những vụ xuống đường, phản kháng lộn xộn nữa vì con người bị các máy điện tử kiểm soát chặt chẽ rồi, thành nô lệ hết rồi. Cũng hết luôn vấn đề kiểm duyệt báo chí, sách vở. Chẳng ai đòi hỏi tự do ngôn luận nữa. Một thế giới như vậy chẳng ổn định thanh bình rất mực sao? Ủy Ban còn muốn gì nữa mà gọi là những « ác mộng của thế kỷ XXI »? Những bạn nào hiện nay dưới ba chục tuổi chắc hẳn sẽ được thấy thế giới kỳ dị ấy, tôi xin có lời mừng trước các bạn.

Saigon ngày.

Nguyễn Hiền Lê

BỐN THỜI ĐẠI CỦA NHÂN LOẠI

Nghiên cứu lịch trình tiến hóa của nhân loại, người ta phải chia thành nhiều thời đại cho dễ nhận định và trình bày. Có nhiều cách phân chia. Thông dụng nhất là cách của các sử gia. Họ phân biệt thời tiền sử

gồm các thời đại đá đập, đá mài, kim thuộc, và thời hữu sử gồm các thời đại thượng cổ, trung cổ, cận đại và hiện đại. Cách ấy căn cứ vào những biến cố lớn của Tây Phương (chẳng hạn thời hiện đại bắt đầu từ cuộc cách mạng Pháp 1789), không thể áp dụng cho khắp thế giới được, nhưng vì văn minh Phương Tây đã lan tràn mọi nơi nên các dân tộc khác cũng theo lối phân chia của họ — cũng như bắt chước dùng kỷ nguyên Ki Tô — cho tiện.

Một cách nữa, không thông dụng, do Auguste Comte (1) đề nghị, căn cứ trên sự tiến hóa của triết lý. Ông nhận thấy rằng trong suốt lịch sử, loài người luôn luôn gắng sức tìm hiểu và giải thích vũ trụ chung quanh, và đã có ba thái độ như sau: — thái độ thần luận, việc gì cũng giảng bằng ý muốn của thần linh; — thái độ siêu hình, giảng vũ trụ bằng những thực thể siêu hình,

(1) Nhà bác học Pháp (1798—1857) sáng lập môn xã hội học hiện đại.

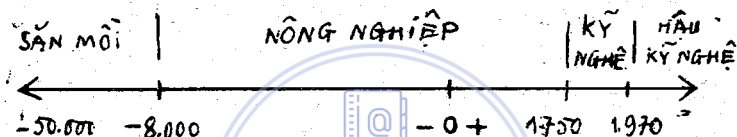
và đưa ra những qui tắc tiên nghiệm như đạo đức, tự do, vân vân; — sau cùng là thái độ thực nghiệm, muốn dùng những nhận xét khoa học mà giảng mọi hiện tượng, cả một số biên cở nữa.

Cách mới mẻ nhất và ngày nay được nhiều người theo nhất — từ các nhà xã hội học, sử học tới các nhà khoa học — là cách căn cứ trên các phương tiện sản xuất mà phân biệt bốn thời đại: săn mồi, nông nghiệp (cũng gọi là tiền kỹ nghệ), kỹ nghệ và hậu kỹ nghệ.

Chưa ai biết chắc được nhân loại xuất hiện từ thời nào. Các nhà bác học chỉ đoán phỏng chừng rằng trẻ nhất là cách đây 500.000 năm, sớm nhất là một triệu rưỡi năm. Họ lại đoán rằng nông nghiệp xuất hiện cách đây khoảng mười ngàn năm, tức trước Tây Lịch khoảng tám ngàn năm. Kỹ nghệ thì như mọi người đều biết xuất hiện trong hậu bán thế kỷ XVIII. Hiện nay Mỹ và vài nước Châu Âu đang bước vào thời hậu kỹ nghệ (post-industriel) vì các máy điện tử đang gây một cuộc cách mạng lớn hơn cuộc cách mạng kỹ nghệ nữa, khiến cho xã hội khác

hần xã hội kỹ nghệ cũng như xã hội kỹ nghệ khác hẳn xã hội nông nghiệp. Do lẽ đó, một nhà bác học, Zbigniew Brzezinski, còn gọi cuộc cách mạng này là cuộc cách mạng « kỹ nghệ điện tử » (technétronique) và thời hậu kỹ nghệ cũng gọi là thời « kỹ nghệ điện tử ».

Đây là đồ biểu của bốn thời đại :



Sự cảm môt trên chỉ để dễ thấy, chứ sự thực ngay trong một quốc gia, thành thị đã kỹ nghệ hóa, thị dân đã sống trong xã hội kỹ nghệ, mà nông dân nhiều miền hẻo lánh vẫn còn rất lạc hậu, sống y như tổ tiên họ thời nông nghiệp (1), cho nên có người đã bảo thời này hễ ai sống 60 tuổi thì được thấy ba xã hội, ba thế giới : thế giới nông nghiệp, thế giới kỹ nghệ và thế giới hậu kỹ nghệ. Ở Việt Nam, những ai hiện nay trên ngũ tuần tât được thấy xã

(1) Tại vài xứ ở Úc, Phi Châu, có những bộ lạc sống như thời đại săn mồi.

hội nông nghiệp ở thôn quê thời tiền chiến : cày bằng trâu, tát nước bằng gàu, bón ruộng bằng phân người hay phân xanh...; xã hội kỹ nghệ ở đô thị hiện nay như Sài Gòn, Biên Hòa..., và độ mười năm nữa, khi tới lục tuần, có thể đọc sách báo hay đi du lịch qua Mỹ, Gia Nã Đại, Tây Âu mà biết được xã hội hậu kỹ nghệ ở Phương Tây, nếu lại thọ được tới cuối thế kỷ, thì chưa biết chừng sẽ thấy xã hội đó ngay trên đất Việt mình nữa.

Coi đồ biểu trên, chúng ta thấy sự tiến hóa của nhân loại trong hai trăm năm nay theo một tốc độ gia tăng ghê gớm : suốt trong 500.000 năm, xã hội không thay đổi gì cả, rồi tới xã hội nông nghiệp ổn định được trong 10.000 năm, kể đó xã hội kỹ nghệ mới thành hình trong khoảng trăm rưỡi năm thì đã thay đổi rồi ; bây giờ đây, theo một số nhà bác học, chỉ trong ba chục năm, bộ mặt và tổ chức xã hội sẽ đổi hẳn một lần nữa. Không biết trong vài ba trăm năm nữa, loài người sẽ tiến tới đâu ; không một bộ óc nào tưởng tượng nổi một tương lai quá năm chục năm hay một thế kỷ. Nghĩ tới chúng

ta vừa thấy ngợp vừa lo ngại : một đời người mà thấy ba cuộc cách mạng xã hội, phải thích ứng với ba xã hội hoàn toàn khác nhau. Đây là cái kỷ nguyên nhân nhả, hưởng lạc mà hai ba chục năm trước các nhà khoa học đưa ra như một điệp khúc để cho chúng ta tràn trề hy vọng.

Dưới đây tôi sẽ ghi những đặc điểm của bốn thời đại (săn mồi, nông nghiệp, kỹ nghệ, hậu kỹ nghệ) để độc giả dễ so sánh, may ra rút được một luật nào trong sự tiến hóa, hoặc hơn nữa, một triết lý nào về nhân sinh.

Những đặc điểm ấy, tôi sẽ chia như Will Durant trong bộ *Lịch Sử Văn Minh* làm bốn loại : kinh tế, xã hội và chính trị, luân lý, tinh thần. Cách phân loại nào cũng gò bó, không đúng, chẳng hạn đặc điểm giáo dục mà tôi cho vào loại tinh thần, có thể sắp vào luân lý; còn như tổ chức gia đình cho vào mục xã hội thì rất hợp lý, nhưng chúng ta cũng đừng nên quên rằng nó liên quan mật thiết với luân lý, đạo đức.

I THỜI ĐẠI SĂN MỒI

Thời đại này hoàn toàn khuyết sử, mà các công trình khai quật của các nhà khảo cổ cũng chưa cho ta biết được gì. Chúng ta chỉ còn trông vào các nhà nhân chủng học; họ nhận xét một số rất ít dân tộc hiện còn sống bằng săn mồi và hái trái cây trong những rừng núi hẻo lánh nhất của Phi Châu, Mỹ Châu mà đưa ra một số giả thuyết dưới đây.

a) — *Kinh tế*

Trên mười ngàn năm trước, nhân loại chưa biết trồng trọt, chỉ sống nhờ săn thú, bắt cá và hái trái cây trong rừng. Họ sống trong hang, mới đầu hoàn toàn khóa thân, sau mới lấy da thú hay sợi cây mà trang sức cơ thể hơn là để che thân. Chín mươi chín phần trăm hoạt động của họ chỉ nhằm vào việc kiếm ăn, còn một phần trăm kia để tạo những khí giới như mũi nhọn, dao, búa bằng đá mà mục đích cũng là dùng trong việc kiếm ăn nữa. Vậy có thể nói hoạt động của họ hoàn toàn thuộc về sơ đẳng (kiếm thức ăn). Một số nhà bác học căn cứ vào mật độ

nhân sò các bộ lạc hiện nay sống bằng săn mồi, rồi tính cho toàn thể thế giới, và thấy rằng cuối thời đại săn mồi, nhân sò trên địa cầu được khoảng năm triệu.

Mỗi bộ lạc chiếm một khu rừng, một cánh đồng cỏ, một dòng sông; mỗi người thường đi săn riêng, đôi khi họ có thể tổ chức đi săn chung để vây bắt một bầy thú; trong trường hợp sau, mỗi bắt được, thuộc của chung, và chế độ cộng sản nguyên thủy có thể chỉ là cộng sản về thức ăn. Chưa có cộng sản về đất đai, vì họ chưa trồng trọt, chưa định cư, hễ khu họ ở hết mồi thì họ dắt nhau đi chỗ khác, hoặc phân tán mỗi nhóm nhỏ đi mỗi nơi.

b) — *Xã hội*

Theo Will Durant, loài người có bản tính « phản xã hội » (antisocial). Người đàn ông thời nguyên thủy không thích hợp tác với đồng loại, mà bắt đắ dĩ mới phải hợp tác chẳng hạn để săn mồi chung hoặc chồng một bộ lạc khác lại chiếm khu có mồi của họ. Ngay ngày nay, người dân xứ nào cũng không thích đóng góp cho quốc gia và chỉ

mong có một chính quyền càng ít can thiệp vào đời tư càng tốt.

Thời đại săn mồi, không có chính quyền. Khi nào cần hợp tác với nhau thì bộ lạc lựa một người mạnh nhất, có kinh nghiệm nhất để chỉ huy, cùng nhau đặt ra một số qui tắc, điều lệ để cùng theo; công việc xong rồi, không cần hợp tác nữa, thì viên chỉ huy mất quyền, mỗi người lại sống đời tư của mình. Ngày nay ta còn thấy một số bộ lạc Châu Phi và Châu Úc không chấp nhận một tổ chức chánh trị nào cả, không có thủ lãnh, không có luật lệ.

Họ sống thành gia đình, thị tộc. Gia đình trong xã hội săn mồi là gia đình mẫu hệ: người mẹ săn sóc con cái, người cha chẳng biết gì tới con. Họ không biết rằng cái thai là do tinh trùng của đàn ông hợp với một cái noãn của đàn bà mà thành, họ bảo đàn bà mang thai vì một thần linh hay ma quỷ đã nhập vô được thân thể người đàn bà, nhất là trong khi người đàn bà tắm. Cho nên hiện nay một người đàn bà đảo Trobriand muồn tránh có thai thì chỉ tránh tắm khi nước biển dâng mà vẫn ăn nằm với đàn ông.

Xã hội thời đó có tính cách bất an toàn: luôn luôn phải chông với thú dữ, với các bộ lạc khác; thức ăn hoàn toàn trông vào thiên nhiên, cứ ở một chỗ ít lâu lại dời đi chỗ khác.

c) — *Luân lý.*

Săn mồi bằng những khí giới thô sơ, là một cuộc chiến đấu cực kỳ gay go, cho nên hiền chiến, hung hăng, tàn bạo là một đức quý.

Mỗi không phải lúc nào cũng có để săn, mà săn chưa chắc là đã bắt được, cho nên bắt được con nào, họ ăn cho tới căng bụng, không còn chứa được nữa mới thôi: có cách nào giữ gìn, để dành được đâu, chỉ một hai ngày là thịt hư thối hết. Do đó họ sinh ra háu ăn, không tiết kiệm, không biết lo xa. Những bộ lạc Da Đỏ lạc hậu nhất Châu Mỹ cho rằng để dành thức ăn đến hôm sau là một thói dè tiện. Ăn không hết thì họ gặp bất kỳ ai cũng đem cho. Háu ăn, không lo xa cũng lại là những đức quý nữa. Họ không ích kỷ, có thể nói là họ hiền khách nữa.

Chưa có chế độ hôn nhân. Trai gái tự

do ăn nằm với nhau ; có nên gọi như vậy là chế độ cộng thể, cộng phu không ? Tại bộ lạc Orang Sakai ở Malacca, một thiếu nữ ăn ở với một người đàn ông nào đó ít lâu, rồi tới ở với một người đàn ông khác, cho tới khi hết một vòng trong bộ lạc rồi trở lại với người đầu tiên. Lại có trường hợp hôn nhân thử nữa như các bộ lạc Yakoute ở Sibérie, Botocudo ở Nam Phi : một cặp ăn ở với nhau, rồi muốn chia tay nhau lúc nào tùy ý, chẳng cần có lý do gì cả.

Như vậy, không có ý niệm về trinh tiết, mà nhiều bộ lạc sống hoàn toàn lửa lỗ, không chút gì hổ thẹn. Có khi họ giao cầu ở giữa đám đông nữa.

Tôn giáo thời đó cũng chưa có. Vài bộ lạc Pygmée ở Trung Phi chẳng thờ phụng gì cả ; có người chết thì họ đem chôn, không tề lễ, rồi thôi không nghĩ tới. Một du khách hỏi người Veddah ở đảo Tích Lan có tin ở Thượng Đế không. Họ đáp : « Thượng Đế ở đâu ? Trên ngọn núi, ngọn cây hay trên một ô môi ? Tôi chưa bao giờ thấy Thượng Đế cả »

Rồi sau họ mới tin trong vũ trụ có rất

nhiều quý thần : thần mặt trời, mặt trăng, thần núi, thần sông, mỗi cây cũng có một vị thần, mỗi thú vật cũng có « chứa một vị thần » nữa. Họ lựa một cây hoặc một loài vật làm « vật tổ ». Ngày nay tại những nước văn minh nhất cũng vẫn còn dấu vết của tín ngưỡng đó : như người Nhật tin rằng họ là con cháu của Thần Mặt Trời.

Tóm lại, từ vô thần giáo, con người sơ khai tiến tới đa thần giáo.

d) — *Tinh thần*

Sự giáo dục rất sơ sài. Trẻ sống với mẹ hoặc với cha mẹ, bắt chước lời sống của người lớn ; khoảng mười hai mười ba tuổi, chúng biết săn mồi, bắt cá, hái trái rừng rổi, ra ở riêng được rổi. Họ lập gia đình, sanh con, khi con ra ở riêng được thì họ đã già, vì thời đó tuổi thọ trung bình là hai mươi lăm : họ dễ chết lắm, bị bệnh mà chết hoặc bị thú rừng, rắn độc cắn, hoặc bị tai nạn mà chết.

Nhưng họ cũng đã có óc nghệ thuật : biết kiếm đất màu sơn mình cho đẹp hoặc cho có vẻ hung dữ mà kẻ địch phải sợ ; biết

vẽ hình những con mồi (hươu, nai, voi, lợn rừng...) trên vách hang, và biết vũ như chúng ta ngày nay nữa.

II THỜI ĐẠI NÔNG NGHIỆP

Từ sản mồi tiên lên trồng trọt, nhân loại đã làm một cuộc cách mạng vĩ đại về mọi phương diện. Đời sống nhân loại thay đổi hẳn từ đó mà thành văn minh. Vì thiếu tài liệu lịch sử, chúng ta khó tưởng tượng được những xáo trộn xã hội trong thời đó ra sao ; chắc chắn hậu quả của cuộc cách mạng ấy lớn lao không kém cuộc cách mạng kỹ nghệ sau này, nhưng nó xảy ra từ từ hơn, lâu hơn mà lan tràn trên địa cầu cũng chậm hơn.

a) — *Kinh tế.*

Người Trung Hoa cho rằng vua Thần Nông đã dạy dân nghề làm ruộng. Đó chỉ là một huyền thoại. Canh nông cũng như mục súc, dệt vải, tạo ra chữ viết... không thể là công trình của một người.

Chúng ta vẫn chưa biết đích xác được

nguồn gốc canh nông ra sao, chỉ có thể đặt giả thuyết rằng người sơ khai trong khi hái trái rừng đem về hang, đánh rớt hạt ở dọc đường, những hạt này ít lâu sau nảy mầm, thành cây rồi có trái; do đó họ nảy ra ý gieo hạt. Và những người đầu tiên có công với canh nông không phải là đàn ông mà là đàn bà. Trong khi đàn ông đi săn, đàn bà ở nhà rắc đại các hạt chung quanh chòi, hạt loại này lẫn với hạt loại khác; lần lần họ tiên bộ, biết lấy cây nhọn thọc xuống đất, rắc các hạt cùng một loại vào chung một khu riêng: họ đã phát minh ra canh nông. Họ cũng nuôi một ít gia súc: chó, heo, dê, cừu, bò.. và từ đây đời sống của loài người gần được bảo đảm, không phải hoàn toàn trông vào sự may rủi để có thức ăn nữa.

Nhờ vậy nhân số trên địa cầu tăng lên mạnh, trước kia không vượt được số 5 triệu, thì bây giờ tăng đều đều, chưa đầy mười ngàn năm sau (từ — 8.000 tới + 1650) lên được nửa tỉ, rồi lên được một tỉ (+1850).

Canh nông gây cho nhân loại ý niệm tư sản: đất đai trước là của chung bộ lạc, sau thành của riêng của gia đình, người nào

siêng năng, tài giỏi, khai phá được nhiều thì được hưởng nhiều. Nó cũng tạo nên chế độ nô lệ : thời săn mồi, công việc ở nhà không có gì, đàn bà làm được hết ; bây giờ phải khai phá, cuốc đất, gieo giống, gặt hái, phải có người để sai bảo. Bắt được quân địch, người ta không ăn thịt hoặc giết lấy sọ treo trong nhà nữa, mà dẫn về làm nô lệ, như vậy có lợi hơn ; cũng như ngày nay chúng ta không gỡ hết các xưởng máy của địch đem về nước mình mà cứ để cho họ giữ và sản xuất để nộp thuế (tức tiền bồi thường chiến tranh) cho ta.

Nhờ canh nông và mục súc, và nhờ chế độ nô lệ, một số người có thể ở không mà cũng có ăn ; họ ngồi buồn hoặc chế tạo các dụng cụ, hoặc vẽ, hát, « làm nghệ thuật », dạy bảo trẻ em. Nhưng những hoạt động sơ đẳng (ngành nông) vẫn chiếm đại đa số : 80 phần trăm số người hoạt động ; hoạt động nhị đẳng (tiểu công nghệ, kỹ nghệ) chỉ chiếm độ 10 phần trăm ; hoạt động tam đẳng (dịch vụ : buôn bán, chuyên chở, cai trị, giáo dục, nghệ thuật...) cũng chiếm

khoảng 10 phần trăm vào lúc thịnh thời của nông nghiệp.

b)— *Xã hội, chính trị.*

Làng xóm, rồi quốc gia qua thời đại này mới xuất hiện. Lần lần một số dân không làm nghề nông mà làm các hoạt động nhị đẳng, tam đẳng rời làng mà tụ họp nhau một nơi, lập nên một thị trấn.

Đất đai là nguồn gốc của dân tộc, mà quốc gia có nhiệm vụ bảo vệ đất đai, nên người ta un đúc tinh thần quốc gia trong lòng mỗi người dân.

Mới đầu kẻ cầm quyền cũng vẫn là người tài giỏi nhất, có kinh nghiệm nhất, được dân bầu lên. Nhưng có lẽ vì tinh thần tư hữu chung của thời đại, bọn cầm quyền cho địa vị chí tôn và quốc gia là của riêng, nên chết rồi truyền lại cho con cháu. Do đó có chế độ quân chủ, chế độ quý tộc.

Có lúa gạo, heo gà chung quanh nhà rồi, người đàn ông khỏi phải đi săn nữa, ở nhà coi việc nhà và chiêm lần lần quyền hành của đàn bà, vì mạnh khỏe hơn, giỏi giang hơn trong mọi việc nặng nhọc. Gia đình

mẫu hệ thành gia đình phụ hệ. Dĩ nhiên thời nào cũng vậy người đàn bà tài giỏi vẫn nắm được quyền hành mà người đàn bà đẹp dễ vẫn dễ xỏ mũi ông chồng, còn bà nào lắm mồm thì dầu đèn thần linh cũng phải sợ, nhưng xét chung, thời đại nông nghiệp là thời đại chồng chúa, vợ tôi, nói văn vẻ hơn thì là phu xướng phụ tùy. Nhiều dân tộc Phi Châu ngày nay còn bán phụ nữ làm nô lệ; người đàn ông có được nhiều người đàn bà là có nhiều nô lệ, là giàu có, bắt đàn bà phụng sự, mà ngồi không hưởng lạc. Ở Ấn Độ thời cổ, khi để lại gia tài, người ta tính đàn bà chung với các gia súc. Ngay Trung Hoa đời Đường, ông lớn nào cũng nuôi nhiều nô tì mỹ miều, có thể tặng một nàng cho một ông khách quý nào đó; còn vì nghèo mà bán vợ thì là chuyện thường, có khi thua bạc, người ta cũng bán vợ để trừ nợ.

Người ta đã bán vợ, lại còn đợ con nữa; vì con cũng là một thứ nô lệ. Sáu bảy tuổi chúng có thể giúp việc trong nhà được rồi, lớn thêm ít tuổi nữa, chúng sẽ chăn trâu, phơi lúa, xách nước, giã gạo, cấy

ruộng... Người nào có nhiều con cũng là người giàu, cho nên mới có thành ngữ : giàu con như giàu của ; mà có nhiều con trai là một trong « tam đa » (đa nam, đa phúc, đa thọ).

Gia đình nào có nhiều đất cát, nhiều người là gia đình đó có uy quyền, được trọng vọng : muốn vậy, phải sống chung, cấy cây chung, mà ngũ đại đồng đường là một phước lớn.

Khác hẳn với thời trước, xã hội thời đại nông nghiệp này rất ổn cò, vững vàng, có tính cách thủ cựu.

c) — *Luân lý.*

Thời trước hiền chiên là một đức tốt ; thời này đức đó thành tật xấu. Dân tộc nào sống bằng nông nghiệp cũng hiền hòa ; những dân tộc du mục mới hiền chiên và lâu lâu lại xâm chiếm những cánh đồng mơn mơn của các láng giềng nông nghiệp, như các rợ Hồ, Kim, Liêu... xâm chiếm Trung Hoa thời Tống, Minh, mà thành lập những triều Nguyên, Thanh.

Thời trước lo xa, tiết kiệm là những tật bị ối, thì bây giờ thành những đức quý.

Thức ăn lúc nào cũng có sẵn trong lẫm, trong chuồng rồi, người ta không cần phải ăn no đến nứt bụng ra nữa, mà có thể để dành tới tuần sau, tháng sau, năm sau. Cho nên có người đã bảo : « Mỗi ngày ăn ba bữa là một chế độ rất tiên bộ. Con người đã man hoặc ăn tới căng bụng, hoặc nhịn đói ».

Từ khi có tư sản, người đàn ông chủ gia đình không muốn sau này gia sản thuộc về một đứa con không phải là huyết thống của mình, cho nên để cao tiết hạnh của đàn bà, mà màng trinh mới thành vật quý giá nhất của thiếu nữ, sự hồ thẹn mới thành nét yêu kiều nhất của họ. Cũng từ đó, họ bị cột chặt vào luật tam tòng; còn con cái thì phải coi chữ hiếu là trọng : đức hiếu thành nguồn gốc của mọi đức khác, như đức trung, nghĩa chẳng hạn.

Về tôn giáo, từ đa thần người ta lần lần tiến lên nhất thần : Thượng Đế sinh ra vạn vật, nuôi sống vạn vật, nên được coi là vị thần tối cao. Tuy nhiên nhất thần giáo nào lần lần cũng biến thành một thứ đa thần giáo trá hình : vì dưới vị Chí Tôn, còn nhiều

thần thánh nho nhỏ giúp Ngài, trong mọi việc nữa.

Sự thờ cúng tổ tiên xuất hiện có lẽ từ lâu lắm, từ thời đại trước, vì người thời nào cũng mê thầy người đã chết hiện về thì cũng hoảng sợ, tưởng mình bị quây phá bị trách móc. Nhưng tới khi nông nghiệp thịnh, chế độ đại gia đình thật phát triển, đức hiệu được đề cao, thì sự thờ phụng tổ tiên mới phổ biến nhất, có tính cách thành kính, trang nghiêm nhất.

Xét chung thời đại sẵn mới là thời đại của mê tín, qua thời đại nông nghiệp, tôn giáo mới mạnh nhất, có những nghi lễ rục rờ nhất, một tổ chức chặt chẽ nhất.

d)— *Tinh thần.*

Tri thức của loài người thời này đã rất tiên bộ, ngôn ngữ đã thành một dụng cụ sắc bén, tế nhị; loài người thầy cán và có thể truyền cho thế hệ sau nhiều kinh nghiệm của mình, nên giáo dục rất phát triển. Vì là một xã hội thủ cựu, người ta chỉ dạy trẻ lịch sử của bộ lạc, gia đình, quốc gia, cách cư xử cho nên người, và những kiên thức thiết

thực cho đời sống. Một người có thể học được nhiều nghề, nên sự học chuyên môn chưa cần thiết. Trung Hoa có câu: «Nho khả bách vi»: nhà Nho có thể làm được trăm việc, dạy học, làm quan, làm thầy lang, thầy tướng số, làm ruộng cũng được nữa.

Văn chương, nghệ thuật càng ngày càng tiến, xét chung thì có tính cách cổ điển: nghiêm trang, theo những qui luật, qui ước chặt chẽ, ca tụng thiên nhiên, những môi tình đẹp và cảnh nhân, để cho hạng quý phái thưởng thức.

III THỜI ĐẠI KỶ NGHỆ

Như trên tôi đã nói, nông nghiệp xuất hiện cách đây khoảng mười ngàn năm; mới đầu chắc chỉ ở một số khu vực nhỏ nhỏ nào đó, không biết mấy ngàn năm sau mới lan tràn gần khắp thế giới. Hiện nay vẫn còn một số bộ lạc chưa biết trồng trọt, vẫn sống như người thời sơ khai: săn bắn, câu cá, hái trái rừng.

Cho tới cuối thế kỷ XVIII, xã hội Phương Đông và Phương Tây đều là xã hội

nông nghiệp, có những nét y như nhau : đất phì nhiêu khai thác gần hết rồi, phương pháp trồng trọt không cải tiến bao nhiêu, mà dân số tăng lên nhiều, nên mức sống thấp kém, thô sơ, hồi trẻ ít người được đi học, lớn lên ít ai ra khỏi làng, trí thức hẹp hòi, không có tinh thần chiến đấu với thiên nhiên, mà thường an phận thuận mạng, nhẫn nhục chịu cảnh bệnh tật, vì không có cách nào cải thiện cái kiếp của mình được. Lúc đó xã hội nông nghiệp đã quá thời cực thịnh rồi mà đương suy.

Nhưng từ hậu bán thế kỷ XVIII, Châu Âu—bắt đầu là Anh và Pháp tách ra khỏi các miền khác trên thế giới mà phát triển về kinh tế nhờ sự phát triển về kỹ thuật.

Người ta vẫn chưa biết rõ do những nguyên nhân sâu xa nào mà riêng Phương Tây thực hiện nổi cuộc cách mạng về kỹ nghệ, mở màn cho thời đại thứ ba này: thời đại kỹ nghệ; chỉ biết rằng từ khi Descartes (thế kỷ XVII) đặt cơ sở cho nền khoa học thực nghiệm thì các môn khoa học tinh xác (toán, vật lý hóa, vạn vật, y học...) phát triển mỗi ngày một mạnh, các sáng chế, phát minh

(máy chạy bằng hơi nước, máy phát điện, máy nổ...) xuất hiện liên tiếp, rồi các kỹ sư, các nhà kinh doanh một mặt cải thiện, chế tạo những dụng cụ sản xuất, một mặt tổ chức công việc, khuyến khích sự đầu tư để dựng nên những xưởng máy sản xuất mỗi ngày một nhanh, một nhiều, kết quả là nền kinh tế Châu Âu chuyển qua giai đoạn kỹ nghệ, giai đoạn cơ giới và chỉ trong hơn một thế kỷ thôi kéo hết các miền khác trên thế giới vào một cơn lốc cách mạng, lợi cũng nhiều, hại cũng lắm, làm thay đổi hẳn một lần nữa từ bộ mặt địa cầu tới tâm trạng con người. Dưới đây là ít đặc điểm thời đại kỹ nghệ của chúng ta.

a) — *Kinh tế.*

Nhờ máy móc và phương pháp làm việc, năng suất tăng lên mạnh. Chẳng hạn về canh nông, sức sản xuất lúa của một nông dân Pháp từ 1800 đến 1939 tăng lên gấp năm; rồi từ 1939 đến nay lại tăng lên gấp đôi nữa (nghĩa là gấp mười lần hồi năm 1800); ở Mỹ năng suất đó còn mạnh hơn: năm 1960 bằng 12 hay 15 lần năm 1800.

Năng suất về điện tăng mạnh nhất : từ 1900 đến 1955 tăng gấp 37 lần.

Vì sản xuất tăng lên nên lợi tức của dân cũng tăng theo, mức sống cao lên, người ta ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn, ở sướng hơn, tiêu khiển nhiều hơn, có nhiều nhu cầu hơn, và sống lâu hơn...

Y khoa tiên bộ nhờ phương pháp khoa học, trị được nhiều bệnh, nhất là những bệnh do vi trùng, tử suất giảm đi trông thấy, sinh suất vẫn như cũ, cho nên tăng xuất của nhân số cao lên, vào khoảng 1850, cứ 80 năm nhân số mới tăng gấp đôi, tới năm 1930, chỉ 46 năm đã tăng gấp đôi, hiện nay ở các nước kém phát triển Á, Phi cứ từ 20 đến 30 năm là tăng gấp đôi rồi. Nhân số địa cầu nhảy vọt lên, đã gần tới 4 tỉ, cuối thế kỷ này có thể tới gần bảy tỉ.

Thời đại trước, các hoạt động sơ đẳng (canh nông, mục súc) chiếm 80 phần trăm số người làm việc trong nước, năm 1960 ở những nước phát triển như Pháp, Đức, Ý... tỉ số đó còn độ 20 phần trăm, ở Mỹ chỉ còn khoảng 10 phần trăm ; hoạt động nhị đẳng chiếm một tỉ số 30 đến 40 phần trăm ;

còn bao nhiêu là hoạt động tam đẳng.

Thương mại thời nông nghiệp bị coi khinh (nhất sĩ, nhì nông, tam công, tứ thương) vì người ta cho rằng nó không sản xuất mà còn sống bám vào sức sản xuất; qua thời đại kỹ nghệ, nó được coi trọng.

Chê độ tư sản tiền tới thành chê độ đại tư bản: nước nào cũng có một số đại kỹ nghệ gia, đại lý tài gia giàu có, uy quyền hơn vua chúa. Và đúng như Will Durant đã nói, ở thời này «hạng người điều khiển người chỉ điều khiển những người điều khiển sự vật thôi, còn hạng người điều khiển tiền bạc mới điều khiển tất cả.»

Chê độ nô lệ phát sinh trong thời nông nghiệp vì cần thiết cho nông nghiệp, tới nỗi có Kinh Thánh cho nó là hợp ý Thượng Đế, qua thời đại kỹ nghệ hóa ra vô ích (vì loài người đã có những nô lệ đặc lực hơn tức máy móc; mỗi người ngày nay có ít nhất là ba chục tên nô lệ), nên phải cáo chung.

Chê độ đại tư bản gây ra sự bất quân mỗi ngày mỗi lớn về kinh tế, mà hễ bất quân về kinh tế thì tất có sự bất bình đẳng

về quyền lợi, giáo dục, luật pháp răn giảm bớt sự bất quân đo mà chưa được.

b)— *Xã hội.*

Do đó có sự giai cấp đầu tranh, người nghèo tranh quyền sống với người giàu, gây ra biết bao cuộc cách mạng đổ máu nhiều hay ít trong non hai thế kỷ nay. Thế giới không được ổn định như thời trước nữa.

Nông nghiệp nhờ máy móc, cần ít nhân công hơn trước, nông dân thất nghiệp đổ ra thành thị làm trong các xưởng máy; sô thị dân tăng rất mau. Đại gia đình do sự di cư ầy mà tan rã.

Trẻ con ở thành không còn giúp cha mẹ được nhiều như ở nông thôn, không còn là một cái lợi mà trái lại thành một gánh nặng cho cha mẹ (phải cho chúng đi học, và mười lăm mười sáu tuổi chúng mới kiếm ăn được), nên có đông con không còn là một cái phúc nữa.

Đời sống ở thành thị đắt đỏ, nhu cầu lại nhiều, phụ nữ phải vô xưởng làm việc thì gia đình mới đủ ăn. Nếu họ không đòi được giải thoát thì luật pháp cũng giải

thoát họ lần lần để họ thành công nhân. Cũng sản xuất như đàn ông, họ phải được bình đẳng với đàn ông, đức tam tông có lợi cho thời trước, thời nay hóa có hại; mà cả đức hiền cũng mất giá trị, suy lần đi, vì không còn ruộng đất, không cần phải sản xuất chung, thì con cái muốn thoát ly gia đình ngay từ khi kiếm được tiền. Chủ nghĩa cá nhân, sự tự do kết hôn, cả sự không tôn trọng người già nữa, đều là hậu quả của cách mạng kỹ nghệ. Có thể nói bao nhiêu giá trị về đạo đức trong đời sống gia tộc của thời đại trước bây giờ đảo lộn hết. Thanh niên hóa ra ích kỷ, đòi được hưởng sự giúp đỡ của cha mẹ, thật nhiều, thật lâu, cho đó là bổn phận của cha mẹ, nhưng khi trưởng thành rồi thì tự cho không có bổn phận gì với cha mẹ nữa. Thời săn mồi và đầu thời nông nghiệp, hễ cha mẹ già, không sản xuất được nữa thì người ta bỏ vô rừng cho cạp tha hoặc đưa ra giữa biển cho cá mập rĩa; khi nông nghiệp thịnh, người già được trọng nhất; bây giờ thời đại kỹ nghệ, người già lại bị xã hội rẻ rúng; không đẩy vô rừng, đưa ra

biển thì đưa vô viện dưỡng bần.

Thời đại kỹ nghệ là thời đại của tiền bạc; bọn có nhiều tiền hạ bọn quý tộc để nắm quyền hành. Các ngai vàng lần lần đổ hệt, chế độ dân chủ thay thế chế độ quân chủ. Gọi là dân chủ, nhưng sự thực chính là tiền bạc làm chủ; không phải là kẻ triệu phú tỷ phú, hoặc được bọn tài phiệt ủng hộ thì có tài có đức cũng không được ứng cử mà thay mặt dân (một ứng cử viên tổng thống Mỹ năm ngoái đã phàn nàn như vậy). Đúng như Will Durant nói, sự tuyển lựa chính trị gia theo huyết thống đã được thay thế bằng sự tuyển lựa theo của cải, không phải của cải của cá nhân, mà của các ngân hàng, các công ty lớn; người ta dùng mọi phương tiện bỉ ổi như cò mồi, mật thám chính trị..., và kẻ thắng cử thành tay sai của bọn tài phiệt.

Một đặc điểm nữa của xã hội chúng ta là chúng ta đề cao chủ nghĩa cá nhân, hô hào tự do, tự hào là được tự do mà sự thực chính sách quốc quyền (étatisme) lan tràn khắp thế giới, chính quyền được khoa học và kỹ thuật tặng những phương tiện rất hữu

hiệu để đàn áp cá nhân, cá nhân chỉ là một con số không trước sức mạnh vô biên của bộ máy chính quyền.

c)— *Luân lý.*

Thời đại nông nghiệp loài người hiền hòa, qua thời đại kỹ nghệ, người ta lại hóa ra hiền chiến như thời săn mồi. « Mỗi » ngày nay là những quốc gia nhược tiểu, kém phát triển, trước thề chiến vừa rồi người ta gọi là thuộc địa, bây giờ người ta gọi là đồng minh. Mỗi ngày nay là tài nguyên như các khoáng sản, thổ sản, là nhân công rẻ tiền, là thị trường tiêu thụ hóa phẩm.

— Tiết kiệm là một đức quý trong xã hội nông nghiệp; trong xã hội kỹ nghệ lại thành một tật xấu. Thề kỷ trước người ta còn sản xuất để tiêu thụ; bây giờ sản xuất mau quá, nhiều quá, người ta phải tiêu thụ cho thật mau, thật nhiều để có thể sản xuất hơn nữa, nếu không thì máy và thợ đều phải nghỉ. Câu « ăn chắc mặc bền » không còn nghe thầy ai nói nữa. Bền chắc hết là một giá trị. Giá trị bây giờ phải mới hoài. Mỗi năm có một kiểu đồng hồ, một kiểu xe hơi, dăm ba tháng

lại có một kiểu áo mới, nhà cửa thì mười, mười lăm năm phải đổi kiến trúc ; dù còn tốt, cũng phải phá đi, cất lại theo kiểu mới.

Đàn bà bình quyền với đàn ông thì chế độ đa thê sẽ mất (trừ khi nào chiến tranh tàn sát đàn ông nhiều quá mà có tình trạng trai thiếu, gái thừa), sự ly dị càng ngày càng dễ dàng, trinh tiết không còn là một đức quý.

Sau cùng là tôn giáo suy. Người ta mạnh miệng tuyên bố : « Thượng Đế đã chết ». Một phi hành gia lên cung trăng trở về trái đất bảo không thấy Thượng Đế ở đâu cả. Khoa Học đã thay được quyền Hóa Công trong vài khu vực, cho nên có một số người thờ Khoa Học như một Thượng Đế.

d) — *Tinh thần.*

Giáo dục cũng đổi hướng : không chú trọng vào đức dục như thời đại nông nghiệp mà chú trọng vào trí dục, vào tinh thần khoa học, vào sự đào tạo các nhà chuyên môn : thợ chuyên môn, kỹ sư chuyên môn, giáo sư chuyên khoa, y sĩ chuyên khoa...

Văn chương nghệ thuật mất tính cách cổ điển, mà có những xu hướng mới, hết

lãng mạn tới thực hiện, rồi siêu thực, tượng trưng vân vân... để thỏa mãn nhu cầu mỗi ngày mỗi mới của người tiêu thụ.

IV THỜI ĐẠI HẬU KỸ NGHỆ

Vào khoảng 1780, James Watt chế tạo máy chạy bằng hơi nước, mở màn cho cuộc cách mạng kỹ thuật, và đầu thế kỷ XIX nhân loại bước vào thời đại kỹ nghệ. Trăm rưỡi năm sau, 1947, Wiener viết một cuốn sách nhan đề là *Cybernetics*, về kỹ thuật các hệ thống tự điều khiển, rồi mười năm sau các máy tính điện tử bắt đầu được phổ biến ở Mỹ; ngày nay các máy điện tử I.B.M (International Business Machine) lan tràn qua Châu Âu và vài xứ Châu Á, mở màn cho một cuộc cách mạng nữa, cho một thời đại mới, thời đại «hậu kỹ nghệ» cũng gọi là thời đại «kỹ nghệ điện tử» (technétronique).

Chỉ mới có vài dấu hiệu tỏ rằng thời đại này đang bắt đầu ở Mỹ và vài nước Châu Âu nhưng một số nhà bác học tiên đoán chỉ trong 30 năm nó sẽ lan tràn khắp

thề giới. Chưa có tác phẩm nào tả xã hội của thời đại mới này vì lẽ nó chưa thành hình; tôi chỉ lượm lặt ít nhận xét, tin tức hoặc ít lời tiên đoán trong cuốn *L'an 2000* (do viện Hudson xuất bản năm 1967, nhà Robert Laffond dịch ra tiếng Pháp năm 1968), cuốn *Vers une civilisation du futur* của Roger Clément (nhà Bordas—Paris 1972), và trong ít sô báo, rồi suy diễn thêm để viết đoạn IV này. Tôi không phải là nhà khoa học, sự hiểu biết của tôi chắc có điều lầm, và những suy đoán của tôi chỉ nên coi là giả thuyết của một tay mơ.

a)— *Kinh tế.*

Thời đại nầy là thời đại của các máy tự động, các máy điện tử. Người ta đoán rằng độ mười năm nữa, các bà nội trợ có thể ra lệnh cho người máy trước khi đi chơi hoặc tới hăng làm việc, nó sẽ nhớ và tuân tự thi hành những lệnh đó như lau nhà, hút bụi, rửa chén vùn vùn...

Các xưởng sẽ dùng ít thợ, ít kỹ sư đi vì nhiều công việc có thể giao cho máy, cả công việc tính toán tìm một giải pháp tốt nhất

cho một trường hợp nào đó. Tôi không biết ngành canh nông có chịu ảnh hưởng nhiều không, nhưng hiện nay số người hoạt động cho canh nông ở Mỹ chỉ bằng 5 phần trăm tổng số những người làm việc. Vậy chúng ta có thể đoán rằng trong thời đại hậu kỹ nghệ, hoạt động sơ đẳng chiếm nhiều lắm là 5 phần trăm số người làm việc; hoạt động nhị đẳng (kỹ nghệ) chắc vào khoảng 15 phần trăm, mà hoạt động tam đẳng (dịch vụ) sẽ chiếm tới 80 phần trăm. Fourastic năm 1961 tiên đoán phải vài thế kỷ nữa nhân loại mới tới trình độ ấy (1). Ông đã lầm : không phải vài thế kỷ mà chỉ có vài chục năm !

Theo Ủy Ban Năm 2000 thì các xí nghiệp tư sẽ không còn phát minh được nhiều canh tân bằng các cơ quan quốc gia nữa, như vậy là kém quan trọng đi ; thương mại cũng sẽ kém quan trọng so với các công vụ và hoạt động xã hội. Hậu quả là tư bản, các giới kinh doanh sẽ giảm quyền thế.

(1) Cõi cuốn **Một niềm tin của Nguyễn Hiến Lê** — 1965

b)— *Xã hội, chánh trị.*

Dân số các thị trấn càng tăng mạnh. Tới cuối thế kỷ Mỹ sẽ có những thị trấn khổng lồ, mỗi thị trấn gồm từ 20 đến 80 triệu người ; các nước khác cũng vậy. Sẽ có từ 80 đến 90 phần trăm số người trên thế giới sống trong các thị trấn.

Tinh thần quốc gia tại các nước phát triển mạnh có thể sẽ mất hẳn. Hiện nay ở Pháp đã có già nửa thanh niên theo chủ trương không biên giới (*Jeunesse sans frontière*). Tại các nước kém phát triển, tinh thần này có thể vì hoàn cảnh bùng lên nhưng cũng chỉ trong một thời gian thôi.

Các máy điện tử «thần xuất quỷ nhập» sẽ giúp chính quyền kiểm soát được từng cử động, ngôn ngữ trong đời tư, cả trong phòng kín của mỗi cá nhân. Cá nhân có thể sẽ mất hết tự do, tư tưởng, hoàn toàn thành con số không.

Mặt khác theo Roger Clément thì tổ chức thư lại (*bureaucratie*) cực thịnh ở thời đại kỹ nghệ, qua thời đại sau sẽ bị các máy điện tử khai tử.

Nhưng có lẽ người ta sẽ được hoàn toàn tự do « làm tình » vì các thuốc ngừa thai, các phương pháp phá thai sẽ rất hoàn hảo. Tinh thần gia đình sẽ mất luôn, cũng như tinh thần quốc gia. Trai gái ở Mỹ hiện nay đã trở lại chế độ kết hôn thử, đổi vợ, đổi chồng của con người thời sơ khai. Tôi không bảo như vậy là họ thụt lùi, họ vẫn tiến, tiến theo tròn ốc. Những đức trình tiết, hiếu đễ sẽ thành những tật xấu, kỳ cục, làm đề tài cho các màn hài kịch trên ti vi.

Xã hội sẽ ổn định về phương diện nhân số : chắc người ta sẽ chặn đứng được sự tăng gia nhân số, mỗi « gia đình » nhiều lắm chỉ được hai con thôi ; nhưng sẽ bất ổn, mất thăng bằng về phương diện tin thần : « bị đặt vào giữa một quá khứ lạc hậu và một vị lai không biết sẽ ra sao, mất những truyền thông luân lý, tôn giáo cũ mà chưa tìm được một triết lý nào thích hợp cho thời đại mới, con người chỉ biết sống cho qua ngày tùy theo những đòi hỏi đoản kỳ không liên lạc gì với nhau » (Fourvastié).

c) — *Luân lý.*

Người ta sống như vậy chỉ để hưởng

lạc. Người ta sẽ hiểu hơn thời đại nông nghiệp nữa, vì không còn tinh thần quốc gia.

Các giá trị « bourgeois » hiện nay còn được trọng, lúc đó sẽ bị khinh : chỉ làm việc tà tà mỗi tuần vài chục giờ là đủ sống, có đủ mọi tiện nghi, nên người ta lại mất đức lo xa, cần kiệm của thời đại nông nghiệp, mất tinh thần ganh đua của thời đại kỹ nghệ. Nhưng hưởng lạc hoài thì sẽ chán, nên một số người sẽ thành triết nhân, khinh cuộc đời quá thừa thãi, mà hoặc vô rường sống thiếu thốn một chút giữa thiên nhiên, hoặc hít, hút, các thứ ma túy để thoát ly thực tại : phong trào hip-pi ở Mỹ hiện nay tượng trưng cho tinh thần ấy và có thể sẽ lan tràn khắp thế giới.

Tội ác sẽ tăng.

Những tôn giáo hiện nay sẽ suy. Người ta sẽ tìm những triết lý mới, tôn giáo mới để giảng lại vũ trụ, tìm một mục đích cho cuộc sống, nhưng tìm được hay không ?

d) — *Tinh thần.*

Gia đình, giáo dục không được trọng nữa. Cha mẹ còn có lý do gì để bắt con cái

phải hiểu nghĩa, siêng học, cần kiệm, ganh đua nữa đâu.

Còn học đường thì sẽ bỏ lối giáo dục chuyên môn ngày nay : chuyên môn để làm gì, vì cứ năm, mười năm là khoa học, kỹ thuật lại thay đổi hết rồi. Không cần khả năng chuyên môn mà cần đa năng (polyvalent), cần mau thích ứng với hoàn cảnh mới. Như vậy thì kiến thức phổ quát (culture générale) ích lợi hơn kiến thức chuyên môn.

Con người ở trường ra sẽ vừa làm vừa học nghề, học hoài suốt đời (hiện nay ở Âu Mỹ, đã có phong trào học suốt đời (1)) vì suốt đời phải thích nghi với những cái mới: đó cũng là một nguyên nhân khiến người ta có cảm giác bất an.

Nghệ thuật sẽ có tính cách « sensate » mới, như trong bài *Năm 2000* tôi đã nói : ồn ào, tàn bạo, phản kháng, cực đoan, kích thích, khiêu dâm, phô trương, phúng thích, chua cay, nghệ thuật hip-pi ngày nay hình

(1) Coi cuốn *Tự học*, một nhu cầu của thời đại — Thanh Tân xuất bản.

như là màn đầu của nghệ thuật thời đại hậu kỹ nghệ.

KẾT

Tôi không nhớ học giả nào đã nói phía sau mỗi giáo đường, mỗi học viện là một lò sát sinh, nghĩa là loài người dù văn minh tới đâu, dù là chúa tể của vạn vật thì cũng vẫn chỉ là một sinh vật như mọi sinh vật khác, sống là để tìm miếng ăn trước hết, rồi mới tới những nhu cầu tuy cao thượng nhưng vẫn là phù phiếm khác.

Trong hai thời đại săn mồi và nông nghiệp nhân loại lo giải quyết vấn đề ăn; qua hai thời đại sau, kỹ nghệ và hậu kỹ nghệ, những hoạt động nhị đẳng và tam đẳng tăng lên nhiều, nhưng ăn vẫn là mối lo sô một: thực phẩm không tăng kịp nhân sô, nhân loại sắp chết đói đây và đương tìm mọi cách chặn đứng sự gia tăng nhân sô lại.

Trong khi tìm thức ăn, nhân loại tạo ra được những cách thức, phương tiện sản xuất mới — chúng ta khác loại vật ở điểm đó — và mỗi cách thức sản xuất mới lại tạo

ra một xã hội mới, những giá trị luân lý và tinh thần mới, một cách suy tư mới, một quan niệm mới về nhân sinh và thế giới. Chúng ta đã thấy trong thời đại sản mồi, không có tư sản, không có quốc gia, gia đình là gia đình mẫu hệ, sự lựa người thủ lãnh tùy theo khả năng và kinh nghiệm; qua thời đại nông nghiệp, có tư sản, có quốc gia, thêm chế độ nô lệ, gia đình là gia đình phụ hệ, sự lựa người thủ lãnh tùy theo huyết thống; qua giai đoạn kỹ nghệ, chế độ tư bản phát triển mạnh, tinh thần quốc gia lên cao, nhưng tinh thần gia đình suy, không còn đại gia đình mà chỉ có tiểu gia đình, sự lựa chọn người thủ lãnh tùy theo tài sản; rồi qua thời đại hậu kỹ nghệ, tinh thần quốc gia, gia đình sẽ gần như mất hẳn, lúc đó may ra nhân loại đại đồng được chăng.

Những giá trị luân lý, tinh thần cũng vậy: con người sơ khai hiếu chiến, không lo xa, nhưng hiếu khách, không biết trịnh tiết là gì; qua thời đại nông nghiệp, người ta hiếu hòa, lo xa, cần kiệm nhưng ích kỷ, trọng trịnh tiết, đức hiếu; qua thời đại kỹ nghệ, người ta lại hiếu chiến, bớt

tiết kiệm đi mà muốn tiêu thụ cho nhiều, nhưng người ta hăng hái làm việc cho đặc lực, ganh đua để thành công, các đức trình tiết và hiệu mất giá trị; qua thời đại hậu kỹ nghệ, người lại hiền hòa, không ganh đua, không thích thành công nữa mà ham hưởng lạc, trình tiết hiền nghĩa sẽ thành những tật xấu.

Dù thuộc chủng tộc nào, có màu da nào, con người trên khắp địa cầu phản ứng với hoàn cảnh, với cách thức sản xuất, đại khái cũng như nhau hệt. Ở Âu hay Á, đâu đâu cũng đã có gia đình mẫu hệ, rồi gia đình phụ hệ, rồi đại gia đình tan rã, thanh niên đòi thoát ly gia đình, đòi tự do kết hôn vân vân..., hiện nay đâu đâu người ta cũng muốn hạn chế sinh dục, ở Mỹ đã có những campus làm tình tập thể, lại có thói đổi vợ cho nhau, và sau này chắc đâu đâu cũng có tục kết hôn thử.... Vì có luật bất di bất dịch này: khi một tổ chức, một thái độ còn cần cho sự chiến đấu để sinh tồn thì còn được coi là tốt, hết cần rồi thì bị coi là xấu, phải bỏ đi, để nhường chỗ cho một tổ chức mới, một thái độ mới.

Trong thời đại nông nghiệp, đời sống của bình dân quả là cực khổ : trung bình cứ ba năm lại bị một năm đói, hễ đau ốm thì chỉ trông vào sô mạng, vì không có tiền uống thuốc, nhà cửa sụp sập, y phục thiếu thốn... nhưng xã hội được ổn định và tại những nước như Trung Hoa, cha con, vợ chồng yêu quý nhau, người dân tương đối được tự do, bình đẳng, cái hồ giữa các giai cấp không sâu lắm.



Hai thế kỷ nay, từ khi khoa học và kỹ nghệ phát triển, nhân loại được hưởng nhiều cái lợi thật, nhưng cũng phải chịu nhiều cái hại. Trong bài « Hai nguy cơ trước mắt của nhân loại », tôi đã nói khoa học như một đứa con tinh quái, lôi kéo ta hoài, bắt ta phải đòi phó với nó hoài, không cho chúng ta nghỉ ; gần như mỗi phát minh lại gây nên một vấn đề mới về xã hội, về nhân sinh, khiến ta phải tìm cách giải quyết bằng khoa học nữa, và cứ như vậy, thì 50 hay 100 năm nữa, tương lai nhân loại sẽ ra sao ? Chỉ mới nghĩ tới thế giới cuối thế kỷ này chúng ta đã hoang mang, hoảng hốt rồi : thật là một cảnh hỗn

loạn mà chắc nhiều vị vào cái tuổi tôi mừng rằng sẽ khỏi phải thầy.

Trong hai trăm năm nay loài người chỉ lo thích ứng với hoàn cảnh do mình (tức khoa học) tạo nên, hiện nay đương lo đối phó với nạn nhân mãn, nạn khí giới hạch tâm, nạn hoàn giới nhiễm uê..., chưa có thì giờ hoặc chưa muốn nghĩ tới việc điều khiển hoàn cảnh, điều khiển khoa học mà đáng lý đó phải là mục đích của chúng ta, cái vinh dự của chúng ta. Làm chủ vũ trụ có ích lợi gì không nếu không làm chủ được vận mạng của mình.

Tôi ước ao sao trong đời tôi được thầy một triết lý mới, một tôn mới nào vạch đường cho nhân loại chề ngự được khoa học — chứ đừng để nó lôi kéo nữa — trong một thế giới ổn định, quân bình, tương thân tương ái, biết trọng những giá trị tinh thần hơn những giá trị vật chất. Tôi nghĩ những tiên bộ vật chất của chúng ta lúc này đáng gọi là quá đủ rồi, chỉ cần sao cho mọi người được hưởng đồng đều thôi. Nhưng ai là người dám bảo Khoa Học: «Thôi, ngưng lại» bây giờ đây, dù chỉ trong vài khu vực?

Sài Gòn ngày 1/5/73

Sa-Déc, Oct 2, 2015

MỤC LỤC

I. HAI NGUY CƠ TRƯỚC MẮT CỦA NHÂN LOẠI

Sự bộc phát của nhân số — Nạn đói.

Hết đất trồng trọt rồi

Cuộc cách mạng xanh

Biển, cứu tinh thần của nhân loại?

Thức ăn tân tạo

Những tài nguyên khác của địa cầu

Sự nhiễm ứ của hoàn giới.

Không khí nhiễm ứ

Nước nhiễm ứ

Nạn rác

Các chất trừ sâu bọ

Hệ thống sinh giới mất quân bình

Nguy hại phóng xạ

Tiếng động

Biện pháp đối phó

Chặn đứng nạn nhân mãn

Trừ sự nhiễm ứ của hoàn giới

Ý thức của đại chúng

II. THANH NIÊN PHÁP HIỆN NAY MUỐN GÌ?

Có một phong trào phản chiến để chống nạn đói?

Một cuộc phỏng vấn

Thích môn tiêu khiển nào?

Muốn làm việc để có tiền tiêu vật

Muốn đời quân dịch thành dân dịch
Một lời hô hào
(K D. bỏ 10 chữ)

III. NĂM 2000

Thế giới từ nay tới cuối thế kỷ
Xã hội hậu kỹ nghệ
Cạnh tân kỹ thuật
 Những cạnh tân có lợi
 Những cạnh tân có thề có hại
 Những cạnh tân lý thú
 Những cạnh tân ảnh hưởng lớn tới xã hội

Dự đoán đoán về chính trị

Tình hình chung thế giới

Chiến tranh

Ác mộng của thế kỷ XXI

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

IV. BỐN THỜI ĐẠI CỦA NHÂN LOẠI

Thời đại săn mồi

Kinh tế — Xã hội — Luân lý — Tinh thần

Thời đại nông nghiệp

Kinh tế — Xã hội — Luân lý — Tinh thần

Thời đại kỹ nghệ

Kinh tế — Xã hội — Luân lý — Tinh thần

Thời đại hậu kỹ nghệ

Kinh tế — Xã hội — Luân lý — Tinh thần

Kết



NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THỜI ĐẠI
CỦA NGUYỄN HIẾN LÊ, HỒ
THÀNH ĐỨC VÀ NHÀ XUẤT BẢN
TRÌNH BÀY BÌA, MẶT ĐẤT IN
LẦN THỨ NHẤT THÁNG 6 NĂM
1974 TẠI SÀI GÒN.

Sa-Đéc, Oct 2, 2015



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

tác giả giữ bản quyền